

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

NGÀY 1 THÁNG 9 NĂM 1966

NGUYỄN ANH TUẤN *Lâm Bưu, người kể vj Mao Trạch
Đông* * NGUYỄN VĂN TRUNG *biện chứng đấu mở* *
NGUYỄN *Phật giáo phục hưng tại Miến Điện và Nhật
Bản* * VŨ TRUNG *Zen và nghệ thuật* * CUNG GIŨ
NGUYỄN *vương đạo và quyền mưu* * ĐOÀN THÊM
những ngày chưa quên : quốc hội và lập hiến * MỘNG
TRUNG *hôn nhân dị chủng* * NGỌC VÂN *thí nghiệm dục
tính* * THỂ UYÊN *tiền đồn* * TRẦN ĐẠI *đội giấy dinh* *
SINH HOẠT *thời sự văn nghệ* * *nhà giáo với
văn hóa dân tộc* * *hai
đêm nhạc thanh niên* *
truy điệu Trương Công Định

232

SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRF

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- SES SIROPS
- SA PARFUMERIE
- SON VINAIGRE
- SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 232 ngày 1 - 9 - 1966

NGUYỄN ANH TUẤN <i>Lâm Bưu người kể vị Mao Trạch Đông</i>	3
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>biện chứng đấu mở</i>	9
CUNG GIỮ NGUYỄN <i>vương đạo và quyền mưu</i>	15
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên (quốc hội và lập hiến)</i>	23
VŨ TRUNG <i>Zen và nghệ thuật</i>	31
NGUYỄN <i>Phật giáo phục hưng tại Miến Điện và Nhật Bản</i>	35
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	45
NGỌC VÂN <i>thí nghiệm tình dục</i>	51
TRẦN ĐẠI <i>đôi giầy đinh (truyện ngắn)</i>	59
MỘNG TRUNG <i>hôn nhân dị chủng</i>	77
SINH HOẠT TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	81
VŨ DZŨNG <i>hai đêm nhạc thanh niên</i>	84
THẾ NHÂN <i>nhà giáo với văn hóa dân tộc</i>	85
PHẠM LONG ĐIỀN <i>truy điệu Trương-Công-Định</i>	86

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 15\$ Cộng sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay

Cùng quý vị độc-giả Bách-Khoa Thời-Đại

Như đã trình bày trước cùng quý bạn trên số báo 230 (1-8-66) là hiện nay chỉ có giấy báo khổ nhỏ (60x90) nên từ số 231 (15-8-66) trở đi Bách Khoa Thời Đại bó buộc phải đổi khổ nhỏ hơn trước. Cũng vì muốn bảo đảm cho nội dung vẫn phong phú như cũ, nên lời sắp trang ở khổ mới này đã làm các hàng chữ sát nhau, kém sáng sủa, và sự trình bày trong lúc đổi khổ chắc chắn sẽ không làm hài lòng bạn đọc.

Tuy nhiên, chúng sẽ cố gắng sửa đổi để làm cho tờ báo, mặc dầu ở khổ nhỏ, cũng mỗi kỳ một đẹp mắt hơn lên và chừng nào có giấy khổ lớn (65x100) Bách Khoa Thời Đại sẽ trở về khổ cũ vốn đã quen thuộc với quý bạn từ trước đến nay.

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

GIÁ BÁO DÀI HẠN

từ số 230 (1-8-66)

Một năm : 300\$

Sáu tháng : 160\$

Miền Trung và Cao-Nguyên : Thêm cước phí máy bay.

Ngoại Quốc thêm cước phí mới ấn định

GIÁ MỖI SỐ : 15\$

GIÁ CÔNG SỞ : GẤP ĐÔI

LÂM-BURU

người kê-vị Mao-Trạch-Đông

• NGUYỄN-ANH-TUẤN



Lâm-Buru

Đồng-chí Lâm-Buru, đại diện Mao Chủ-Tịch và Đảng,

Trong bầu không-khí còn đượm hơi sương (5 giờ sáng) Mao-Trạch-Đông trong bộ nhung phục Đại nguyên soái Thống-Chế Tổng chỉ huy Hồng-quân Trung-Hoa, lên lời bắt tay và hỏi han quần chúng trong một cuộc mít tinh hơn một triệu người tại Quảng-trường Thiên An-Môn. Theo sát gót họ Mao là Lâm-Buru; Chu Ân-Lai đi vào hàng thứ ba và Lưu-Thiếu-Kỳ hàng thứ năm. Sau hai tiếng đồng hồ hòa mình với quần chúng, Mao và toàn-bộ Trung-Uơng Đảng-Bộ Trung-Cộng trở về khán đài chủ-tọa cuộc mít tinh phát động cái gọi là phong-trào

Cách-mạng Văn-hóa nhằm thanh trừng « nhóm chống Đảng, bọn Xét lại. »

Sau bài diễn văn khai mạc của trưởng ban tổ chức, Lâm-Buru, Thống-Chế Tổng-tư-lệnh, đại-diện Mao-Trạch-Đông và Ban-chấp-hành Trung-Uơng Đảng-Bộ Trung-Cộng, phát biểu ý-kiến. Họ Lâm nhấn mạnh tới mục đích cuộc Cách-mạng Văn-hóa lớn nhằm « đào tận gốc, tróc tận rễ » xã hội cũ, « tiêu diệt sạch » bọn Trí-thức Tiểu-tư-sản, Tư-tướng tái sinh tư-bản xét lại chủ-nghĩa của Nga-sô, « đánh gục tất cả » bọn phản động chống lại tư-tướng Mao-Trạch-Đông. Tiếp theo, Chu Ân-Lai, Thủ-Tướng Chánh-phủ đọc diễn-từ. Họ Chu đã nhấn mạnh câu « Tuân theo lời dạy và kêu gọi của đồng-chí Lâm-Buru, đại diện Mao Chủ-Tịch và Đảng... » Bài diễn từ của họ Chu còn tiết lộ rằng Thống-Chế Lâm-Buru đã hậu-thuần cho Mao-Trạch-Đông trong công cuộc phát-động Cách-mạng Văn-hóa lớn. (Mà nay đã giam cầm trên 40 triệu trí thức và tư-sản Trung-hoa tại Lục địa).

Sau họ Chu các đại-diện của Nghiệp-đoàn Nguyên-tử, giáo sư, trí-thức lên diễn-đàn, suy tôn Lâm-Buru và hoan-nghênh cuộc Cách-mạng Văn-hóa.

Tất cả những lời xưng tụng Lâm-Buru của các nhân vật quan trọng như Chu Ân-Lai trước một đám quần chúng đông-đảo và trong một dịp trọng đại như thế đã làm sáng-tỏ vai trò kẻ nghiệp

Mao-Trạch-Đông của họ Lâm tại Hoa-Lục.

Thực ra đây chỉ là một cử chỉ chính-thức công-khai-hóa vai tuồng kế-nghiệp của Lâm-Bưu, vì ngay từ tháng năm 1966 các bích chương « Mao Chủ-tịch muôn năm » tại Bắc-Kinh đã kèm theo hàng chữ « Đồng chí Lâm-Bưu muôn năm » Các đường - hướng chính - trị do họ Lâm vạch ra cho Hồng-quân đã đồng thời được dùng để chỉ-đạo Đảng và Nhà nước dưới chiêu bài « Học-tập của Quân đội Nhân dân Giải phóng ».

Nhân-vật trẻ nhất của Trung Ương Đảng Bộ.

Họ Lâm là nhân-vật trẻ nhất của Trung-Ương Đảng bộ Trung-Cộng, vóc người mảnh dẻ, tóc chải ngược, mũi khoắn, mày rậm, da tái mét. Lâm lúc nào cũng rất chỉnh tề trong bộ quần áo xám cổ cao như Mao-Trạch-Đông.

Một số người Âu đã từng gặp Lâm, thấy nhân vật này dễ mến, khéo ăn khéo nói và khiêm tốn. Những viên chức Hoa Kỳ đứng ra hòa-giải cuộc Quốc-Cộng tương tranh năm 1947 nhớ lại rằng nhân vật này nhã-nhận nhưng là một tay hòa-giải rất khéo léo và cương-quyết. Một cộng tác viên cũ của Lâm hiện đã trốn ra khỏi lục-địa đã mô tả nhân vật này là « Có tham vọng nhưng không đề lộ ra mặt. »

Cả hai đều được cơ-quan tuyên truyền của Bắc - Kinh mô tả như là một người khiêm tốn « hết sức lưu tâm đến ý-kiến của quần chúng », và rõ ràng là họ Lâm có thể sẵn sàng đảm nhận hình ảnh « cha già dân-tộc » của họ Mao.

Giống nhau như hai giọt nước.

Thực ra họ Mao và họ Lâm có nhiều điểm tương đồng. Cả hai đều nghiên cứu

Mác và bính thư thật thấu đáo nhưng đều thiếu văn-hóa tổng-quát. Cả hai đều không nói được ngoại-ngữ và nước duy nhất ngoài Trung-Hoa mà họ đã đặt chân tới là Nga Sô.

Cả hai đều tin tưởng rằng chiến-tranh là khí-cụ chính yếu của các cuộc cách-mạng. Lâm Bưu đã nhận định : « Sự hy sinh của một số nhỏ nhân dân được bù đắp bằng sự an-toàn của các quốc-gia. Chiến tranh tôi luyện nhân-dân và thúc đẩy lịch-sử tiến tới. »

Ngay đối với mức-độ lần-tránh sự phô-trương của giới lãnh đạo Bắc Kinh, sự kín-đáo của họ Lâm cũng khác thường. Về cuộc sống cá nhân của nhân vật này người ta không được biết gì hơn là việc kết hôn với cô Liu-Hsi-Jing vào năm 1937 — khi họ còn là hai thanh niên thanh nữ cách mạng tại Diên An thủ phủ du kích trong vùng đồi núi Thiểm-Tây và họ có một trai một gái.

Trước vụ xuất-hiện trong bức ảnh tháng Năm 1966 cùng với Mao trong dịp tiếp Thủ-tướng Albany, báo chí Bắc-Kinh không hề đề cập tới sự đảm nhiệm một chức vụ công-quyền nào của Lâm trong suốt một năm. Họ Lâm xuất hiện khoảng năm lần vào đầu năm 1965, nhưng không hề lộ diện trong năm 1964 và trong năm 1963 ông có xuất hiện một lần, người trông thật hốc hác.

Vì những sự vắng mặt vừa kể và dáng vẻ mảnh dẻ của Lâm, nên tất cả các sự ước đoán về Lâm như một kẻ kế-nghiệp Mao đã đưa tới một câu hỏi gai góc : Tình trạng sức khỏe của nhân vật này ra sao ? Một báo cáo loan truyền tại Bắc Kinh gần đây nói rằng Lâm Bưu phải nghỉ tại Tây Bắc Trung Hoa vì bị lao phổi nên cần không khí khô ráo. Một nguồn tin Tây-Âu lại cho biết Lâm phải dưỡng bệnh tại một bệnh viện Thượng Hải nhưng dù tình trạng

sức khỏe của Lâm-Bưu ra sao đi nữa, quyền lực của nhân vật này đã gia tăng rõ rệt.

Lâm sinh tại một làng ở về phía Bắc tỉnh Hồ-Bắc vào năm 1908, trong một gia đình được chính Lâm mô tả như là « tiểu trung lưu » (chính Mao thuộc giòng-giới trưởng-giả). Trong một bài phỏng vấn năm 1937, với nhà văn Hoa Kỳ Nym Wales, Lâm nói : « Cha tôi có một xưởng thủ-công-nghệ nhỏ mở vào hồi Đệ-nhất Thế-chiến. Sau đó sưu cao thuế nặng của bọn quân-phiệt địa-phương cha tôi buộc phải đóng cửa xưởng và xin làm chân thu tiền trên một chiếc tàu thủy chạy trên sông. »

Tại trường học, Lâm gặp những bạn học và thầy học đang bị lôi cuốn bởi những lời hô hào của B.S. Tôn-dật - Tiên đứng lên chống lại nhà Mãn-Thanh và bọn quân phiệt, chẳng mấy chốc mà Lâm hấp thụ được tinh thần cách mạng của thời bấy giờ. Năm 1925, Lâm tốt nghiệp trường Võ bị Hoàng-Phổ. Tại trường này Lâm đã bị ảnh hưởng của huấn-luyện-viên chính-trị Chu-Ân-Lai nhiều hơn là Tướng Giới-Thạch, Giám đốc của trường.

Mới 20 tuổi. Lâm đã lên cấp Đại-tá trong Đệ-tứ Lộ-Quân Quốc dân đảng nhưng chẳng bao lâu Lâm đào ngũ theo Cộng-Sản, và tham dự trong nhiều vụ nổi dậy trước khi tới Giang-Tây với Mao, lúc đó Mao đang lập một xô-viết tại vùng này. Lâm lập tức trở thành nhân vật sủng-ái của Mao, và được trao quyền chỉ-huy đơn vị Hồng quân nổi tiếng Đệ-nhất Lộ-quân, và dẫn đạo binh tiên phong trong cuộc Vạn-lý Trường-Chinh lên vùng Thiểm-Tây, nơi mà Mao lập một Bộ-chỉ - huy Cộng - Sản mới trong các hang động tại Diên-An.

Edgar Snow, một nhà báo Mỹ thăm

Diên-An vào năm 1936, đã viết về sự thân-thiết giữa Mao và Lâm-Bưu vào thời đó. Một buổi tối trong khoảng thời gian tạm nghỉ giữa vở tuồng chống Nhật, khán giả đã hò hét yêu cầu Mao và Lâm-Bưu song ca, Lâm đỏ mặt từ chối bằng cách ép các phụ-nữ trong đám khán-giả hát.

Tại Diên-An, vào tuổi 28, Lâm được bổ nhiệm làm Chủ tịch trường Võ-bị Hồng-Quân và cho in một loạt bài về quân sự, « Đấu - tranh và Chiến-tranh Cách-mạng », làm cả Nhật-Bản lẫn Liên-Sô phải chú ý. Lâm còn trở thành một tay đánh du-kích lão-luyện — chỉ-huy chiến trận giỏi nhất của Mao và đã thắng 100 trận trước khi đạt tới tuổi 30. Chính-phủ Trung-Hoa Quốc-Gia đã treo Lâm-Bưu với giá 100.000 đô la.

Năm 1937, trong trận Đèo Pinghsing mà sư đoàn của Lâm đại thắng một đơn vị Nhật, Lâm bị thương nặng. Được đưa sang Nga điều trị, Lâm đã bỏ hết thì giờ ra nghiên cứu binh thư trong thời gian đó. Lâm có vẻ không lấy làm gì làm cảm phục các chiến-thuật của Liên-xô bao nhiêu. Người ta kể lại rằng sau Đệ nhị Thế chiến Stalin gửi cho Mao một cuốn sách bàn về kinh-nghiệm Liên-xô trong du-kích chiến, khi được Mao đưa cho xem cuốn sách Lâm nói : « Nếu có cuốn này làm binh-thư thì chắc tội mình đã tan rã 10 năm nay rồi ».

Sau khi điều trị ở Nga, Lâm được đưa về Trùng-Khánh để bồi dưỡng sức khỏe. Thời gian này Lâm rất rứt dứt, lúc nào cũng muốn trở về mặt trận. Phần lớn thì giờ được Lâm dành vào việc nghiên-cứu binh thư và tập viết.

Lúc đó Chu-Ân-Lai cũng ở Trùng-Khánh, muốn cho Lâm được khuây khỏa bèn yêu cầu Anna Wang cô vợ cũ người

Đức của Vương-Bình-Nam (hiện làm Thứ Trưởng Ngoại giao) dạy Lâm khiêu - vũ. Theo bà Vương thì Lâm-Bưu không lấy làm hứng khởi gì lắm về chuyện khiêu-vũ « Ông ta học foxtrot và tango như thể đang tìm cách giải quyết chiến-thuật chiến-lược. Tôi phải vẽ lên tay đề giảng cho ông ta từng bước và từng nhịp một, và ông ta nghiên-cứu những cái đó kỹ lắm. » Có lẽ chính vì thế mà Lâm không bao giờ nhảy giỏi cả. Lâm thường hay mệnh danh lối nhảy của mình là «kiểu kéo xe».

Lâm đoạt được những thắng lợi to tát nhất trong cuộc nội-chiến từ 1946 tới 1949. Mặc dầu sức khỏe rất suy yếu, Lâm đã kéo lộ quân Liên-Hiệp Dân-Chủ Đông-Bắc quét từ Mãn-Ghâu đến Nam Trung-Hoa. Cuộc hành quân của Lâm đều được chuẩn bị tỉ mỉ, thực hiện thần-tốc làm địch bất ngờ.

Vào các năm sau cuộc chiến thắng của Cộng-sản tại Hoa lục, sức khỏe đã hạn chế hoạt động của Lâm-Bưu. Năm 1951 chẳng hạn, khi đoàn « Chi nguyên quân » thuộc Đệ tứ Lộ quân Dã Chiến của Lâm chiến đấu tại Cao ly, thì Lâm biến mất và có nguồn tin cho rằng Lâm phải vào nằm tại một bệnh viện tại Bắc-kinh để chữa bệnh lao.

Nhưng Lâm cũng không bị quên lãng. Năm 1954, Lâm-Bưu được đề cử chức-vụ phó Thủ-tướng ; năm sau Lâm được phong Thống-chế và đề cử vào Trung-ương Đảng-bộ. Năm 1958, Mao dặt Lâm vào vòng trong, đưa Lâm vào giữ một trong năm chức Phó Chủ-Tịch Đảng và là Ủy-viên thường-vụ của Trung-ương Đảng-bộ.

Hất cẳng Bành-Đức-Hoài

Tháng chín, 1959, Lâm đoạt chức Bộ-trưởng Quốc-phòng của Thống chế

Bành-Đức-Hoài, một kẻ trong nhóm « hữu phái » đã thách thức Mao trong buổi họp của Trung-Ương Đảng-Bộ năm đó.

Thanh trừng nhóm sĩ-quan cao cấp nhất trong hàng ngũ chỉ-huy quân đội, Lâm bắt đầu tranh-dấu để quyết định « Súng sẽ chỉ-đạo Đảng hay Đảng sẽ chỉ-đạo Súng ». Trong khi tiến-hành công cuộc này, Lâm-Bưu chủ trương, suy tôn Mao không những trong quân đội mà còn trong nhân dân toàn quốc nữa và đặt nền tảng cho quyền lực chính-trị của chính mình.

Tháng 10 năm 1960, trong một cuộc họp quan trọng của Ủy-Ban Quân-Sự thuộc Trung-Ương Đảng-Bộ, Lâm đưa ra một qui-điều : « Học-tập tư-tưởng Mao-Trạch-Đông » và « trao phó vai trò quan trọng cho chính trị ». Đó là những qui-điều khống-chế toàn thể công cuộc nhồi sọ ý thức-hệ tại Hoa-Lục hiện nay. Các đảng viên trung-kiên được dạy rằng : « Đặt tư tưởng Mao-Trạch-Đông ở ngay trước mọi công việc, và thấm-nhuần lời dạy bảo hết sức quan trọng của đồng chí Lâm-Bưu về việc áp dụng vào cuộc sống các tác-phẩm của Mao Chủ-Tịch ».

Để cải-huấn bộ-đội, năm 1960 Lâm-Bưu đưa ra « Bốn Hơn » làm căn bản hướng dẫn việc huấn luyện quân sự. Đó là : Người quan trọng hơn vũ khí, học tập chính trị phải đặt nặng hơn tất cả các việc khác, ý-thức-hệ hơn chính trị thường xuyên, và « tư tưởng sống » giá trị hơn trong sách vở. Lâm cho tư tưởng của Mao-Trạch-Đông là « trái bom nguyên tử tinh thần » mạnh hơn vũ khí nguyên tử, phi cơ hay thiết giáp. Binh-sĩ được dạy rằng chiến tranh phải quyết định trên đất liền, nơi mà con người chứ không phải vũ

BIỆN-CHỨNG DẤU-MỞ

(đưa vào vấn-đề dục-tính)

● NGUYỄN-VĂN-TRUNG (2)

(xin xem BK TĐ từ số 231)

Biện-chứng dấu-mở và vấn-đề dục-tính

Những cơ quan sinh dục, cũng như thân xác nói chung đều là *mở*, *trống* *lộ*, nhưng được che dấu. Nhất là những cơ quan sinh dục của đàn bà thường gọi là "chỗ kín" vì những bộ phận chính nằm sâu bên trong, có cửa khép lại hẳn hoi.

Di nhiên những cơ quan sinh dục đó sẽ mở ra khi đủ điều kiện, nghĩa là khi có sự ưng thuận tự hiển.

☐ Nếu người đi tới, không phải bằng thái độ tôn-trọng với ý hướng yêu đương, nhưng bằng thái độ bạo động, với ý định hãm hiếp, xâm chiếm, những cơ quan sinh dục sẽ không mở ra để đón nhận.

Thân xác, cơ quan sinh dục thiết yếu mở ra khi có đủ điều kiện để dâng hiến cho người khác. Nhưng người khác ở đây không phải tất cả mọi người mà chỉ là một người thôi.

Nói rõ hơn, mở ra cho một người và vẫn che dấu, vẫn khép kín với tất cả những người còn lại.

Cử chỉ ái tình thiết yếu có tính cách xã-hội, vì luyện ái là một tương giao

nhân loại, một quan hệ với người khác nhưng quan hệ đó chỉ thu gọn vào hai người. Có xã hội nhưng là xã hội hai người mà thôi; hơn nữa còn đòi hỏi loại bỏ tất cả những người khác như điều kiện thiết lập và duy trì nó.

Do đó, dục tính vừa có tính cách xã hội, vừa chống lại xã-hội. Nó giải thoát nỗi cô đơn của một người để thiết lập nỗi cô đơn của hai người. Khi hai người đàn ông đàn bà ăn nằm với nhau gọi nhau là *chúng ta*, *chúng mình* thì chúng ta ở đây chỉ là hai không phải là tất cả. Thân xác, cơ quan sinh dục là một thực tại dấu mở, nhưng chỉ mở cho người thứ hai và vẫn dấu người thứ ba...

Những cử chỉ khác của thân xác như ăn uống, tắm rửa, đi đại, đi ỉa, được giữ kín đáo ít nhiều tùy theo phong tục. Có người ăn uống công khai, ngoài phố giữa chợ, nhưng cũng có người ưa ăn uống kín đáo trong nhà. Tắm rửa cũng vậy. Có nơi tắm công khai hoặc, trần truồng hoặc mặc quần áo, tắm ngoài sông, ngoài biển, trong ao, bể tắm, có nơi tắm kín trong phòng tắm. Còn đi đại, đi ỉa, thường thường phải kín đáo. Người ta cũng tế nhị tránh nói trực tiếp, gọi đích danh những việc làm "thô tục" trên, nhưng nói một cách thanh lịch: đi ngoài, đi cầu, đi việc cần...

Nếu cần phải ngăn cấm ái tình, ỉa bậy góc hè, ngoài đồng, không phải vì lý do đạo đức, vì cho rằng làm những việc đó công khai là thô tục, mà chỉ vì lý do vệ sinh mà thôi.

Nhưng làm ái tình thì không thể công khai và công cộng được. Ngay cả những dân tộc cổ sơ, da đỏ ở Nam Mỹ có những phong tục rất tự do về luyện ái, có thể làm công khai những kỹ thuật sửa soạn như tán tỉnh, vuốt ve trước mặt người khác, lúc ban tối họp mặt chung quanh lửa trại, nhưng đến lúc làm ái tình, từng đôi dẫn nhau vào rừng nấp sau các bụi cây, để được che khuất khỏi cái nhìn tò mò của những người ở lại...(1)

Cử chỉ ái tình là cử chỉ cần được che dấu, do đó thường được làm về đêm. Đêm tối là áo che hoàn hảo nhất. Có lẽ vì thế người ta gọi đêm tân hôn, tối tân hôn chứ không gọi ngày tân hôn,

Sự kín đáo, ần dẫu đối với người thứ ba đều cần thiết trong cả hai trường hợp:

— Ái tình vụng trộm : có cái ần dẫu của tình yêu vụng trộm, bất hợp pháp, không những vụng trộm, nghĩa là phải dấu những cử chỉ làm ái tình, vuốt ve, hôn hít, ôm ấp, mà còn vụng trộm nghĩa là phải dấu cả những giao thiệp, hẹn hò, thư từ, đi chơi chung với nhau.

— Ái tình chính đáng hợp pháp : Chỉ những cử chỉ ái tình mới cần được che dấu, còn hôn, cầm tay, đi chơi chung có thể công khai...

Có thể không «mắc cỡ» xấu hổ, nếu bị bắt gặp đang làm sự đó, như tình cờ có người mở cửa vào, hay nhìn trộm, dù là vợ chồng.

Càng «mắc cỡ», xấu hổ, trong trường hợp ái tình vụng trộm. Cực hình khổ tâm hơn cả là bị tiết lộ, bị dư luận

chê bai, chế riếu, lên án. Ăn cắp, giết người, hối lộ, cũng làm cho người ta xấu hổ khi bị lộ, đưa ra tòa, nhưng có lẽ không gì làm cho xấu hổ bằng tình yêu vụng trộm bị đưa ra công khai. Ngược lại, dư luận có thể khoan dung, lãnh đạm trước những tội ăn cắp, giết người, cướp của, hối lộ...nhưng thường rất cay nghiệt, tàn nhẫn trước những tội dục tình. Tuy vậy, tội dục tình là tội rất dễ phạm và có thể ai nấy ít nhiều đều đã phạm ; nhưng người ta dễ dàng tổ cáo khắt khe người khác như thể mình không bao giờ biết đến tội đó. Phải chăng vì sợ nghĩ đến mình và do đó tổ cáo người khác là một cách quên mình để khỏi phải tổ cáo chính mình ?

oOo

Có thể hiểu được dục-tính ?

Đến đây không thể tránh được câu hỏi : Vậy dục tính là gì ?

Con người có cơ quan sinh dục, nên có dục tính, tuy là đặc biệt quan trọng đấy nhưng cũng chỉ là một đặc tính của con người như trăm nghìn đặc tính khác? hay phải nói con người thiết yếu là dục tính, nên có cơ quan sinh dục, do đó dục tính là cái gì nền tảng, chi phối tất cả đời sống con người về sinh lý, tâm lý và nhận thức ?

Qua dục tính, con người là con vật, nhưng không phải chỉ là con vật. Có thể gọi cái vừa thiết yếu gắn liền với con vật vừa vượt khỏi nó trong con người là tinh thần.

Trong viễn tượng đó, e then, xấu hổ cũng có nghĩa như một ngạc nhiên của tinh thần trước con vật của mình, ngạc nhiên vì không hiểu gì cả.

(1) Xem Les tristes Tropiques. C. Lévi-Straus

Người ta biết có dục tính, biết nó chi phối mọi sinh hoạt, xuất hiện dưới nhiều hình thức, người ta ngạc nhiên về nó, nhưng có thể hiểu được nó không? Có thể định nghĩa được nó không; và sau cùng có thể xác định được rõ rệt, dứt khoát vai trò công dụng, mục đích của nó không? Thực ra có nhiều cố gắng định nghĩa, xác định vai trò mục đích, nhưng thường vội vã quá nên đã xuyên tạc nó hay làm cho nó trốn chạy mất. Phải dừng lại ở phản ứng ngạc nhiên lâu lâu một chút, dừng vội bỏ qua nhanh quá, người ta sẽ thấy càng suy nghĩ càng thấy tính cách kỳ quặc của dục tính.

Trước hết, tại sao những cơ quan sinh dục đồng thời cũng là những cơ bài tiết. Tại sao nước tiểu cùng dùng một ống dẫn với tinh huyết mang mầm sự sống?

Hoặc tại sao những cơ quan sinh dục lại ở cùng một địa điểm cùng chung một vùng với cơ quan bài tiết?

Trăm nghìn sinh hoạt khác của cơ thể, nếu để ý quan sát, cũng thấy thật kỳ kỳ. Chẳng hạn, cái gì mà ăn vào là cơm gạo, bánh mì, nước lã, thịt, thế rồi nuốt xuống dạ dày, vào ruột lại biến thành máu được? Còn bộ óc, hệ thống thần kinh... tính vi phức tạp, bèn nhảy đến thế nào! Nhưng người ta vẫn thấy những sinh hoạt đó không kỳ kỳ, lạ lùng bằng việc sinh nở.

Có lẽ vì thế mà người ta đã đi đến chỗ coi việc sinh nở như một bí-nhiệm không thể hiểu được, theo nghĩa tối tăm, ẩn dấu, như thể tự bản chất nó là thế.

Đó là nguồn gốc những thái-độ "thần bí hóa" hay mê-tin-hóa dục tính mà kết quả là những cấm kỵ, những phong tục

kỳ quặc hay những hiện tượng bệnh lý phức tạp, bí ẩn.

Dục tính trở thành một vùng cấm địa không dám đụng tới, không dám nói tới, không dám nghĩ tới. Một ẩn dấu hoàn toàn.

Di nhiên người ta vẫn phải nhìn nhận sự cần thiết của hôn nhân và do đó tính cách chính đáng của việc luyện ái, nhưng như thể một cách bó buộc miễn cưỡng, nên vẫn đề coi sự đồng trinh và bày ra trăm nghìn luật lệ đề hạn chế, ngăn cấm nghĩ đến, hay làm "sự" đó.

Có thể nói sinh hoạt dục tính không có ngôn ngữ. Trong một số xã hội gọi là văn minh, đạo đức, không bao giờ nói đến những việc liên quan tới dục tính. Đến khi lập gia đình, nhiều thanh-niên thiếu nữ có thể vẫn không biết rõ và cũng không dám hỏi ai, nên cứ phải mò mẫm lấy một mình hoặc đi tìm sách mà đọc. Một linh mục, bạn thân, cô thú nhận với tôi, ông học đến lý-đoán (thần học) rồi mà vẫn không hiểu tại sao có con hay những "cửa" đó để làm gì và làm thế nào? Di nhiên trong đại-chủng-viện sẽ phải học về những vấn đề đó, nhưng như thể để tránh phải nói đến một cách trực tiếp bằng tiếng mẹ đẻ có khả năng kêu gọi, kích động người ta dùng toàn tiếng la-tinh để giải thích, giảng nghĩa.

Trong ngôn ngữ hàng ngày người ta cũng cố tránh không nói tới hoặc khi cần phải nói, thì nói một cách ám chỉ. Có "kính nguyệt" nói là "thấy", làm ái tình thì chỉ gọi là "ấn nắm", "ngủ" với nhau mà thôi.

Ngay cả ngôn ngữ văn chương, tiểu thuyết, phim ảnh, có táo bạo đến đâu cũng thường chỉ mô tả đến ngưỡng cửa sự việc đó rồi dừng lại ở đó... chứ không dám mô tả chính việc đó.

Thật là kỳ quặc. Một việc quan trọng như thế — mọi sự đều bắt nguồn từ sự đó — tại sao không dám nói tới? Nếu việc đó là xấu, thì đừng nói, đừng làm. Nếu nó tốt, chính đáng, cao đẹp nữa, tại sao không được nói đến? Tại sao làm trong những điều kiện chính đáng (hôn nhân) là tốt và nói ra lại không nên?

Nhưng ngược lại, nếu nói thẳng tuột ra một cách tự nhiên, nói không che dấu gì hết, bất chấp mọi cấm kỵ cũng “xuyên tạc” dục tính làm cho nó trở thành tầm thường, lố bịch...

Hậu quả của sự tự do làm, tự do nói một cách phóng túng là dục tính mất ý nghĩa, mất lạc thú vì làm, nói dễ dàng quá, vì được thả cửa...

Ngày nay, nhất là ở tây phương, những cấm đoán đã bớt nhiều. Tự do dục-tính rất thịnh hành: có thể có kinh nghiệm luyện ái trước hôn nhân và sau hôn nhân với người khác không phải vợ chồng...

Người ta cũng nói công khai những vấn đề liên quan đến dục tính; Sách báo khoa học hay có về khoa học mô tả cơ cấu, công dụng, chức năng các cơ quan sinh dục hay dạy cách giao cấu, kỹ thuật luyện ái... Người ta đi đến cả chỗ điều tra làm thống kê, bảng đối chiếu về những sinh hoạt thường hay bệnh lý của dục-tính và diễn bằng một ngôn ngữ khoa học (1). Chẳng hạn không gọi là ngoại-tình (từ-ngữ có nghĩa luân lý) mà gọi là luyện-ái ngoài hôn-nhân. Trong những thống-kê của Kinsey, người ta có thể tính toán như có bao nhiêu luyện ái trước hôn nhân, ở tầng lớp nào, hay cử chỉ ái tình được làm bao nhiêu lần trong năm, tháng, ở các hạng tuổi nào, thuộc thành phần xã hội, tôn giáo nào, được sửa soạn và thực hiện thế (nào hôn, vuốt ve).

Trong tiểu thuyết, phim ảnh, tràn đầy chuyện diễm tình, khiêu dâm, chẳng còn gì là che dấu, bí mật. Hoặc có ý chống lại đạo đức hay nhằm khiêu khích, gây lạc thú hoặc nhằm diễn tả những mâu-thuẫn giữa xác thịt và đạo lý, tôn giáo vv...

Nhưng đến Sagan thì việc mô tả không còn nhằm những mục tiêu kêu gọi kích thích hay giải bày những vấn đề tâm lý, triết lý về dục tính: Sinh hoạt dục tính được quan niệm như mọi sinh hoạt khác của đời sống hằng ngày, tầm thường và không có gì đáng kể. Lối sống những nhân vật của Sagan là ăn, uống, hút, làm ái tình kèm thêm thú thích lái xe nhanh và đi bãi biển.

Trong những sinh hoạt đó, không sinh hoạt nào nổi bật và được chú trọng đặc biệt cả: làm ái tình cũng như hút thuốc, một cách tự nhiên, không cần tả, nhất là tả một cách kêu gọi, gây cần, nếu phải nói thì nói như bất cứ nói cái gì mà không nhằm gây chú ý. Cũng không đặt dục vọng thành vấn đề. Không ước vọng nhiều không ảo tưởng cũng như không tuyệt vọng. Gặp một người đàn ông rủ đi chơi, thì đi; khi phải ly-biệt, chả có gì quan trọng « vẫn phải giữ một nụ cười ». Ồ đó là câu chuyện đàn ông và đàn bà, có gì mà phải nhăn nhó (pas de quoi faire des grimaces); không coi là quan trọng nên cũng không có bi đát lừa phỉnh, chán đời, tự tử gì cả.

Dục tính là cái tầm thường, vô nghĩa, cần làm thì « làm, thế » thôi, như ngôn ngữ của người trong làng chơi:

— Đi chứ? on y va?

— Đi. on y va.

Thật rắc rối! Coi dục tính như huyền nhiệm, ầu ầu không dám nói tới, là thần-bí hóa nó, nghĩa là xuyên-tạc nó.

(1) Xem những cuốn của Kinsey: Le Comportement sexuel de la femme; le Comportement sexuel de l'homme.

Nhưng coi dục-tính như việc tiêu-hóa, ăn mặc tầm thường, nói thả cửa là tự-nhiên-hóa nó, nghĩa là cũng xuyên-tạc nó.

Sự kiện đó cho thấy tính cách tế nhị, khó khăn khi đặt vấn đề giáo dục dục tính. Nếu muốn tôn trọng vẻ cao cả của việc sinh đẻ, không thể nói đến và chỉ nên giữ im lặng. Nếu muốn mô tả giải thích, cắt nghĩa làm ra vẻ tự nhiên, hay với thái độ khoa học, lại có thể tầm-thường-hóa nó.

Dục tính là một vấn đề mà người ta không thể đứng trước nó với một thái độ khách quan, khoa học như thể đứng trước những sự kiện vật-lý-hóa. Người nói cũng như người nghe đều ở trong dục tính, gắn bó mật thiết với nó, Nói tới một cách quá « tả chân » làm buồn cười, nhưng ngược lại giả vờ đứng đắn, nói một cách nghiêm nghị cũng làm buồn cười! Dục tính khó nói ra, cũng khó suy nghĩ ra, Nó không phải hẳn là một đối tượng của suy tưởng để có thể chịu phân tách, giải thích và được gán cho ý nghĩa này, mục đích kia một cách rõ rệt dứt khoát.

Do đó không thể giản lược dục-tính một cách đơn giản vào Pháp-lý, Đạo đức, Tôn giáo.

Ví dụ : không thể xác định quá nhanh chóng bốn phận của vợ chồng, cha mẹ bằng cách bỏ qua, hay phớt qua cái việc ăn nằm kia.

Xin trước khi nhận định pháp lý, đạo-đức, hãy dừng lại lâu lâu để quan sát sự việc đó, sẽ ngạc nhiên và không thấy nó hợp lý, rõ rệt chi cả. Khó mà định nghĩa được cái sự việc kỳ quặc đó. Định nghĩa là xác định, đồng thời cũng là giới hạn cái định nghĩa vào những điểm ta đã xác định. Những định nghĩa về ái tình, dục tính đúng cả đây ; nhưng ta vẫn thấy thế nào, như thể còn thiếu sót hay chưa đúng hẳn.

Thực ra, dục tính ở bên dưới ngôn ngữ, kỹ thuật, cứu cánh.

— Ở dưới ngôn ngữ: — Không thể diễn tả những cảm giác, ước muốn, cử động liên quan đến dục tính. Không có ngôn ngữ lừa dối.

Hai người nằm bên nhau hay trên nhau, lúc đó nói gì nữa. Mắt họ đờ ra, toàn thân họ rung lên, họ im lặng hay chỉ có thể bập bẹ, rên rỉ hay kêu la, chứ không nói.

— Ở bên dưới kỹ thuật: Sự giao hợp giữa hai thân xác ở bên này mọi kỹ thuật : Đương trong việc đó, mà còn nghĩ đến dùng kỹ thuật nọ, kỹ thuật kia để hướng dẫn, ngăn cản sự diễn tiến tự nhiên của việc giao cấu thì tức khắc làm mất ý nghĩa đồng thời cũng làm mất hay làm giảm lạc thú (kỹ thuật ngừa có con).

— Ở bên dưới mọi cứu-cách; mục đích pháp-lý hay luân-lý. Không thể hoàn toàn chế-lập-hóa dục-tính về pháp lý hay đạo đức. Giản-lược hôn nhân vào một thể ước, một bốn phận, một cứu cánh được qui định thành pháp luật, hình luật... có thể giảm giá hay xuyên tạc hôn nhân.

Hôn nhân nhằm bảo vệ, duy trì dục tính, nhưng đồng thời cũng đe dọa thường xuyên tiêu diệt dục tính, tình yêu

Do đó, hình như dục tính là một thực tại không thể rút gọn vào bất cứ một lãnh vực nào (tôn giáo, đạo đức, pháp lý, xã hội...) Paul Ricoeur nhà triết học Pháp hiện đại khi suy nghĩ về dục tính mà ông gọi là « lạ lùng, lang thang, bí ẩn » đã nói : « Rút cục khi hai người ôm nhau, họ không biết họ làm gì, họ không biết họ muốn gì, họ không biết họ tìm gì và; không biết họ tìm thấy gì. » Dĩ nhiên người ta sẽ trả lời : họ tìm khoái lạc. Nhưng đó là khoái lạc gì ? xác thịt hay tinh thần ? Hay họ tìm hạnh phúc ! Nhưng hạnh phúc cho ai, cho họ hay cho con cái,

Dù sao có một điều chắc là tất cả những vấn đề ý nghĩa, mục đích thuộc về pháp lý, luân lý, thần học... đều đặt ra trước hay sau cử chỉ.

Chính trong lúc ôm nhau, mê ly, họ chẳng nghĩ tới đạo đức hay đề thần học, chẳng xét đến nguyên nhân hay hậu quả chẳng tự hỏi sinh con hay để tìm hạnh phúc; tất cả những cái đó không ăn nhằm gì, khi họ đang làm cử chỉ, cho nên thần học, đạo đức, pháp lý bao giờ cũng có vẻ như đến sớm quá hoặc muộn quá.

Dục tính mà quá cấm kỵ, quá chế-độ-hóa sẽ bị đe dọa tiêu diệt trong đạo lý. Tuy nhiên dục tính cũng không thể vượt qua mặt đạo lý.

Quá nhấn mạnh vào khía cạnh tự nhiên, cởi mở là sai.

Quá nhấn mạnh vào khía cạnh bó buộc ần dẫu, cũng sai.

Dừng lại lâu quá ở tình trạng thú tính là xuyên tạc.

Đi tới đạo đức nhanh quá cũng xuyên tạc nốt.

Không thể thẳng tay xóa bỏ hôn thú, kế ước, đạo vợ chồng, đạo làm mẹ đẻ chủ trương tự do tự nhiên. Nhưng cũng không thể đề cao luân lý, chế-lập bằng cách chống lại tự do.

oOo

Dục tính bày tỏ hoàn cảnh lưỡng tính hàm-hồ, của con người như một thân xác mật thiết gắn bó với tinh thần. Trong con vật, có tinh - thần. Trong tinh thần, có con vật. Sống ở đời sống dục tính là đảm nhiệm hoàn cảnh nền tảng hàm hồ của thân phận làm người Tự do mà không phải không bó buộc. Bó buộc mà vẫn tự do !

Dục tính không đóng khung hẳn vào bất cứ một quy-định cứng nhắc nào, không bị hạn định trong bất cứ một lãnh vực dứt khoát nào.

Cách thể xuất hiện của nó là dẫu mở, không ần dẫu hẳn, cũng không mở hẳn. Một ần dẫu để cởi mở. Một cởi mở cần được ần dẫu. Không phải thể này hay thể kia một cách dứt khoát, nhưng là vừa thể này và vừa thể kia. Không phải là ần dẫu hay cởi mở; nhưng là vừa ần dẫu vừa cởi mở. Chỉ dẫu mà không mở cũng như chỉ mở mà không dẫu đều hỏng. Hoặc mở nhiều quá cũng như dẫu nhiều quá đều không được.

Một lối nhìn xác thực về dục tính thiết tưởng phải được căn cứ trên ý thức về sự khác biệt quan trọng giữa hai liên tự hay, và.

Và nếu có một đạo lý chính đáng về dục tính thiết tưởng đạo lý đó cũng là làm sao duy trì được cái thể quân bình của biện-chứng dẫu và mở.

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

(Rút trong tập « Ca tụng thân xác »)

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Thăng Vũ truyện dài của Duyên - Anh**, do Búp-bê xuất bản và tác giả gửi tặng, sách trình bày rất mỹ-thuật, in lần thứ 2, dày 190 trang giá 70đ.

— **Thái độ số 1 (7-1966)** chủ biên Thế-Uyên. Báo in ronéo, khổ 21x27 dày 100 trang, với phần chủ đề : *Thực trạng xã-hội miền-nam và phần thường xuyên. Giá mỗi số 50đ.*

VƯƠNG - ĐẠO và QUYỀN - MƯU

(Xin xem từ BK.ID. số 231)

Ở Âu-Châu, cũng phải nhờ đến thế-kỷ 16, mới có thể nói đến khoa chính-trị. Từ thời thượng cổ, dĩ nhiên không thiếu gì những người nghĩ đến những mưu-đồ dựng nước hay giúp cho người dựng nước, cũng chủ-trương lấy nhân-nghĩa, hình-pháp hay lợi-ích làm gốc, như đã ghi lại trong *République* hay *Lois* của Platon, *Politique* của Aristote. Nhưng không có sách nào được bàn tán đến nhiều, gây nhiều ảnh hưởng và sự hiểu lầm bằng tác-phẩm của một chính-khách ở thành Florence. Tên của tác-giả, Machiavel, đã biến ra danh-từ chung trong nhiều ngôn-ngữ (7) với nghĩa thông thường (có phần sai lạc và oan cho chính người ấy) là người, thái-độ hay chính-sách gian-hùng quỷ quyết.

Nước Ý thời Machiavel trình bày một khung cảnh hỗn độn, gần giống như Trung-Hoa thời Chiến-quốc. Chung quanh bốn trung tâm cố-định, Rome, Venise, Milan, Florence, vô số nước nhỏ lớn, chống đối nhau, liên kết với nhau, tan hợp. hợp tan, liên-minh rồi phản-ngịch. Tình cảnh còn tệ hơn Trung-Hoa đời xưa, vì có những nước ngoài, nào Pháp, nào Tây-ban-nha, mãi mãi xen lẫn vào nội-bộ ủng-hộ đám này chống đối đám kia. Thêm vào đó, là nạn lính đánh thuê, dưới sự lãnh-đạo của bọn trùm *condottiere*, cứ muốn kéo dài tình trạng chiến tranh, chuyên môn cướp phá và gây rối lúc hòa-bình. Điều

đáng ngạc nhiên là tình trạng ấy lại là của một nước đồng thời trải qua một cuộc Phục-Hưng kỳ-diệu về văn-chương và nghệ-thuật.

Trong một dịp thay đổi chủ ở Florence viên-chức ngoại-giao Machiavel mất việc và bị trục xuất ra khỏi thành. Trong thời-gian bị bắt buộc nhàn rỗi, Machiavel viết ông viết được cuốn *Discorsy*, hay Luận về giai đoạn đầu của Tite-Live, một thiên về khoa-học chính-trị, về chính-phủ cộng-hòa, một cuốn sử thành Florence, một cuốn về binh-pháp, và cuốn nổi danh hơn hết *De Principatibus*, nhan-đề ấy trở thành trong bản tiếng Pháp là *Le Prince* (8), và chúng tôi gọi là *Vương-Đạo*.

Cuốn *Vương-Đạo* có thể xem như một đơn xin việc, hay muốn nói cho đẹp đẻ hơn, là một bằng chứng tỏ rõ thiện-chí phục-vụ «chính-nghĩa» và trình bày tài-năng có thể ứng vào việc phụng-sự quê hương tuy rằng Machiavel, rất hiểu thời thế, biết nhìn xa, cho quê-hương mình

(7) Pháp: machiavélique, machiavélisme — Anh: machiavelian, machiavellism. — Đức: machiavellish, machiavellismus...

(8) Nicholas Machiavel. — *Le Prince*. Bản dịch của Jacques Gohory (thế-kỷ 16) Ed. de Cluny, Paris, 1938.

— Jean Jacques Chevallier — *Les grandes oeuvres politiques, de Machiavel à nos jours*. A. Colin, Paris, 1952.

không còn là Florence, mà phải là toàn thể nước Ý. Sách dâng tặng cho Laurent dòng họ Medicis vừa chiếm quyền. Nhưng Laurent không đọc đến, chẳng cảm ơn hay ban thưởng gì cho tác-giả, và không có dịp dùng đến phương-sách nêu lên trong tác-phẩm. Vài năm sau, dòng họ của Medicis đã bị đuổi ra khỏi thành Florence.

Số kiếp sách *Vương-Đạo* đến đó không chấm dứt. Sách đã trở thành một tài-liệu quý báu, sách đầu giường của Napoléon, Mussolini. Trong *Le Zéro et l'infini* Koestler đã ám chỉ rằng Số 1 của Nga (hồi đó là Staline) giữ luôn luôn bên cạnh người sách của Machiavel. Một nhân-vật trong tiểu-thuyết bình luận: (Số 1) có lý vì từ xưa nay chưa ai nói điều gì thật quan-trọng về đạo-lý chính-trị.

Sách Machiavel thật là mới. Trước hết, sách gác ra ngoài tất cả mộng-tưởng. Tác giả muốn tìm, một cách thiết-thực, những phương cách cai-trị những người thật, không phải luận về chính-sách lý-tưởng, không nói nên làm thế nào nếu có thiên thời, địa lợi, nhân hòa, vân vân... «Với mục-dịch viết lên những điều hữu ích cho người đọc đến, tôi thiết tưởng cần dừng lại nơi thực-trạng của sự vật hơn là lý luận vô bổ. Rất nhiều người đã từng tưởng-tượng những cộng-hòa và vương-quốc chưa hề có trên trần-gian. Tưởng tượng như thế có lợi gì không? Từ cách người ta hiện sống đến cách người ta phải sống, có sự khác xa. Chuyên lo nghiên cứu điều này, chỉ hại cho mình hơn là giữ được đời mình».

Machiavel chú trọng đến cách người ta sống. Người dân thuộc quyền các vương bá sống cách thế nào? Bản tính của chúng ra sao? Không tốt, không thiện đâu. Hầu hết là bội nghĩa vong ân, thất thường, thay đổi ý kiến trong

nháy mắt, không thành thật, tham lam, hèn nhát, run sợ khi xảy đến nguy nan. Dân chúng không chỉ là vong ân bội nghĩa, chúng còn có khả-năng ghét thù kẻ đã làm lợi ích cho chúng. Sự căm hờn như thế là kết quả tất nhiên của mọi việc, thiện hay ác cũng vậy.

Tất cả mọi người đều nhắm một thứ mục phiêu: tiền tài và danh vọng. Để đạt điều đó, người hành động khác nhau. Có kẻ thì dè dặt, kẻ khác hung hăng, người dùng bạo lực, người mánh-khóe, kẻ thì kiên-nhẫn, kẻ lại nôn nóng hơn. Mọi lối khác nhau đều hướng đến sự thành - công. Theo Machiavel, sự ham muốn và chiếm đoạt của cải là điều thông thường và tự nhiên. Ai có phương tiện để thực hiện được dự định là được khen hơn là bị chê. Nhưng người có dự định mà không thực hiện lại rước lấy sự chỉ trích và đã hành động sai lầm.

Dân chúng mà quân-vương phải cai-trị gồm thứ người tánh tình như vậy cả. Quân-vương không nên đối xử với họ như thế là họ tốt, can-đảm, trung-thành, biết ơn nghĩa. Nếu họ được như thế, thì quân-vương có mất gì mà không tỏ vẻ rộng lượng, bao dung, trung-tín, thành thật. Nhưng điều này không thể được, bản tính con người không cho phép. Chính quân-vương cũng không phải là thần thánh, mà chỉ là một con người trong muôn một, đầy một thứ đam-mê dục-vọng, cũng thêm khát như ai danh-vọng và tiền-tài, và cũng bị kích thích vì một ước muốn thành công với bất cứ phương-tiện nào. Quân-vương không thể đối-xử tử tế với dân-chúng được. Quân-vương tin nơi lời nói của chúng, thì nguy. Cho nên bậc cầm quyền cai trị khôn ngoan không cần phải bằng khuâng về sự tán tận lương tâm. Khi có thể hành-động hay, thì

àng tốt, nhưng khi cần thành-công và phải hành-động khác đi, thì chẳng nên do dự. Theo thiện hay theo ác, chỉ là vấn đề cần thiết và công dụng. Đối với quân-vương, nhất là đối với người mới chiếm được ngôi, không thể xử thế như bậc hiền-nhân quân-tử. Làm khi để duy trì uy-quyền phải hành-động chống lại nhân-ái, chống lại từ-tâm, chống lại đạo-lý nữa. Quân-vương phải biết uyển chuyển tùy thời, lợi dụng và khai thác những sự biến đổi của thời cuộc. Không lánh xa con đường thiện, là điều đáng mong muốn, nhưng có lúc dừng ngăn ngại, khi không còn con đường nào ngoài đường tội ác để đạt đến mục-phiêu. Điều đáng kể, điều chế-ngự mọi sự, mọi hành-vi, là thành công. Dân chúng chỉ nhìn nơi kết quả. Được là Vua thua là giặc. Vậy quân-vương chỉ lo đến việc bảo vệ tánh mạng và ngôi báu của mình. Khi thành đạt, tất cả phương-tiện đã dùng sẽ được xem là hữu lý. Khi mất uy-quyền, thì chẳng còn một ai nhớ đến hành-vi nhân-đức của mình.

Làm thế nào để thành công? Làm thế nào đạt được quyền bính và củng cố lâu dài, nhất là khi chẳng dựa trên một điểm pháp-lý nào để dựng chính-nghĩa? Machiavel không bận tâm đến thứ vua chúa kể vị một cách hợp pháp, sinh ra đã có ngôi chờ sẵn, có đám dân đã được những thế-hệ nịnh-thần và công-bộc uốn nắn trong một tinh thần khuất phục vâng lời. Thứ quân-vương mới chiếm đoạt được ngôi kẻ khác, mới đáng được giúp đỡ. Machiavel hiến cho hạng này đường lối duy nhất để thành công, với hai yếu-tố: sức mạnh và mưu-mô. Thói thường, người ta tiềm giữ quyền bằng luật-pháp hoặc bằng võ-lực. Lối trên là lối của người, lối sau là của cầm thú, nhưng vì lối

trên nhiều trường hợp kém hiệu-năng nên buộc người phải dùng lối thứ hai.

Machiavel ít khi che đậy tư-tưởng tàn nhẫn của mình, nhưng trong chương XIII, ông lại dùng huyền-thoại để đập mạnh vào trí người đọc. Machiavel đã dùng huyền-thoại Achille và quái-vật Chiron, nửa người nửa ngựa, cốt ý khuyên vua chúa nên hành-động vừa như người vừa như thú. Người tranh-đấu theo luật-lệ, một cách trung-tín; thú vật tranh-đấu bằng sức mạnh và mưu mô. Một quân-vương hoàn toàn, đủ sức chiến-đấu phải được như Achille, thụ-giáo quái-vật Chiron, để có được hai bản-chất của người và thú. Loài thú gương-mẫu sẽ là sư-tử và chồn cáo. Hữu dũng vô mưu, thấy cạm bẫy, hữu mưu vô dũng, thì không, thì không sao chống nổi với bầy lang sói. Quân-vương phải vừa là chồn vừa là sư-tử, chồn để xử dụng xảo-quyệt, sư-tử để dọa nạt hạng sài lang.

Quân-vương phải mạnh, phải thích võ-lực, phải có khiếu về chiến-tranh. Kinh miệt binh-pháp là dọn đường cho sự suy-vong; nắm được nghệ-thuật chinh-chiến, là đoạt được uy-quyền và gìn giữ công trình. Vì nơi đâu không có khí-giới tốt, nghĩa là không đủ sức mạnh, nơi ấy không thể có luật-lệ tốt, theo nghĩa của Machiavel, tốt cho quân-vương. Có thể gieo cho dân-chúng bất cứ ý-nghĩ nào, luận-điều nào, nhưng dân chúng thất thường, mau quên và dễ thay lòng đổi dạ. Chỉ cần có sức mạnh mới buộc dân chúng phải suy nghĩ theo đường hướng mà vua chúa đã định.

Nhưng sức mạnh phải được hòa hợp với mưu-mô xảo-trá. Quân-vương đừng cố thủ sau sự sai lầm hay bướng bỉnh khi tình cảnh đã đổi thay, mà phải biết

thay đổi ý mình, không do dự, không ănnăn, phải biết lật lọng khi cần thiết. Tùy thời xử sự, là tất cả nghệ-thuật cầm quyền, biết biến-hóa cho đúng lúc không phải dễ vì người ta thường không thích hành-động trái ngược với tánh tình mình, hay vì khi đã thành công nhờ một đường lối, một cách thức nào, người ta hay ngần ngại, chưa dám vứt bỏ đi để theo đường mới, cách mới. Nhưng nhất định phải thay đổi, thì vận mệnh mới không thay đổi. Muốn được thế, quân vương phải sẵn sàng áp dụng khoa dối trá và che đậy, phải hành-động xảo quyệt như chồn cáo mà không để cho thiên hạ biết mình là chồn cáo. Thiên hạ thường mù quáng, thường bị lời cuốn đến nỗi người xảo trá vẫn tìm ra được cách để phỉnh gạt.

Quân-Vương phải biết che dấu những tánh xấu của mình. Như đã nói, không ai cấm quân-vương trau dồi những đức tính tốt đẹp của các Vua chúa lý-tưởng, nào nhân nghĩa lễ trí tín, nào nằm gai nếm mật, hy sinh hạnh-phúc của riêng mình cho sự an vui của trăm họ, vv... Nhưng bản-tính chung của con người, theo Machiavel, không bao gồm quá nhiều khả-năng đạo-lý quý báu. Nhà vua cũng như mọi người khác đều không thiếu thói đê tiện, tật xấu xa. Nếu quân-vương tránh được những tệ-đoan có thể làm cho mau mất nước, thì khá lắm rồi, còn những thói xấu, nếu quả tình không chống lại được, thì mặc kệ. Và chẳng, có những tánh xấu lại cần thiết để giữ uy quyền hơn cả tánh tốt. Ví dụ, quân-vương đừng lo mang tiếng độc ác khi cần bắt buộc dân chúng phải đoàn-kết và vâng lời, vì như thế còn hơn những người rộng lượng và từ-tâm đến chỗ khiếp nhược và trốn trách-nhiệm, để mặc cho kéo dài những tình-trạng hỗn độn, chém giết và trộm cướp. Vậy thì,

quân-vương cứ việc có tánh xấu miễn là biết che dấu dưới lớp mỹ miều của đức-hạnh.

Quân-vương nên làm bộ ở khoan-hồng, trung-thực, nhân-ái, có đức-tin, sùng-đạo nhất là sùng-đạo. Khi mới cầm quyền, phải làm sao cho thiên hạ khen nhà vua về những đức hạnh, nhưng khi cần để duy trì quyền thế, phải biết hành động phi nhân-ái, bất chấp từ-tâm bác ái, chẳng câu nệ gì vì tín ngưỡng đạo-lý nữa. Điều cốt yếu là những lời nói của quân-vương phải luôn luôn thấm nhuần những ý-nghĩ, những danh từ đức-hạnh tuyệt vời để cho người nghe có thể tin rằng Vua đầy hiền-từ, nhân-đức, biết trọng danh-nghĩa và rất là mộ-đạo. Quân vương phải biết nói láo, phải biết che dấu ý định, đừng để cho ai biết tánh chồn cáo của mình. Hứa hẹn chỉ là mưu mô xảo quyệt, có lợi thì giữ, thất lợi thì thôi, thiếu gì luận-điều để cho nhà vua biện bạch. Phần lớn người đời nông cạn, còn tin tưởng nơi bề ngoài, còn bị mê hoặc vì những lời ngon ngọt bùi tai, không đủ sức nhận định cái dã-tâm của vua chúa cầm quyền. Có thể có một số ít, không đến nỗi ngu ngốc, biết được chân-tướng và giá-trị của kẻ cầm quyền, nhưng thiểu-số này không đáng kể, có biết bao nhiêu cách để diệt trừ thứ thông minh ấy, và ý kiến của một số nhỏ bé không chống lại hay lay chuyển được dư-luận của đa-số, dư-luận đa số này được xây dựng bền bỉ nhờ mọi lối thị-uy, những cách vuốt ve mơn trớn bằng lời nói, kích-thích xúc-cảm bằng lễ-nhạc và khung cảnh huy hoàng của uy-quyền tối-thượng.

Cuốn *vương đạo* của Machiavel còn công hiến những bài học thiết-thực khác. Khi người gian hùng, đã dùng sức mạnh của mình hay sức của một phần dân chúng bất-mãn, hay sức của ngoại-

bang, hay bao nhiêu lực-lượng ấy hợp lại cùng một lúc — khi người gian-hùng đã hạ bệ vua chúa đang trị-vì thành công mỹ mãn, chiếm được ngôi báu, trở nên quân-vương, người ấy phải làm gì ngay lúc đó ?

Machiavel trả lời câu hỏi một cách minh bạch những: « Điều trước tiên phải làm là diệt-trừ nòi giống của quân-vương trước. » Sao phải diệt trừ cả một nòi giống, mà không hạn chế trong việc truất phế, lưu đày hay hạ sát kẻ ngồi trên ngai vàng, cần gì phải loại hết những vợ con, anh em, họ hàng thân thuộc họ ? Tại sao không đặt họ vào một tình-trạng không làm hại được nữa mà phải giết chóc ? Machiavel giải đáp một cách độc ác trắng trợn, nhưng xét về kỹ-thuật thì rất hợp lý. Không thể hại nửa chừng không thể khoan - hồng được. Người đời, một là nịnh hót họ, hai là làm hại họ, cả hai điều phải làm cho tận nơi tận chốn. Diệt địch phải trừ khử tất cả mầm mống có thể trỗi dậy đe báo thù, không thể dùng biện-pháp dung hoà được. Không những tân-vương phải tàn sát cả nòi giống cựu-vương, khi cầm quyền, tân-vương cũng phải tiêu-diệt số người thuộc cựu-trào không thể mua chuộc, dụ-giữ, hăm dọa được. Machiavel còn khuyên quân - vương hành-động cương-quyết hơn nữa. Khi cần, quân-vương phải biết tiêu-diệt luôn cả thành-phố vừa xâm chiếm mà không thấy tỏ rõ sự phục-tòng chế-độ mới, điều thường xảy ra tại các cộng-hoà (cộng-hòa trong nghĩa chính thể tương-đối tự-do của những thành-trị lớn như Venise, Florence) vì nơi đây có sự sinh hoạt chính trị mạnh mẽ, sự ghét thù của dân cũng thường sâu đậm, dân hay tưởng nhớ lâu dài về những quyền lợi tinh-thần hay vật-chất bây giờ đã mất. Trong thật-tế, lắm khi chỉ cần giết một số người hung hăng, nguy hiểm, thế-lực

nhất, là có hiệu-lực rồi. Điều cần là biết cách tàn sát. Chỉ có hai cách thôi. Một là tàn sát một lần, hai là giết lần hồi, một khi một ít. Cách nào hay hơn? Machiavel cho cách thứ nhất và biện minh như thế này. Người đoạt quyền phải quyết-định và thi hành tất cả biện-pháp tàn ác cần thiết để khỏi trở lại hàng ngày, và để có thể trấn an dân chúng và bắt đầu thi-ân, Vua chúa, vì rụt rè hay vì bị cố-vấn sai lầm, luôn luôn phải có gươm nơi tay không trông cậy được nơi sự hợp tác của nhân dân mà tánh mạng đang ngấm ngấm bị đe dọa. Sự diệt trừ phải xảy tức khắc và trong thời gian rất ngắn. Còn việc ban ân huệ, nên thực hiện chậm rãi để được tán thưởng và tưởng nhớ lâu hơn.

Khi uy-quyền được đặt lên rồi, quân-vương sẽ cai-trị thế nào ? Nhà vua phải khoan hồng hay tiếp tục tàn bạo ? Dĩ nhiên, quân-vương, có tánh chồn cáo, sẽ hành động sao cho được tiếng tốt, có vẻ là đại độ, khoan hồng công minh nhưng không nên dùng khoan hồng không đúng chỗ và đừng ngần ngại xử thế thật cứng rắn, tàn ác, khi tình thế đòi hỏi.

Vấn-đề khác Machiavel đã trình bày, là liệu xem vua chúa nên đề cho dân thương hay phải làm cho dân sợ ? Machiavel cho là phải cả hai, nhưng thật khó mà làm cho người đời vừa thương vừa sợ. Tốt hơn là làm cho sợ thì chắc chuyện nếu như trong hai điều phải chọn một. Vì khi đã nhận định rằng con người thường bội nghĩa, ham lợi lộc, gian dối hèn nhát, thì không thể tin nơi dân chúng được. Khi làm lợi cho chúng, thì chúng tuyên bố sẵn sàng phục-vụ hết mình, khi không cần thiết, chúng sẽ nguyện hy-sinh xương máu, dâng luôn cả tánh mạng con cái, đến khi việc đến nơi, chúng lại vùng lên, phản bội, Người ta không ngần ngại làm hại kẻ được thương mà không dám làm hại

người đã gây nên sợ hãi. Nếu có tình thương, là chỉ nhờ nơi tiền bạc, công ơn mà theo bản tính con người, khi có lợi riêng, chẳng còn nghĩ gì đến những sự ràng buộc tinh-thần nữa. Sự sợ hãi duy trì được lâu hơn, vì sợ trừng phạt. Người đời chỉ thật tình thương cái gì họ thích, Vua chúa không thể ép buộc sự thương được, mà có thể buộc họ sợ, vì người đời không chỉ sợ điều họ thích sợ. Mến thương không thuộc quyền vua chúa chỉ có việc khủng bố, gây nên sợ hãi, vua chúa có thể trông vào đó là hơn.

Điều đáng lưu ý là phải làm cho sợ cách nào. Vì có thể làm cho người sợ mà người không ghét. Machiavel chủ-trương quân-vương đừng để cho dân chúng ghét, tránh những hành-vi như cướp tài-sản và hãm hiếp vợ con người, làm cho quân-vương trở nên khả-ố. « Người đời có thể quên cảnh cha mình bị giết hơn là cảnh bị tịch thu gia-sản. » Khi cần giết một số dân, quân-vương phải trình bày vụ tàn sát như là một sự trừng-trị bất-đắc-di chỉ vì ích lợi cho xứ sở, cho nhân-dân.

Quân-vương đã có sẵn lời nói, có độc-quyền về tự-do phát ngôn, có đủ tài hay người cộng-sự có tài nói dối, che lấp sai lầm của mình và bịa đặt những tội ác của kẻ khác, thì cũng dễ làm cho đám dân chúng nông nổi tin theo. Quân-vương, nhờ thế, mà chẳng cần giữ những lời hứa hay lời cam kết, dù đã thốt ra trong trường-hợp long-trọng nào. Lịch-sử cho thấy biết bao nhà cầm quyền bất chấp trung-tín mà vẫn thành công, trong khi đó vua chúa khác, cho lời nói mình một giá-trị quá đáng, rước lấy sự thảm bại, và trả giá rất đắt sự khờ dại của mình. Machiavel nhắc lại thái-độ chồn cáo mưu-mô và khuyên đừng nên

giữ lời hứa nếu giữ có nguy hại. Vì nguyên nhân của lời hứa đã thay đổi, thì lời ấy đã trở nên phi lý. Nếu tất cả người đời đều tốt, thì chẳng nên thất tín, nhưng vì người đời quá hung dữ, và cũng luôn luôn nuốt lời không chút hồ thẹn, tại sao quân-vương lại phải trung-tín, nhất là khi quân-vương đủ phương-tiện, đủ sức mạnh để buộc dân chúng phải nghe theo lời nói sau cùng của quân-vương ?

Về việc cai-trị, Machiavel khuyên quân-vương giữ gìn trật-tự bên trong và an-ninh ở biên-phòng với một quân-đội hùng mạnh, một quân-đội của quân-vương, gồm những dân của mình và trong số đó, những người thân tín được nhà vua nâng đỡ, xây dựng, mua chuộc bấy lâu nay. Đừng quá tin tưởng nơi thứ lính đánh thuê vì chúng hèn nhát. Chúng chỉ muốn làm lính khi không có giặc, mà khi có chiến-tranh, chúng chạy tán loạn, chẳng muốn chống trả quân thù, và thấy thua thì đào ngũ. Vua chúa khôn ngoan sẽ đành chịu thất trận với quân-đội của mình hơn là thắng trận với quân lính của người ta. Quân-vương phải nắm vững quân đội với một kỷ-luật gắt gao. Nếu không có tiếng độc ác trong khi cầm quân, không thể nào giữ được quân-kỷ và đặt binh sĩ trong tình-trạng sẵn-sàng nghinh chiến. Nhưng kỷ-luật gắt gao hay tàn bạo, chưa đủ. Phải thừa cơ-hội dẹp loạn mà cho quân lính cơ-hội thỏa mãn tham lam, tính hung tợn, những khao khát tầm thường của chúng. Nơi đây, xuất hiện một điều rất khó giải quyết : làm sao vừa lòng cả quân đội lẫn nhân-dân ? Vì nhân-dân thích yên ổn và muốn quân-vương chủ hòa, còn quân lính thì muốn quân-vương là người háo chiến, ngạo nghễ, tham lam và độc ác. Nếu phải lựa giữa hai đám người, Machiavel khuyên quân-vương

nên đứng về phía quân đội. « Vì đã là quân-vương, thế nào cũng có người ghét, quân-vương phải cố làm sao cho số người ghét đừng nhiều quá. Nếu không thể tránh được, thì phải gắng hết sức đừng bị đám người mạnh nhất ghét. » Mà đám người mạnh nhất, dĩ nhiên là những người có khí giới.

Về việc chọn người tham chính, những thượng-thor hay bộ trưởng, Machiavel cho rằng hạng người ấy có thể lựa chọn hoặc trong số cao-trí, hoặc là trong đám bất-tài vô-tướng. Machiavel nghĩ rằng loại thứ hai này cũng đã làm được việc rồi, không cần phải nhọc công kén chọn những bậc tài ba lỗi lạc. Vì những thượng-thor tốt là những người thừa-hành giỏi, chỉ làm theo ý muốn của nhà vua, không dám nghĩ gì về mình mà luôn luôn nghĩ đến quân-vương và không bao giờ muốn buộc quân-vương theo ý-kiến hay lời khuyên của mình. Những vương-quốc được cai-trị tốt, là những nơi mà thượng-thor không phải là hạng sang trọng cao quý, có cốt cách nhân phẩm riêng, mà chỉ là một thứ nô lệ đặc-biệt, thụ-hưởng lộc nước và phụng-sự quân-vương. Dĩ nhiên, đối với hạng người ấy, muốn ràng buộc chúng, muốn làm cho chúng mãi mãi trung thành, đừng tiếc gì mà không cho chúng một ít hào dáng vinh-dự để chúng khoe khoang với đám dân ngu xuẩn, cũng đừng tiếc cho chúng tràn ngập của cải lợi lộc để chúng chìm đắm trong đó, không có cách nào thoát ra được để mà bất tuân hay bạo nghịch.

Còn đối với nhân-dân ? Quân-vương phải hành động thế nào ? Machiavel về điểm này trở nên lúng túng và mâu thuẫn. Trước tiên Machiavel cho rằng quân-vương phải làm cho dân sợ rồi lại nói nên được thiên cảm của nhân-dân. Ông nhấn mạnh về sự cần thiết đừng để cho

dân ghét. « Thành-trị tốt nhất để bảo vệ quân-vương là nhân-dân không oán ghét. Nếu đã bị nhân-dân oán ghét, thì những thành-trị kiên-cố nhất trên đời cũng không cứu quân-vương được. Vì khi nhân dân đã nổi dậy, cầm khí giới, thì luôn luôn đã có ngoại-bang ủng-hộ chúng. » Trong một đoạn khác, Machiavel nhắc lại sự quan-trọng của cảm-tình nhân dân, để tránh được những âm mưu lật đổ, những vụ ám-sát của một thiểu số hay cá-nhân nào, vì kẻ chống lại quân-vương sẽ e ngại rằng cái chết của nhà cầm quyền không làm cho nhân-dân hả dạ, như trong trường-hợp vua đã bị nhân-dân thù ghét thậm tệ, mà trái lại, cái chết của nhà vua được nhân-dân yêu chuộng hay ít ra không ghét thù, sẽ gây nên sự phẫn uất của nhân-dân mà hậu-quả đối với kẻ chủ-mưu có thể tai hại; người muốn theo kẻ chống lại nhà vua cũng sẽ dẫn đo do dự và nhân dân trở lại thù oán kẻ giết vua.

Vậy nhà Vua phải lấy được lòng dân. Và cũng phải làm cho dân sợ. Đó là sự mâu-thuẫn. Mâu-thuẫn ấy là thẳm-trạng của tất cả các nhà độc-tài chuyên-chế. Không dám làm cho dân bớt sợ mà vẫn muốn được dân thương. Machiavel đã giải-quyết mâu-thuẫn bằng cách khuyên quân-vương đừng động chạm đến của cải và đàn bà của dân chúng. Ông lại đưa ra một lối xử thế khác, rất hèn hạ và thường được áp dụng. Quân-vương nên trút trách-nhiệm về mọi hành-động trừng phạt bất-nhân cho những người cộng-sự và thừa-hành của mình, chỉ để cho mình phần ban cấp ân-huệ khen thưởng, khiến cho dân than oán không nổi than oán nhà vua, mà chỉ nguyên rủa những kẻ đã lộng quyền tàn sát. Dân chỉ thấy nhà vua làm những việc tốt đẹp, trông nom đến kẻ có công, an ủi người xấu số, giúp đỡ dân nghèo, ân

cần săn sóc thân-nhân những người mà chính nhà vua đã truyền cho ám hại. Một lần nữa, quân-vương phải có tài xảo quyệt, nói láo, che đậy, và đóng kịch, mới thành công.

Mặt khác, khi chiếm được nước, quân vương nên cho những dân mới của mình tập lấy những phong-tục ăn chơi sa đọa. Machiavel đã ghi cả một chương-trình mua chuộc và đầu độc dân chúng : quân-vương biết khuyến-kích tài-năng mọi ngành, trọng vọng những người xuất sắc trong nghề nghiệp của họ, khuyên bảo dân chúng an-cư lạc-nghệp, hứa hẹn phần thưởng cho những ai tăng gia của cải và uy-tín quốc-gia. Trong những lúc thuận-tiện nhất trong năm, tổ chức những lễ lạc linh đình để dân-chúng giải-trí. Vì dân thường được kết nạp trong những phường nghề, quân-vương sẽ đối đãi trọng-hậu những người cầm đầu các phường ấy. Thỉnh thoảng, nhà vua sẽ xuất hiện tại các cuộc hội-họp dân chúng, tỏ thêm sự nhân-ái và hào-phóng của mình, nhưng không bao giờ để làm cho bớt vẻ uy-nghĩ lâm liệt mà nhà vua phải gìn giữ trong mọi trường-hợp.

Vương-Đạo của Machiavel là thế. Chúng tôi đã dùng nhan-đề ấy cho đúng với tinh-thần tác-giả, đúng theo lối mưu xảo che đậy được trình bày như một quốc-sách. Cho chính-trị của Machiavel là một thứ bá-đạo theo Tuân-Tử, hay một thứ « vong-quốc chi-đạo » cũng không đúng, vì với quyền-mưu, nhiều người đã dựng được nước, gây cho bản thân mình uy-thể, được dân chúng sùng bái và ngôi còn truyền được nhiều đời.

Machiavel, thắng được sự đe dọa của đạo-đức, chỉ nhìn khía-cạnh thiết-thực của sự chiếm đoạt và gìn giữ oai quyền, đem vào sách-lược của mình những sự-kiện quá hiển nhiên trong đời sống nhân-loại. Sức-mạnh, sức

mạnh vật chất cũng như sức mạnh của mưu-trí, không cần phải đề cao và bênh-vực, mà chỉ nhắc lại như một yếu-tố quan-trọng. Có mạnh mới tồn tại. Có mạnh mới có chính-nghĩa, và luật-pháp, đúng ra cũng chỉ là của kẻ mạnh dựng nên, nói là nhân danh cái này hay cái khác, nhưng cũng chỉ thể-hiện ưu-thế của một người, một thiếu-số, một giai-cấp, hay một nước khi luật-pháp quan hệ cho nhiều nước. Thuyết của Machiavel thường được ghép liền với những triều độc-tài chuyên-chế, nhưng nó vẫn được thi-hành tại những quốc-gia tự xưng là dân-chủ hay cộng-hòa, nơi mà một nhóm người gian-hùng, một giai-cấp hay một đa-số thật-sự hay giả-tạo, dùng bạo lực của khí-giới và của lời nói, tiếm-quyền và cai-trị một cách phi nhân phi đạo.

Vì thế, sau mấy thế kỷ rồi, sách Machiavel, có thể xem là thức thời, vì những nguyên-tắc và kỹ thuật không mất giá-trị. Thời-đại này hiển cho người cầm quyền thêm phương-tiện để sửa chữa thứ vương-đạo, ấy cho tân-kỳ, tăng-gia hiệu-năng, hợp lý hóa và tăng-cường những mưu mô xảo-trá, lường gạt và đầu độc dân chúng, dùng rất nhiều danh-từ và biểu-hiệu đạo-lý để chà đạp trắng trợn đạo-lý, Quyền-mưu theo Machiavel không chỉ thích hợp cho cánh hữu, cho bọn pháp-xít và quốc-xã, mà cũng ăn khớp với cánh tả dùng một thứ kỹ-thuật. Lénine trong sách « Bệnh ấu-trì của chủ-nghĩa cộng-sản » đã viết: « Phải chấp nhận mọi hy-sinh, dùng mọi mưu mô, xảo-quyệt, dùng những lễ lối phi pháp, có lúc lại im bặt, che đậy sự thật, để thực hiện cho kỳ được nhiệm-vụ cộng-sản » Boukharine thì nói: « Đảng cộng-sản phải biết lừa gạt đối thủ. Khi thì nhờ sự áp-lực trực-tiếp, khi thì nhờ sự rút lui, khi thì nhờ xảo quyệt, khi thì nhờ những cam bẫy. »

(Còn tiếp 1 kỳ)

CUNG GIỮ NGUYÊN

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN THÊM

QUỐC-HỘI và LẬP-HIẾN

Một tuần sau khi Hồ-Chí-Minh về Hà-Nội, ngày 8-9-1945, Chánh-phủ tuyên bố sẽ tổng tuyển cử.

Song một vấn-đề quan-trọng như vậy, lại không được nhiều người quanh tôi chú ý. Có lẽ vì sau một cuộc cách-mạng, biết bao sự đổi mới dồn-dập xảy ra, nên dù buồn hay vui, hoang-mang hay phấn-khởi, phần đông dân-chúng còn mãi sắp đặt lại đời sống. Học toàn bằng tiếng Việt, thì lấy đâu cho đủ sách? Hết hàng Pháp hàng Nhật rồi, biết buôn hàng gì đây? Quần áo đẹp, đồ trang-trí trong nhà, nên đem cất bớt đi, nếu không cứ bị liệt vào hạng tư-bản, và mỗi lần có lạc-quyên là phải đóng góp nhiều hơn người khác. Đã mất chức-nghiep ở địa-phương, về quê quán thì lo bị dân làng thù ghét, mang gia-dình lên Hà-Nội thì làm chi bây giờ? Mướn thợ cày thợ gặt, ít lâu nay rất khó, dù trả công cao; những người trước kia vẫn làm thuê ở xã trên, đã chết đói cả rồi, hạng trai trẻ còn lại chỉ mong đi làm cán-bộ, không khéo phải bán ruộng đến nơi...

oOo

Trong số ít bà con quan tâm đến thời-cuộc, vấn-đề tuyển-cử cũng như mọi biến cố, đang tiếp diễn, đã gây nhiều dư-luận trái ngược.

— Bầu làm gì? Xưa nay, hễ lật đổ được một triều-đình, thì cứ việc xưng Vương xưng Đế; mạnh thì dân theo, chẳng theo chẳng được. Nay chánh-phủ cách-mạng có quyền rồi, thì cứ cai trị, việc gì phải hỏi dân? Dân hiểu gì việc nước mà bàn? Bao năm nay, chẳng cần có nghị-viện nào hết, dân chỉ mong yên ổn làm ăn. Nhà-nước đã bỏ đình đám đề dân khởi tranh giành cái cọ, nếu lại lập cái đình to hơn, chỉ sợ rồi cũng đấu khẩu như mỗ bò, có lợi gì cho dân? Vả chẳng dân mình mà đề cho tự-do hạch sách, tự-do đòi hỏi, thì không khéo loạn mất...

Đại-khái như trên, là những lời lẽ của mấy vị tôn trưởng trong làng trong họ tôi, mà thanh-niên trạc tuổi con cháu các cụ đều cho là lạc-hậu và phản-dân-chủ. Đành rằng trong thực-tế, mới đầu một nhóm người phải dùng sức mạnh đề nổi dậy; nhưng sau đó, phải được sự thỏa-hiệp của quần-chúng thì chánh-thề lập ra mới mong bền vững. Nếu dân chưa kịp tham gia khởi-nghĩa vì lẽ này hay lẽ khác, thì dân cũng phải được góp phần xây dựng, như vậy mới là làm cách-mạng, cho dân và vì dân, chứ không vì tham-vọng cá-nhân. Bởi thế, phải trưng cầu dân-ý, hoặc

tổng tuyển cử để toàn-dân thừa nhận chánh-quyền mới, và để các đại-biểu dân thảo Hiến-pháp đặt nền móng tổ chức quốc-gia. Có như thế mới đủ tính-cách và đủ cơ-cấu một nước độc-lập, để các nước khác công nhận dễ-dàng...

— Sách vở, sách vở ! Đó là câu phê-bình của S. Theo S. vẫn biết về nguyên tắc, cần hỏi dân : nhưng hỏi thật hay vờ hỏi lấy lệ ? dân dễ sợ, bắt bầu cho toàn những người của Mặt Trận cả, liệu dân có dám cưỡng không ? Ai đảm bảo tự-do tuyển cử ? Và giả có để cho tự do, thì dân mình trong 80 năm Pháp-thuộc, đã được huấn-luyện chánh-trị gì đâu ? Dân biết chọn ai, biết xét đoán ai là người tài-đức, hay để cho hạng mị-dân múa mép lừa dối ? Các nghị-viện ở nước tiền-tiến như Pháp, còn đầy hạng xảo-trá. Vậy nếu thật lòng với dân, thì ai có trách nhiệm hãy thay dân mà chọn người hiền người giỏi. Rồi liệu giáo dục cho dân-trí lên cao, sau này sẽ hay. Vả lại, đương lúc Tây doạ xâm lăng, mà nêu việc bầu cử, thì chẳng hợp-thời, nên lo chống giặc thì hơn. Ở những xứ gặp chiến-tranh, người ta còn hoãn mọi cuộc tuyển-cử...

Tóm lại, tôi đã ghi nhận ba xu-hướng đối với việc bầu cử Quốc-hội : không cần và không nên, rất cần và rất nên, hiện nay chưa thể.

oOo

Ai phải, ai trái ? Rút cuộc, là... hòa cả lòng. Ngày 6.1.1946, mặc dầu các nhóm quốc-gia đối-lập cự tuyệt, cuộc đầu phiếu vẫn tiến hành như đã dự-trù. Đại đa-số người đả-cử thuộc Mặt Trận hay thân Mặt Trận. Tuy-nhiên, để nhượng bộ Việt-Quốc và Việt-Cách, 70 ghế được dành cho hai đoàn-thể để tùy ý chọn lấy đại-diện. Pởi Quốc-Hội nhóm họp, truy nhận Chánh-phủ, và bàn về vấn-đề soạn-thảo Hiến-Pháp.

Trong một phiên đại-hội, tại Nhà Hát lớn, đại-diện Đại-Việt là T.T.D dám một mình cả tiếng công kích già Hồ, chê cuộc tuyển-cử là có tính-cách mị-dân, khi dân chưa được hưởng những điều-kiện cần-thiết để dùng lá phiếu cho đúng chỗ.

Một đại-biểu VM là nhà văn trẻ tuổi N.Đ.T, đã bước lên sân-khấu trả lời :

— Khi người dân biết cầm súng bắn giặc, thì có thể lựa chọn sáng suốt.

N.Đ.T được vỗ tay tán thưởng, và trở về chỗ với vẻ hoan-hỉ của người thắng thế.

Nhưng chỉ thắng có lần ấy thôi, vì suốt 20 năm sau, những ý-kiến mâu-thuân còn vật lộn hoài trên chính-trường V.N.

Dù sao, tôi muốn được giải-thoát khỏi một thắc-mắc : cuộc bầu-cử nói trên có thành-thiệt, có hợp-lệ không ? hay là quả như lời chỉ-trích của các phe chống đối, đã có nhiều trường-hợp cưỡng bách bỏ phiếu cho những ứng-cử-viên được chỉ định sẵn, hoặc được giới thiệu một cách quá nồng-nhiệt do các cấp hữu-quyền địa-phương ?

S. chị cau mặt bảo tôi :

— Cậu còn bán tin bán nghi, tức là còn ngây thơ lắm.

Bực mình, tôi đến hỏi L.

L. cười :

— Phải thiết-thực chút nữa chứ? Vẫn biết mình phải đi tới Dân-Chủ thật sự. Nhưng đồng-bào chưa có kinh-nghiệm chánh-trị, đa-số còn chất-phác lắm; nếu đề mặc, tất dễ bị lôi cuốn do kẻ phá-hoại. Vậy cần hướng dẫn, mách cho biết nên chọn lựa người nào. Vả lại, có quốc-hội, mà không nắm vững đa-số, thì chỉ khiến công việc chậm trễ, ngang trái, bẽ tắc. Anh biết hơn tôi những nghị-viện Đệ-tam Cộng hòa Pháp, họ xâu xé nhau và đập phá các chánh-phủ như thế nào! Mình phải tránh các tệ-doan ấy. Rồi khi ý-thức chánh-trị của quần-chúng đã mở mang, bấy giờ ta sẽ liệu thả lỏng. Mình muốn dân-chủ, thì phải xây dựng Dân-chủ, chớ đâu có sẵn mà hưởng ngay.

Khi đó, tâm-não tôi còn phảng phất trong giấc mộng tự-do, và còn chứa đầy những lý-thuyết chưa kịp tiêu-hóa, về tổ-chức công-quyền dân-chủ như ở Pháp ở Anh hay ở Mỹ. Nên những lời giải-thích như trên của L. đã va chạm rất mạnh vào hướng đường ngay thẳng mà tôi mong cho dân-tộc tiến theo; tôi còn ngờ vực rằng L. cố tình bênh một chánh-quyền đương trọng dụng anh, đến nỗi anh không ngần ngại nguy biện, nghĩa là bẻ gãy gập những nguyên-tắc mà chúng tôi đã cùng chấp nhận khi còn ngồi ở giảng-đường.

Nhưng phải chăng đối với L. tôi đã phạm lỗi bất công? Vì những luận-điều mà anh đã đưa ra đề bào chữa cuộc tuyển-cử 1946, tôi lại được nghe lần nữa, gần đúng nguyên-văn, và đúng mười năm sau, qua nhiều hiệu-thị và huấn-từ liên quan đến cuộc tuyển cử 1956.

Bề ngoài tự-do, bề trong hướng dẫn: nếu muốn nói cho lịch-sự. Hoặc là bề ngoài dân-chủ, bề trong giả trá vì thâm-ý độc tài: nếu theo giọng đối-lập.

Như thế Cộng-Sản hay chống Cộng, người cầm quyền đều không muốn, hay không dám, hoặc không nỡ nói rõ với dân rằng: dân chưa đủ tư-cách tự quyết, và còn phải chịu sự diu-dắt. Họ chẳng mới thấy bên xứ láng giềng, có mỗi một Soekarno la ãm lên thuyết Dân-chủ chỉ-huy (Démocratie dirigée) để ngăn chặn quyền đầu phiếu.

Đáng suy ngẫm hơn nữa, là chế-độ bầu-cử 1946 hay 1956, và cả chế-độ chỉ-định 1949-1954 tuy khác nhau xa về nhiều phương-diện, cũng đều dựa trên một ý-niệm căn-bản tương-đồng: là Hành-pháp phải rất mạnh, còn cơ-quan dân-biểu chỉ có hư-danh, không có thực-quyền, và ở mỗi thời, đều phải gồm những nhân-vật được chánh phủ tin cần, vì đối lập là sự cần tránh. Quốc-Hội mới thành-lập đã phải ngừng hoạt-động và được thay bằng một Ủy-ban thường-trực (1946) các hội-đồng chỉ có quyền tư-vấn mà thôi (1949-54) Dân-biểu không được chỉ trích, chất vấn, kiểm soát nhà cầm quyền (1953-63) Nói một cách khác, đối với các đoàn-thể chánh-thức thay mặt dân,

sắc nhà lãnh-đạo VN độc-lập đã áp dụng rất đúng chính-sách của các Toàn-Quyền Đông-Pháp đối với các viện Dân-Biểu bản xứ và các Hội - Đồng Kinh-Tế Lý-Tài.

Dẫn đường cho xứ sở, các vị đã vô-tình hay cố-ý nổi bước - qui-quan Sarraut hay Pasquier, cũng như trên địa-hạt lập pháp, các vị còn buộc thi hành « tạm thời » hàng trăm sắc lệnh Tổng-Thống Pháp hay nghị-định Thống-Sứ, Thống-Đốc, Toàn-Quyền, Cao-Ủy..., mặc dầu chánh-thể mang tên VN Dân-Chủ Cộng-Hòa, Quốc-Gia VN, hay VN Cộng-Hòa Nhân-Vị....

Thề-thức chọn người đại-diện dân-chúng dù là bầu cử hay bổ nhiệm, văn-kiện, văn-từ chánh-thức dù chứa đầy những chữ kêu vang, thực-tế trước sau vẫn là thực-tế : người cầm quyền muốn thật nhiều quyền, đề thao túng hay phục vụ ; và muốn đứng thật lâu để làm việc cho mình hay cho dân ; song biết rằng không thể như ý nếu chấp nhận hình-thức dân-chủ phương Tây. Khổ cho các vị, là thứ Dân-chủ này đã trót được đa-số tin tưởng, nên đành chiều lòng họ phần nào và loanh-quanh úp mở trong một tình-trạng khó xử mà vẫn không giấu giếm được ai. Phe này trách nhóm kia gian dối, chánh-quyền sau chê chánh-quyền trước theo bá-đạo, tuy trong 20 trời, ai cũng lảng-lặng nhằm những sự kiện được coi là căn-bản : củng cố, tồn tại và chỉ huy, vì chính mình hay đất nước cần như vậy. Bởi thế, khi còn đóng vai đối lập thì đòi tự-do, nhưng khi nhảy lên cầm quyền, thì lăm le thắt chặt.

Sao không nói thẳng ra ? Sẽ có những người cười là đại-dột, vì theo họ chánh-trị là dè-dặt, là kín-đáo, là che đậy... Song nếu cứ khôn-khéo mãi như vậy, thì vẫn sẽ còn nhiều phen đồ vỡ, tỉnh giấc, và phải tìm trước tìm sau, nhất là tìm ở xứ ngoài...

oOo

Từ Ngày 9-3-1945, mỗi khi nghĩ tới sự thiết-lập hay tổ-chức gì, thì nhiều cấp hữu-trách thường hỏi nhau : ở Nhật họ làm ra sao nhỉ ?

Cách-mạng tháng 8 thành công, thì câu hỏi được đổi ra : Nga-Sô làm thế nào ? Một học-giả chuyên làm từ-diễn cũng đã hỏi như thế trong một phiên họp của Ủy-ban cải-cách và kế-hoạch.

Nên khi D.Đ.H. tới cạy tôi tìm tài-liệu nghiên-cứu Hiến-Pháp, tôi biết thân-phận, nói ngay cho anh rõ rằng tôi chưa có dịp học nhiều về thể-chế dân-chủ mác-xít, không lẽ đưa anh những sách về dân-chủ Tây-Âu và Bắc-Mỹ đã cũ rích mà lại do Pháp viết.

Anh bảo cứ cho mượn, tuy theo ý tôi, các bộ sách đó chỉ có ích phần nào về hình-thức pháp-chế, và lẽ-lối soạn thảo không có gì đáng quan tâm. Cần nhất, là tinh-thần chánh-trị, những nguyên-tắc căn-bản, và mục-đích muốn đạt. Một khi ý thức được minh-bạch, thì sự ghi nhận trên giấy tờ chẳng qua là việc của kẻ thừa-hành, đâu phải là mối lo của cấp lãnh-đạo ?

Anh mang mấy bộ sách của tôi ra về, hứa xem, ngẫm lại rồi sẽ bàn sau. Song tôi có cảm-tưởng là anh chưa có quan-điểm rõ rệt, hoặc chưa được cấp tối-cao cho hiểu chủ-ý. Chớ lẽ nào giành giật một chánh-quyền, lôi cuốn một dân-tộc, mà không có chủ-trương về các định-chế ?..... ?

— Có lắm chứ !.... S. mà tôi đến gặp về vấn-đề lập-hiến, đã trả lời ngay hộ H.... Chủ-trương mác-xít và định-chế Sô-viết, còn hỏi làm gì ? Cứ xem danh-hiệu đã dùng cũng biết. Nếu không Cộng-Sản, thì V.N. Cộng-Hòa hay V.N. Dân-Quốc cũng đủ, nhưng « Dân-chủ Cộng-Hòa » tức là « République démocratique » cũng như « Démocratie populaire » của Cộng-Sản Nam-Tư. Vậy thì Hiến-Pháp nay mai cũng sẽ mô phỏng Hiến-Pháp Staline 1936. Cá-nhân mất hết tự-do vì chỉ là công-cụ sản-suất, tập-thể nhà-nước là tất cả và chịu đựng sự chỉ-huy của đảng duy-nhất ; độc-tài vô-sản, đấu-tranh giai-cấp được coi là điều-kiện tối-yếu để thực hiện xã-hội Cộng-Sản, mọi công-quyền đều thuộc sự chi-phối của đảng, kể cả Quốc-Hội...

S. quả quyết rằng : dân-tộc ta đã bị áp bức quá lâu, nay vừa thoát ách đô-hộ, không thể nào chịu cảnh chuyên-chế khác. Phải cho sả hơi dễ thở thì mới nẩy nở được, còn nếu lại đè nén, thì kẻ nô-lệ chỉ đòi từ chủ ngoại-quốc sang chủ bản-xứ mà thôi. Tự-do đã cần, bình-đẳng lại cần hơn. Bình-đẳng, thì người giàu cũng phải được đối đãi tử-tế như người nghèo, người trí-thức cũng phải được săn sóc giúp đỡ như người lao-động, chứ sao lại phân biệt giải-cấp đem tầng lớp này lẫn tầng lớp khác ? Có nhà cửa, có vợ con, có tiền bạc thì mới sống đầy-đủ. Nhược-bằng định phá hủy gia-đình, diệt trừ tư-sản hời, còn đâu là hạnh-phúc ? Lý-tưởng Mác-Lê xa xôi quá đối với nếp sống bao đời của ta. Tại sao không noi gương những xứ gần gũi ta về mọi phương-diện ? Tam-dân chủ-nghĩa của Tôn Dật-Tiên, và ngũ-quyền Hiến-pháp của Trung-Hoa Dân-Quốc, không làm đảo lộn sinh-hoạt, duy trì được các giá-trị cổ-truyền Á-Đông, và cho phép cá-nhân tiến bộ tuần-tự đến một xã-hội bình-đẳng dùng, dân-quyền để lo dân-sinh mà phục vụ dân-tộc.

oOo

Tôi nghe S. thuyết cũng xuôi tai, nhưng khi ngẫm lại, tôi rất lo ngại về một khuynh-hướng chung cho cả S. lẫn H. cùng một số đầu óc có phần nào trách-nhiệm đối với tương-lai đất nước : khuynh-hướng mà tôi không biết phê bình bằng tính-từ gì, nên tạm gọi theo lối riêng là khuynh-hướng... ếch-bò, vì tôi nhớ đến con ếch trong thơ ngụ-ngôn La Fontaine đòi lớn như con bò và cố phình ra cho vỡ bụng....

Đành rằng xứ ta chẳng may đứng vào hàng hậu-tiến, và ta phải học hỏi nước ngoài, rút kinh-nghiệm của người mà liệu cho ta. Nhưng ta nhỏ bé, mà xưa nay chỉ muốn bắt chước những xứ to lớn, hết Tàu, đến Pháp, Nhật, rồi lại Nga hay Tàu. Hoàn-cảnh hoặc phương-thể của họ khác xa của ta, thì tổ-chức nào tốt cho họ, liệu chừng có lợi cho ta không ? Các bạn tôi, cũng như người lớp trước, không hề nghĩ tới những xứ nhỏ mà cũng tự lập

và thịnh-vượng, như Hòa-Lan, Đan-Mạch, Na-Uy, Thụy-Điền v.v.. S. thuộc Hiến-pháp Tôn-Văn hay Minh-trị, cũng như C.T. thuộc Hiến-pháp Lénine và Staline, hoặc như P.A. biết rõ cơ-chế đại-nghị Anh-cát-lợi nhưng ai đề ý đến Thụy-sĩ với 5 triệu dân, 41.000 cây số vuông, mà luôn luôn được yên ổn và giàu có ?

Ngoài ra, tôi tưởng chỉ nên bắt chước về *phương-pháp* và *kỹ-thuật* cần thiết để tìm tòi, sắp đặt, xây dựng và đổi mới đời sống chung. Còn về phần tinh-thần, về nguyện-vọng và chí-hướng của dân-tộc, về quan-niệm sinh-hoạt của một cộng-đồng thích hợp với ta, thì chính ta phải nghĩ lấy, tìm lấy, và chọn lấy.

Tam-quyền hay ngũ-quyền, một Viện hay hai Viện, đầu phiếu liên danh hay đơn danh, v.v.. chỉ là những cách thể hiện phần chủ-yếu là triết-lý chánh-trị của ta. Tự-do cá-nhân hay ưu-quyền của tập-thể ? Nâng đỡ cho các hạng người cùng tiền, hay dành riêng đặc-quyền cho một vài giới ? Tư-bản có cần được hạn-chế không, trong một nước dân nghèo và quá nghèo ? Nước dễ loạn, dân-tinh dễ ly tán thì hành-pháp và lập-pháp cần có những quyền gì, hoặc bên nào phải được nhiều quyền hơn ?

Đối với mọi vấn-đề căn-bản đó, nếu chỉ chú trọng đến quyền-lợi vinh-cửu của dân-tộc, thì không thể trông cậy vào người ngoài hay nổi gót xứ nào; cũng không nên nhập-cảng những lý-thuyết chánh-trị sáng chế do trí-xảo của học-giả hay chánh-khách ngoại-bang. Khi còn thần phục những lý-tưởng xa xôi, thì sẽ còn những thiên-triều dễ bề kiến, và tinh-thần độc-lập vẫn chưa có đủ, dù mỹ-thuật-hóa bằng những danh-từ óng chuốt. Mạnh-tử, Montesquieu, Karl Marx, Tôn-Dật-Tiên hay Jefferson, dầu là bậc đại-trí, cũng chỉ là người của một thời, một xứ hay một vài tầng lớp mà thôi, dù sao cũng chưa từng hiểu biết đất VN, dân VN, hồn VN để mách hộ một hướng đường trị nước.

Thay vì ngưỡng trông các phương trời Pháp, Tàu, Mỹ hay Nga, chúng ta phải ngoảnh lại lịch-sử, địa-đồ của xứ sở, thực-trạng sinh-hoạt của đồng-bào trên mỗi địa-hạt, nhu-cầu của một thời-cuộc rối-ren cũng như khả-năng đầy hứa hẹn của một giống nòi cầu tiến. Công việc không phải là dễ, cũng không thể là của một ai. Nhưng ít nhất, hãy theo chiều đó, họa chăng mới tìm ra đường để theo khá lâu cho nhiều thế-hệ....

S. nhếch mép, ngắt lời tôi :

— Thế cậu tìm ra cái gì hay hơn Tam-dân và Ngũ-quyền của bọn tôi ?

— Ai nói đã tìm ra, là nói khoác. Chỉ mới thấy có Thụy-sĩ và Hoa-Kỳ là có diễm-phước khám phá đường tiến từ khi lập quốc; đường đó thích-hợp đến nỗi về sau chỉ cần sửa sang đôi chút và một vài khi. Chính-Pháp khởi xướng Cách-Mạng 1789, mà cũng mất một thế-kỷ, trải nhiều biến-cổ, qua dăm chế-độ, vò nát chục Hiến-Pháp rồi mới xây dựng nổi một nền dân-chủ chưa lấy gì làm hoàn-hảo. Vội chi đã đòi cho ta ngay bây giờ ? Điều cần-thiết, là chịu nghĩ hơn là theo sự có sẵn, và phải thành-thực. Nếu tin rằng kỷ-luật cứng rắn là cần, thì đừng ngại đề xướng, và chớ rêu rao tự-do để rồi cùng phải thất-vọng. Còn nếu nhận rằng

dân-tộc khao khát tự-do quá thê vì đã bị áp bức quá lâu, thì phải nói rộng những dây thắt buộc, *hễ còn nói dối, hoặc còn tự dối, thì vẫn không yên*. Hiến-chương, Hiến Pháp không phản ảnh trung thực ý-nguyên thật sự và nhu-cầu thật sự của đa-số, thì rồi chỉ thành giấy lộn, hoặc nếu chỉ đưa ra đề trấn tĩnh nhân-tâm thì dù có soạn thảo, cũng không vì thế mà cải tiến đời sống chung.

S. chỉ trả lời tôi .

— Đề rồi xem sao, vì chính cậu cũng dài dòng lý thuyết.

oOo

Những suy-luận tiên-nghiệm mà tôi cho S. biết, ngày đó chỉ dựa vào khát-vọng tự-do, và sự chân-thành mong thấy trong các hoạt-động chánh-trị. Nhưng chẳng bao lâu, tôi đã phải nhận rằng mình còn đứng quá xa, ở bên ngoài thực-tế.

Một góc cạnh của thực-trạng xứ sở đã được phơi bày ra ánh sáng, ánh sáng rùng-rợn trên những vết máu, những đồ kim kẹp tra tấn, mà công-chúng được xem trước mặt VNG cùng các nhà báo, tại hai căn nhà đường Bonifacy và bên hồ Halais, hai trụ-sở bí-mật của hai nhóm « phản-động » : theo nhân-viên Công-An, thì các nhóm này bắt cóc nhiều cán-bộ VM về đây hành hạ và thủ tiêu.

Tuy-nhiên, một số người đã mục kích, vẫn không tin, cho là nhà đương-cuộc dàn cảnh hãi-hùng đó để hạ uy-tín của các nhóm quốc-gia, vu cho những hành động tàn bạo để rộng tay đàn áp, không còn lo những công-luận nghiêm-khắc.

Nhiều đồng bào cũng như tôi, biết thế nào mà tin nữa ? Lại nghe nói T.Đ.L ở bộ Ngoại giao đã bị bắt cóc và mất tích : nếu vụ đó được chứng thực, tất tôi đã yên trí rằng sự trước mắt không phải là việc bày đặt. Chúng tôi chẳng có cơ gì để bênh ai, nên muốn cho công bằng, tôi đành chịu phân-vân, và lại nhớ câu của già Hồ hôm ký Hiệp-định sơ-bộ : trên trường chánh-trị, cái gì cũng có thể xảy ra.

Nhưng tôi không khỏi lo ngại cho công-cuộc kiến tạo Dân-chủ ở nước nhà. Người ta bàn về Quốc-hội, về Hiến-pháp; hai định-chế nhằm mục-dích qui hướng các tác-động tranh đấu vào vòng luật-pháp ; song nếu trong chánh quyền cũng như ngoài dân-gian, các đảng phái không chịu gạt bỏ vũ-lực và nhất là những hành-vi bạo ác, thì chúng ta trở lại thời phong-kiến, chứ tinh-thần dân-chủ có đâu mà mong thực hiện? Vẫn biết trong lúc này, mỗi phe mỗi nhóm đều có những lý-do riêng để tạm giữ hình-thức võ-trang đã sẵn có từ khi còn nấp trong bóng tối, và còn phải lo tự vệ nếu cần, khi chưa có hy-vọng hòa hợp. Nhưng nếu tình-trạng này kéo dài, thì ta sẽ lại thấy tái diễn trên đất nước này, cuộc tranh giành xâu xé của các đốc-quân Tàu sau cuộc cách-mạng Tân-Hợi 1911.

Dân-chủ, Tự-do. Hạnh-phúc ? Chủ-quyền thuộc toàn-dân...

Súng đã nổ ở Vĩnh-Yên, Việt-Trì, Lạng-sơn, giữa Vệ-quốc-quân và bộ-đội Việt-Quốc, Việt-Cách.

Mạnh ai người ấy được, chỉ có dân chịu khổ. Thống-khổ thuộc toàn-dân.

Ngày 9-11-1946, Quốc-hội biểu quyết chấp thuận Hiến-pháp Việt-Nam Dân-Chủ Cộng Hòa, bằng đa-số 240 trong 242 phiếu (tuy có tất cả 444 nghị-sĩ, nhưng ngót một nửa vắng mặt).

Hiến-pháp đã được soạn thảo kỹ-lưỡng, theo một văn-chế minh-bạch và chính-xác, với một nội-dung đầy tinh-thần dân-chủ.

Các quyền tự do cá-nhân đều được thừa nhận, kể cả tự-do ngôn-luận và tự-do tín-ngưỡng. Đáng chú ý nhất, là tự-do tư hữu.

Tổ chức công-quyền dựa trên nguyên-tắc dân-cử và thể hiện bằng phổ-thông đầu phiếu. Mọi cấp đều do dân bầu, từ các Ủy-Ban địa-Phương đến Quốc-hội. Quốc-hội cử Chánh-phủ.

Nhưng Hiến-Pháp chỉ sống có ba ngày. Sáng 14-11-1946, Quốc-hội quyết định đình chỉ áp dụng, và ủy quyền cho một Ủy-Ban Thường Trục.

Vì tình-thế lại căng thẳng, Pháp gây hấn ra mặt, không-khí Hà-Nội rất nặng nề, hay đúng hơn, thì ở rặng cây cồ thụ đường L. Đức, chim lợn lại kêu bi-thảm như trước ngày 9-3-1945.

Đ.T.

Kỳ tới : Kháng-chiến và tản-cư

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C.

Zen

và nghệ-thuật

● VŨ-TRUNG

(Viết theo tài liệu của A. W. Watts)

Zen, có nguồn gốc vừa Phật-giáo lẫn Đạo-giáo, lúc sơ-khởi là một ngành Phật-học đặc thù của Trung Hoa, do Tổ sư Bồ-Đề Đạt-ma dẫn nhập từ Ấn-Độ và Lục-tổ Huệ-Năng xiển-dương về sau, cho đến ngày nay ảnh-hưởng sâu đậm đến nền văn-hóa Nhật-Bản và làm đề tài suy-luận mới cho triết-học Âu-Mỹ.

Liên-quan xa-xôi với Du-già-phái ở Ấn-Độ, gần gũi với Lão giáo ở Trung-hoa, Zen, đặc-biệt ở điểm nó không phải là một tôn-giáo, một triết-học hay một khoa-học, mà là một phương-tiện giải thoát. Hơn nữa, Zen, không phải là một hệ-thống tư-tưởng thuần-lý giúp con người tìm đến chân-lý và giải-thoát mà là một lối sống hiền-đạt chân-lý và giác-ngộ bằng kinh-nghiệm sống bản-thân.

Một đấng sống với ngoại-cảnh mà không bị ràng buộc bởi ngoại-cảnh, một đấng sống theo một đời sống phóng khoáng tự-nhiên. Zen và Đạo-giáo đã đi đến hòa đồng đó. Cả hai, hướng con người đến một đời sống thanh-cao, siêu thoát.

Nói rằng nghệ-thuật là cái gì đưa con người vượt lên trên đời sống của mình để đạt đến Chân, Thiện, Mỹ, trong ý

hướng đó, Zen có một khả-năng biểu-hiện nghệ-thuật tuyệt-đỉnh.

Du-nhập từ Ấn-Độ, hóa-thân ở Trung Hoa, thâm-nhập vào Nhật-bản, Zen đã có một ảnh-hưởng sâu-rộng trong đời sống tinh-thần ở miền cực-đông, đặc-biệt là ở Nhật-bản.

Trước khi được dẫn-nhập vào thế-giới nghệ-thuật Zen, cần phải lý-hội thế nào là đời sống theo quan-niệm Nho, Lão và Thiền tức Zen.

Quan-niệm này cho rằng con người là một phần-tử của vũ-trụ. Trí-thức của nhân-loại không phải lệ-thuộc vào một thế giới cao-xa nào, mà là một phần trong cái toàn-thể phối-hợp và quân-bình của thế-giới thiên nhiên mà những nguyên-lý được Dịch-kinh phát-hiện trước tiên. Trời đất cũng vậy, theo Đạo-giáo, là một phần của cái toàn thể đó và thiên nhiên là MẸ của chúng ta (vạn-vật chi-mẫu), vì Đạo, lẽ vận-hành của thiên-nhiên, được biểu-hiện sơ-khởi bằng nguyên-lý âm-dương, với một quân-bình sống động đã duy-trì trật tự của vũ-trụ.

Theo nguyên-lý làm nền tảng cho văn hóa cực-đông này, những sự-vật đối-lập đều có một tương-quan đối xứng và hòa

hợp chứ không phải hoàn-toàn tương khắc. Nền văn hóa đó không có quan-niệm về sự khác biệt giữa tinh thần và vật-chất, sự việc và vật-lại, thiện và ác, nghệ sĩ và hoàn-cảnh v.v..

Trong một vũ-trụ mà nguyên-lý căn-bản là lẽ tương-đối, chứ không phải là lẽ tranh-chấp thì đời sống không có cứu cánh, bởi lẽ không có chiến đề thắng, không có đích đề đạt. Bởi vì tất cả mọi cứu-cánh như danh-từ đã chỉ-thị là một cực-đoan, một đối-điểm, chỉ hiện-hữu với một cứu-cánh đối-lập tương-quan. Một vũ-trụ vô-cùng, không cứu-cánh, thung-dung, xoay vần tự nhiên, theo chiết-tự Trung-Hoa « DỊCH », vừa có nghĩa chuyển-biến (DỊCH) vừa có nghĩa dễ dàng (DỊ).

Đó là nguyên-tắc căn-bản của Zen và cũng của bất cứ ngành nghệ-thuật cực-đông nào.

Một đời sống theo đuổi một cứu cánh là một đời sống hư-vô từ nội-tại, đó là một sự theo đuổi không ngừng và không bao giờ thành-đạt. Trái lại, cuộc sống không có cứu-cách thì không theo đuổi cái gì cả, không thiếu thốn gì, bởi sống không mục-đích thung-dung, tự-tại, nên tất cả cảm quan đều chẳng bận-bịu, dễ-dàng cảm ứng với vũ-trụ bên ngoài.

Ý-nghĩa của Zen là đời sống tự-nhiên, ý-nghĩa của nghệ-thuật Zen là nghệ-thuật sống một đời sống tự nhiên không ràng buộc.

ZEN VÀ HỘI - HỌA

Zen, đã là nguồn cảm-hứng cho một hình-thái nghệ thuật đặc biệt là hội-họa tả thư, tức là tranh vẽ có đề thơ.

Mực Tàu, có thể dùng nước để pha nhiều sắc độ khác nhau, tùy theo số lượng nước nhiều ít. Kỹ-thuật sử-dụng

Ngược dòng lịch-sử Trung-hoa, sau vụ ngược đãi Phật-giáo năm 845, ảnh-hưởng Thiền rất lớn đối với văn-hóa xứ này. Nhất là dưới triều Tống các Thiền viện được xem như là những trung-tâm văn-hóa nổi danh. Các sinh-đồ (Khổng-giáo, Lão-giáo) thường đến học hỏi ở các thiền-viện và các thiền-sư cũng gia tâm nghiên-cứu các kinh-sách cổ-diễn Trung-hoa. Sự kiện này tạo nên một tình-trạng đặc biệt là sự giao-liên giữa các sinh-hoạt tư-tưởng, văn-học, thi-ca và nghệ-thuật.

Trong thời-kỳ đó, hai nhà thiền-sư Vinh-Tây và Đạo-Nguyên, trở về đất Nhật, tiếp theo là những đoàn cao-tăng Nhật, du-nhập vào xứ sở này ngành Thiền-học và cả kho tàng phong phú của văn-hóa Trung-quốc. Không những họ chuyên-chở các kinh-diễn mà còn có: Trà Tàu, lụa, đồ, hương, tranh vẽ sành, được phẩm, nhạc khí và luôn cả những tinh hoa của lục-địa, nghệ-sĩ và những nhà tiểu-công-nghệ.

Ngành Thiền-học phát-triển ở Nhật từ đó và người Nhật gọi là Zen. Đất Nhật chính là nơi nghệ-thuật Zen được xiển-dương đến cao độ và thề-nhập vào văn-hóa xứ này nên có thể nói Zen là văn-hóa Nhật và văn-hóa Nhật là Zen.

Điều đáng chú ý khi nói đến nghệ-thuật Zen là phải nghĩ đến tính-chất tự nhiên, nó là cái xương sống của nghệ-thuật này.

ngon bút lông rất quan-hệ. Người vẽ hay viết không được tì tay xuống tranh vẽ hay giấy viết, đầu bút lông ấn vào giấy hay lụa rất nhẹ, mực phải kéo đều một nét và liên-tục. Sử-dụng kỹ-thuật này người nghệ-sĩ phải có tự-chủ, đường tay

uyên-chuyên, mềm mại, có thể nói họ múa bút hơn là vẽ tranh hay viết chữ. Đó là một phương-tiên diễn-tả toàn-thiện tính-chất tự-nhiên hòa-nhã và chỉ một nét đủ cho người thưởng-thức sành-sỏi có thể biết được tư-cách của con người sáng tác.

Lối vẽ thủy-mặc này dường như do Ngô-đạo-Tử và Vương-Duy đời Đường khởi xướng.

Song phải đợi đến đời Tống, lối vẽ này mới thực-sự phát triển với các nhà danh họa Hạ-Khuê, Mã-Hoàn, Múc-Chi, Lương-Giai. Các nhà danh họa này hầu hết thuộc phái "tự-nhiên họa". Họ diễn tả thiên nhiên với núi, sông, cây, đá, chim, muông thú, sương mù, khói sóng... Lối vẽ tự nhiên này không giống với lối vẽ phong cảnh như của Tây-Phương, mà là diễn-tả một lối sống lấy nguồn cảm từ Zen và Đạo-giáo. Đó là một thế-giới mà trong đó con người là một phần-tử, không ngự-trị, mà cũng không bị lệ thuộc, tự-tại và vô mục đích.

Đặc-sắc của tranh Tống là lối bố cục tương đối và họa-sĩ có thể vẽ một phần mà đủ diễn tả toàn bộ cuộc sống. Nổi tiếng nhất là Mã-Hoàn về lối «vẽ như không vẽ» này, cũng như điều mà Zen gọi là «chơi đàn không dây». Bí quyết của lối vẽ đó là biết cách quân-bình hóa hình thể và chân không.

Nghệ-thuật Zen rất kỵ những điều làm trở ngại cho sự kích động thâm-mỹ hoặc kích-động giác ngộ như là những chi-tiết bề-túc, những giải-thích, những ý tưởng thứ yếu và những phẩm bình lý trí. Hình thể hòa-hợp thích đáng với chân không sẽ tạo nên một cảm tưởng hư-vô huyền-diệu.

Xúc động nhất là sự chủ-trì ngọn bút vẽ cùng động-tác đi từ nét tế-vi đến

nét sống động, từ những chi-tiết nhỏ đến sự phác-họa toàn bích, thường có những «ngẫu nhiên» của cái phóng tay bất-thần, hoặc là giấy ăn mực không đều. Nhà nghệ-sĩ Zen sử-dụng kỹ-thuật này với một lối mệnh danh là «Zenga» (Thiền-họa) trong thuật viết chữ Hán, vẽ nhưng vòng tròn, cành trúc, chim muông, nhân-diện, và viết vẽ một cách tự nhiên làm cho người thưởng-thức có một ảo-tưởng là động-tác còn liên-tục mặc dầu nét chữ hay nét vẽ đã hoàn-tất.

Một nhà sư Nhật có đặc tài về kỹ-thuật sử dụng bút lông hay cọ rơm để vẽ những đường nét tế-nhị như những đường tóc bay chẳng hạn.

Dưới con mắt Tây-phương, tranh vẽ Trung-Hoa, thiếu cân đối trong bố cục, thiếu những hình-thể kỷ-hà thông thường, thẳng hoặc cong. Vì đường nét do bút lông vẽ thì có cạnh, có mấu, uốn xoắn không đều, vạch thẳng một nét hoặc kéo dài bao giờ cũng tự nhiên và tế mật. Kể cả trong lúc họa sĩ vẽ chỉ một vòng tròn thôi, một trong những đề tài thông thường của Zenga, nó không những kỳ dị và bất cân đối, mà cách cấu tạo đặc biệt của nét vẽ lại đầy sinh khí với những vẩy bần và sơ hở bất ngờ của mực khi ăn vào giấy.

Khoa học Âu-tây đã trình bày một thiên nhiên minh bạch bằng cách phân tích những sự cân đối và đều đặn và tách những hình thể kỳ-dị thành những chi-tiết mô tả được.

Như vậy không đúng với thực tại vì thế giới vật chất thường bị chi-phối bởi những nguyên lý bất định.

Múc-Chi và Lương Giai đã sáng tác khá nhiều tranh vẽ về mười vị tổ-sư và thiền-sư, diễn tả thái độ kỳ quặc của các



vị này, giống như những người điên, hình dung cồ quái, lười biếng, họ gào thét hay bật cười lớn, khi thấy lá bay theo gió. Trong số đó hai vị thiền sư

Hàn-Sơn, Trí-Đức và Bồ-Đài, nhà sư mập phì chúa tể của đám bình dân, được các họa sư dùng làm nhân vật Zen điển hình để phối-diễn sự tương hợp khoái trá giữa tính giang hồ lãng bạt và tính khinh bạo vô ưu như là một tiêu biểu cho tính chất phi lý và hư vô của đời sống Zen.

Triết thuyết ấy, và Đạo-giáo, một phần nào là những tinh thần truyền thống duy nhất dám tự phúng thích và có một vô-thức nội tại thâm hậu để tự bốn cột tôn giáo mình và châm biếm nó về một vài điểm ở nội-vi.

Qua hình ảnh những người điên, nhà nghệ sĩ Zen muốn diễn tả hơn nữa cái phản-ảnh của bản chất "vô tình" bởi vì có một sự giống nhau kỳ lạ giữa tính lảm nhảm cuồng dại của một gã khờ sung sướng và cuộc sống vô-tâm của một vị cao tăng Zen. Thiên-tài với điên cuồng không khác nhau mấy.

(Còn tiếp 1 kỳ)

VŨ - TRUNG

Kỳ tới : Zen và thi ca, trà đạo ;
viên nghệ vv...

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học,
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

PHẬT-GIÁO hay CỘNG-SÁ'N

lực lượng nào nắm giữ tương lai Châu Á

Tác giả : ERNST BENZ

Dịch giả : RICHARD & CLARA WILSON

(Xin xem B. K. T. D. từ số 228)

B — PHẬT-GIÁO PHỤC-HƯNG

- 1) Phật-giáo phục-hưng tại Ấn Độ (xin xem BK.TĐ. số 230)
- 2) Phật-giáo phục-hưng tại Tích-Lan (xin xem BK.TĐ. số 231)
- 3) Phật-giáo phục-hưng tại Miến-Điện

Giai-đoạn đô-hộ của Anh tại Miến-Điện tương đối ngắn hơn ở Tích-Lan, nhưng nó đã tạo ra một tình trạng xáo trộn lớn lao hơn trong kiến-trúc xã-hội và trí-thức của xứ này.

Công cuộc chinh-phục nước này chia làm 3 giai đoạn. Sau cuộc chiến Anh-Miến thứ nhất, vào năm 1824-26 các tỉnh duyên hải Arakan và Tenasserim đã phải nhường cho Anh. Trận giặc thứ nhì vào năm 1852 chấm dứt bằng sự sát-nhập tỉnh Pegu tại Miến-Hạ vào khối Anh. Năm 1885 sau cuộc chiến tranh thứ ba, vùng Miến thượng bị sát nhập. Sau đó, Anh-quốc bành trướng quyền cai-trị tới các địa phận kế cận, nhất là các tiểu-bang Shan và vùng cao nguyên do giống Shin cư ngụ.

Không giống Tích-Lan, Miến-Điện không trở thành một thuộc địa Hoàng-

gia tự-trị. Xứ này đã được cai-trị như một địa phận phụ-tùy của Ấn-Độ. Bởi vậy mà sự Âu hóa không thâm-nhập sâu vào sinh-hoạt văn-hóa, nhất là ở miền Miến-thượng, vì vùng này đã bị sát nhập trễ hơn vùng Miến-hạ rất nhiều. Sau lớp vỏ Âu châu, Phật giáo truyền thống được duy trì sinh động hơn trường hợp Tích-Lan. Mặt khác, những chính-sách kinh-tế của chính quyền thực dân đã tác-hại trầm-trọng hơn đối với trật tự xã hội. Phật-giáo xứ này Bọn thực-dân Anh đã mở ngõ xứ này cho chính-sách tự-do cạnh-tranh. Mà truyền thống Phật giáo lại không chấp nhận tự sản, vì vậy người Miến không thích-ứng được với hoàn cảnh mới. Kết quả là hàng đoàn nông-dân Miến đã mất đất về tay bọn « xét ti » Ấn và trở thành kẻ làm thuê cho các chủ nhà băng Ấn

tại Madras. Sự thịnh-vượng sau đó do việc đầu-tư vốn liếng của Anh tại Miến đã không ảnh hưởng chút nào tới chính người Miến, vì tâm địa của con người theo đạo Phật đã ngăn họ khai thác cuộc tranh thương phi nghĩa do các quan thầy thực-dân và người Ấn đã đưa vào đất Miến. Không có một giai cấp trung lưu Miến nào thành-hình trong giai-đoạn bị-trị.

Sự kinh chống căn-bản giữa hệ-thống kinh-tế Anh và trật-tự kinh-tế đạo đức Phật-giáo Miến này kéo giằng giai đến tận thời-kỳ Cách mạng Miến-Điện. Những nhà lãnh tụ của Cách mạng đó là những Phật tử tán-thành một nước Miến-Điện xã-hội đặt nền tảng trên những nguyên-lý của Phật-giáo, và dĩ nhiên những người này chống lại cả các tôn giáo cũng như hệ-thống kinh tế của lực lượng thực dân và chư hầu Ấn-Độ.

Cũng như tại Tích-Lan, ở Miến-Điện ngay từ lúc đầu, Tầng-già Phật-giáo đã đứng về phía lực-lượng chống Anh. Nhà cầm quyền Anh tại Miến đã không cho Phật-giáo hưởng sự hỗ trợ quốc gia như họ đã làm tại Tích-Lan, và tạo nên những kết quả tương tự. Những hậu quả kinh tế do nền đô hộ Anh tạo nên cũng đã góp phần vào việc bần-cùng-hóa tầng việu Miến. Bởi vậy, chính các nhà sư đã đóng một vai trò then chốt trong cuộc kháng chiến chống Anh suốt trong thời gian du kích chiến, tiếp sau vụ sát nhập toàn bộ Miến-Điện vào ách cai-trị Anh năm 1886 và trong vụ nổi dậy tại Saya-San trong mùa Xuân năm 1931.

Trước đó, trong năm 1929, U. Wisera, một nhà sư Miến, bị cầm tù vì tội hoạt động chống Anh, nhất là đã xách-động chống lại sự kiểm-chế các tập tục Phật-

giáo của nhà cầm quyền Anh. U Wisera chết sau một cuộc tuyệt-thực kéo dài hơn một trăm ngày, và từ đó được suy tôn như một người hy sinh cho đạo-pháp và chính-trị của tôn Miến-Điện. Năm 1945, N.C. Sen một người Ấn nghiên cứu lịch sử cận-đại Miến, đã nhận-định rằng không có đảng chính-trị nào ở Miến-Điện có thể lôi cuốn được quần chúng nếu vắng bóng các nhà sư. Điển hình là đảng quốc-gia đầu tiên của tôn Miến-Điện đã phát xuất từ một hội Phật-giáo.

Du khách ngày nay tới thăm Rangoon bắt buộc phải nhớ lại mối liên-hệ giữa chủ-nghĩa quốc-gia Miến và Phật-giáo qua đài kỷ-niệm U Wisera tại chùa Swedagon. Một điển hình nữa về cuộc đề-kháng của Miến-Điện với Anh-quốc là chiếc chuông lớn cũng trong ngôi chùa vừa kể, chuông được thỉnh lên vào những dịp quan trọng. Chuông này nặng 40 tấn, cao tám bộ rưỡi, rộng bảy bộ, dày một bộ. Vua Tharavaddi đã cúng dường chuông này cho chùa. Sau cuộc chiếm đóng Rangoon vào năm 1841, người Anh muốn đem chuông này về Calcutta như một chiến lợi phẩm. Nhưng chiếc bè lớn dùng để chở chuông tới chiến-hạm chờ ngoài khơi đã bị lật. Chuông chìm xuống đáy sông. Tất cả những cố gắng của Anh để vớt chuông lên đã vô hiệu quả. Ấy vậy mà một vài năm sau, chính những người Miến-Điện đã thành công trong việc kéo chuông này từ đáy sông lên và rước về chùa Swedagon. Câu chuyện về cái chuông kể trên đã trở thành một giai thoại mà tất cả thiếu nhi Miến đều thuộc nằm lòng.

Cũng như ở Tích-Lan, sự liên-kết giữa Phật-giáo và chủ-nghĩa quốc-gia đã được đẩy mạnh vì sự kiện các tôn-giáo ngoại-quốc đã xâm nhập xứ này cùng

lúc với cuộc chinh-phục bằng quân-sự. Đó là trường-hợp của Ấn-độ giáo, Hồi giáo, cũng như Ky-tô giáo. Ấn-độ giáo đã tràn vào Miến-điện cùng với các phu đồn-diễn cao xu Ấn và các thương-gia người Tamil. Nhóm sau này, mua phần lớn đất đai của nhà chùa, đã bị nông-dân Miến coi như bọn người trục lợi và hút máu hút mủ. Hồi giáo vào cùng với đoàn quân thuộc địa Hồi và gia-đình của họ từ Ấn kéo sang.

Ngược hẳn với Tích-Lan, việc truyền đạo Ky-tô tại Miến-Điện đã thấm nhập đáng kể vào quần chúng. Ngoài người thuộc chủng loại Miến-Điện thuần túy, còn có nhiều bộ-lạc thiểu số khá đông đảo trong nước. Đứng đầu trong nhóm đó là giống người Karen, Shin, Kachin và Shan. Trong khi việc truyền giáo Ky-tô hầu như không đạt được chút tiến bộ nào trong giới Phật tử Miến-điện, thì họ đã thâm lượm được kết-quả đáng kể trong nhóm Karen. Nhóm dân này theo một tín ngưỡng duy-linh bán khai bị dân Miến khinh rẻ và chính quyền Phật giáo lơ là. Vì vậy họ coi lực lượng thực-dân mới như kẻ bảo-vệ chống lại lớp chủ nhân ông Phật-giáo trước kia và theo đạo Ky-tô rất nhiều-. Đặc biệt Hội truyền giáo Baptist đã đạt được nhiều kết quả đáng kể trong đám dân Karen. Năm 1921, có chừng 180000 tín đồ Ky-tô tại Miến, trong số đó 70 phần trăm là dân Karen — 15 phần trăm tổng số dân Karen trong xứ — trong khi đó chỉ có 5,7 phần trăm tín đồ Ky-tô là gốc Phật tử, số này chỉ đại-diện cho 0,16 phần trăm toàn dân Miến.

Sự kiện này đã tạo nên những kết quả định mệnh cho lịch sử Miến. Chẳng hạn mỗi giây liên-lạc về chính-trị và văn-hóa giữa dân Karen và Anh-Quốc đã khiến họ sát cánh với Anh-Quốc chống lại Nhật Bản và Quân đội độc lập Miến-Điện

trong Đệ-Nhị Thế-Chiến. Chẳng những thế, họ còn tiếp tục kinh chống ngay cả sau khi quân đội Đồng Minh rút khỏi Miến-Điện năm 1942. Bởi vậy các người quốc-gia Miến đã coi người Karen như những kẻ cộng-tác với ngoại-bang, và trong năm 1942 quân-đội Miến đã đối xử tàn tệ với nhóm thiểu số này.

Sau chiến-tranh, Miến-Điện tuyên bố độc-lập và việc này đã gây ra những biến động chính-trị mới. Những người Karen theo Ky-tô giáo đã kêu gọi Anh quốc bảo đảm quyền tự trị cho họ. Khi người Anh làm ngơ sự thỉnh-cầu đó, người Karen tiến hành việc xây dựng một quân đội riêng của họ. Năm 1948 những người Karen cực đoan, với một vài sự hỗ-trợ của một số cá nhân Anh, toan tính lập một nước Karen độc-lập, mặc dầu bộ-lạc của họ không chiếm hữu một phần đất liên-tục. Việc thăm sát hơn tám chục người Karen trong một buổi lễ trong ngày Giáng-Sinh năm 1948 bị gán cho là do nhóm lính của quân-đội cách mạng Miến gây nên, đã thúc nhóm thiểu số Ky-tô giáo này gây nội chiến. Các lực lượng bảo-vệ của dân Karen đã tấn công các đơn-vị thuộc quân-đội cách mạng Miến-Điện. Cùng một lúc, dân Karen nổi lửa đốt tất cả các làng mạc trong vùng châu thổ sông Irawaddy. Các mục sư Karen đã thuyết giảng những đoạn kinh trích trong cuốn Exodus, đòi giải phóng bầy con chiên của họ khỏi vòng tù ngục của các kẻ phiến thần. Tháng Giêng 1949, Liên đoàn Bảo-vệ Quốc-gia của nhóm Karen bao vây Bassein và vào ngày 31 tháng Giêng tiến sâu vào vùng ngoại ô Rangoon. Ngày hôm sau tướng Smith-Doon, một người Karen, bị giải chức Tổng tư lệnh quân-đội chính-phủ; nhà cửa của nhiều người Karen tại Rangoon đã bị đốt phá, và nhiều cuộc tàn-sát đã xảy ra.

Chính trên cái bối-cảnh chính-trị đó mà các nhà lãnh-đạo Cách-mạng Miến đã tiến-hành một chương-trình xây-dựng quốc-gia trong đó lý-tưởng xã-hội và chính-trị đều đặt nền-tảng trên đạo Phật.

U Nu, là lãnh-tụ cuộc Cách-mạng Miến là một Phật tử nhiệt thành Canh tân Phật giáo Miến và chuyển Phật giáo thành một đạo được truyền-giảng trên khắp thế giới là những yếu-tố chính trong hoạt-động chính-trị của ông. U Nu và Aung San, hai nhà lãnh đạo của cuộc cách mạng, đều là hội-viên của đoàn Tha Kin (Dobama Asiayon) thành-lập năm 1930-31. Trong thừa thiếu thời cả hai đều đóng những vai trò dẫn-đạo trong các cuộc bãi khóa đòi độc-lập của sinh-viên Miến.

Năm 1946, Anh-Quốc thừa nhận nền độc lập chính trị của Miến. Năm 1947, cuộc tuyển cử bầu Quốc Hội Lập-Hiến được, tổ chức Cộng sản dùng võ lực cố gắng cản trở. Bị thất bại trong vụ này, họ đã phải dùng đến cả những biện-pháp cực-đoan. Trong một phiên họp đầu của Quốc hội (19-7-47), Thủ Tướng Aung San và toàn thể nhân-viên nội-các hiện-diện đều bị hạ sát bởi bọn giết mướn giả trang làm lính gác đột nhập vào phòng họp. U Nu, Chủ-tịch Quốc-hội và Phó chủ-tịch của Liên-Đoàn Tự-Do chống Phát-Xít, đã tránh không tham dự buổi họp vì lời cảnh-cáo của một chiêm-tinh-gia, nhờ vậy đã thoát chết. Ông kế-tục Aung San trong chức-vị Thủ-tướng và hoàn thành việc xây-dựng Cộng Hòa Miến-Điện. Ông đã phải đương đầu với cuộc nổi loạn dai dẳng của Cộng sản mà sau một cuộc chiến đấu nhọc nhằn, ông đã dẹp được. Suốt trong thời gian này ông quyết tâm giữ vững lập-trường không đình-chỉ các quyền dân chủ căn bản hay ban bố các sắc luật khẩn cấp.

U Nu đặt căn-bản pháp-chế xã-hội theo những qui điều của đạo Phật đã được đơn giản hóa trong những tư-tưởng đạo-đức của hoàng-triều Miến xưa. Ngay cả đạo luật 1948, quốc-hữu-hóa đất đai, đã cố tình được rập khuôn cho phù hợp với thái độ của nhà Phật đối với tài-sản. Ngày 11-10-1948 trong cuộc đệ-trình dự án luật này cho Quốc-hội, Thủtướng U Nu đã nói :

« Lịch-sử thế giới nói chung là một cuộc chiến-tranh liên-tục giữa một nhóm người với quần chúng... bởi vì họ không có được quan-điểm đích-thực về tài-sản. Vậy quan-điểm đích-thực về tài-sản là gì? ...Trong trường-hợp của những người tin tưởng ở Tứ-diệu-đế, cái bồn phạn cấp thiết nhất là đạt tới Niết-Bàn trong một khoảng thời-gian ngắn nhất... Tài-sản phải được dùng bởi con người để trang-trải vừa đủ cho nhu cầu của họ trong cuộc hành-trình tới Niết-Bàn. Khi chúng ta khởi sự phân-tách sự bóc lột, áp bức và tranh giành quyền-lực giữa một giai cấp này và một giai cấp khác, chúng ta thấy rằng cội rễ là một sự lầm lạc về quan điểm giá-trị nội-tại của tài-sản. »

Những ý-kiến này đã chi-phối chính sách đối nội và đối ngoại của U Nu trong suốt thời gian nhậm chức. Ngày 27-9-57, U Nu đã lên án dữ dội bọn Cộng sản, vì bọn này, mặc dầu đã có đề nghị ngưng chiến rất rộng rãi, vẫn tiếp tục chiến đấu trên đất Miến. Ông ta còn lên án vụ Nga Sô đàn áp Hung-Gia-Lợi. Tuy nhiên, U Nu đã nhấn mạnh rằng sự chỉ-trích cộng-sản của ông không có nghĩa là không chấp nhận chủ-nghĩa xã-hội : « Ý-thức-hệ của Liên-Đoàn Tự-Do chống Phátxít không có thể là Mác-Xít hoặc Cộng Sản, vì chúng nghịch lại với các quan-niệm Phật-giáo. Chủ-nghĩa xã-hội của chúng ta

sẽ không là quốc-gia tư-bản chủ-nghĩa, vì quốc-gia tư-bản chủ-nghĩa là chuyên chế. Sự bóc-lột thực-thị bởi quốc-gia tư-bản chủ-nghĩa còn tệ hại hơn là sự bóc lột của chủ-nghĩa tư bản thường." Cuộc tuyên-cử vào tháng Hai 1960 đã thu lượm được đa số tuyệt-đối cho U Nu và chương-trình xã-hội Phật-giáo của ông. Nhóm Mác-xít bị thất bại hoàn toàn.

Cuộc triệu-tập Hội-nghị Phật-giáo tại Rangoon năm 1954 trong dịp kỷ niệm năm thứ 2500 Đức Phật nhập Niết Bàn là một thành quả lớn lao trong cố gắng phục hưng Phật giáo của U Nu. Hội nghị đã lập bốn Ủy Ban : Giáo dục,

Công-tác xã-hội, củng cố giáo lý và Công tác truyền-giáo trên khắp thế-giới. Một số quyết-nghị đã được thông qua : hủy bỏ án tử hình; giáo dục tôn-giáo cho nhi đồng Phật tử; tăng-gia công-tác xã-hội tại các tổ chức Phật-giáo; trùng tu các thánh-tích Phật giáo; lập các trung-tâm nghiên-cứu và phát huy Phật giáo; giới thiệu hoặc dùng lại Phật-lịch trong các nước theo đạo Phật; lập trường Đại-học Phật-giáo Thế-giới; soạn một loại sách kinh nhỏ và một phương-pháp mạch lạc trong việc giảng dạy đạo Phật. Một chương-trình được hoạch-định nhằm vào việc hoằng dương Phật pháp trên toàn thế giới.

4.— Phật-Giáo phục hưng tại Nhật Bản

Tại Á Châu, nếu Thái-Lan là nước nhờ có may mắn về địa thế mà thoát khỏi vòng nô lệ, thì nước Nhật đã nhờ một đấng anh-quân sớm biết duy tân đất nước mà cũng thoát được cảnh tối tăm cho đám thực-dân Âu Châu. Nhưng nếu như Phật-giáo Thái-Lan vì vậy mà được bảo-tồn và hưng thịnh thì Phật-giáo Nhật-Bản lại bị chính nhà cầm quyền Nhật vào thời Minh-Trị tước đoạt mọi ảnh hưởng. Công cuộc duy-tân và phục-hưng quốc-gia trong thời Minh Trị đã do Thần-đạo đảm trách. Năm 1868, ngay sau cuộc phục-hưng, hoàng-triều đã đưa ra một đạo luật hủy bỏ sự liên-tôn hàng thế-kỷ giữa Thần đạo và Phật-giáo. Thần-đạo được nâng lên hàng quốc-giáo. Tượng Phật bị đưa ra khỏi hoàng cung ; các nhà sư bị cấm ngặt không được bước vào các nơi tế tự của phái Thần. Đạo ISB (1) trừ phi những vị này phải cởi bỏ tăng bào.

Khác với Tích-Lan và Miến - Điện, sự tước đoạt quyền lực chánh trị này đã

không tạo được tinh-thần cải cách nào trong hàng ngũ Phật-giáo Nhật-Bản. Trái lại nó còn củng cố thêm tinh-thần chính trị bảo-thủ truyền thống Sự bảo-thủ này làm cho Phật-giáo Nhật không đóng được vai trò nào trong các phong-trào xã-hội mới. Khác hẳn với Tích-Lan, Miến Điện, các tư tưởng xã-hội tại Nhật không do giới Phật giáo truyền bá mà do ảnh-hưởng ngoại lai : những người Mác-xít và các nhà truyền giáo Ky-tô-giáo.

Ngay cả đến phong trào vùng dậy của giới Lao động Nhật cũng vậy ; trong lúc các ý-thức-hệ ngoại lai tranh giành ngôi vị trong lãnh vực này, thì Phật-giáo Nhật Bản lúc đó lại khoanh tay đứng hãn ra ngoài vòng tranh chấp. Trong

(1) Phái Thần Đạo Ngoại Cung thành lập vào thời Kamakura (1192-1333) chủ trương tách rời khỏi phái Thần Đạo Nội-Cung chịu nhiều ảnh hưởng Phật-giáo (lời chú của người đọc sách).

năm 1926, khi Liên đoàn Ky-tô-giáo tại Nhật thảo một chương-trình đòi hỏi mức lương tối thiểu và các biện-pháp xã hội khác cho công nhân, thì Phật giáo Nhật lại chủ-trương "hòa-diệu xã hội" mà trên thực tế là chấp-nhận nguyên-trạng.

Chính cái thái-độ lạc-hậu của các nhà lãnh-đạo Phật giáo Nhật lúc đó đã là nguyên-nhân của nhiều vụ-ruồng bỏ đạo của-các thanh-niên trí-thức muốn chọn con đường phụng sự xã hội. Điển hình là trường hợp nhóm Agamazus và anh Takaru Seido, những người đã đóng một vai trò lớn lao trong phong trào xã-hội Nhật.

Nhưng các cá-nhân lãnh-đạo sai lầm không có nghĩa là đạo Phật sai lầm. Nhiều người ý thức được điều đó, nên sau nhiều cuộc phiêu-lưu trong ý-thức-hệ ngoại lai, rút cuộc họ đã trở về Điển hình là trường hợp Sano Manabu, một trong những lý-thuyết-gia rường cột của Đảng Cộng-sản Nhật. Năm 1922, Sano kêu gào các đồng chí hãy ruồng bỏ đạo Phật, xả thân vào cuộc đấu tranh vô sản. Năm 1933, Sano đoạn tuyệt với tư tưởng tả khuynh, và năm 1953 trước khi từ giã cõi đời, ông đã trở về với đạo Phật. Lúc đó ông cảnh cáo Phật-tử về hiểm họa Cộng Sản và thúc đẩy mọi người soạn thảo một chương trình xã-hội riêng biệt của Phật Giáo.

Những lời phê-bình chỉ-trích gắt gao có tính chất chống đối tôn-giáo cũng như chống đối Phật giáo của giới Mác xít Nhật trong khoảng những năm thuộc giai đoạn 1930 đã khiến giới trí-thức Phật giáo Nhật miệt mài nghiên-cứu chủ-nghĩa Mác - Lê. Chính vì vậy mà giới thanh-niên Phật-tử Nhật hết sức lưu tâm đến các vấn-đề xã hội. Liên đoàn Thanh Niên cải cách Phật giáo do Seo Giro thanh lập

và hướng dẫn, đã tham gia tích-cực vào các cuộc biểu tình phản-chiến cũng như các cuộc biểu tình tranh đấu của giới Lao-động. Chính quyền Nhật đã giải tán nhóm này vào năm 1937, khi bắt đầu tuyên-chiến với Trung Hoa. Nhìn vào các phong trào xã-hội tiền chiến ta thấy chỉ có một số ít Phật tử tham gia vì những động lực ngoài tôn giáo, còn thì đa số những chiến-sĩ xã-hội Phật tử thời đó là đều chịu ảnh-hưởng của lý-tưởng Phật đà.

Việc Nhật Bản chiếm đóng Miến, Điện vào thời Đế Nhị Thế Chiến đã tạo cơ hội tiếp-xúc trực tiếp giữa Nam Tông và Bắc Tông. Năm 1943, Hội Maha Sangha Atain tuyên bố rằng Miến và Nhật cùng hợp-tác trong cuộc thánh-chiến chống ách thực-dân Anh-Cát-Lợi. Các nhà sư Miến đã toan lỏi cuốn sự chú ý của giới Phật tử Nhật vào các chương-trình xã-hội và chính-trị sinh-động của họ. Nhưng lực lượng quân-phiệt-Nhật tại Miến đã hành-động hết sức thất nhân tâm, khiến ngay cho đến mối cảm thông sẵn có giữa giới Phật tử với nhau cũng không hàn gắn nổi. Sự liên-kết do đó thất bại.

Thần-đạo với tinh-thần quốc-gia cực-đoan đã lôi cuốn đất Nhật vào một cuộc phiêu lưu đầy máu lửa, mà hậu quả là một cuộc thất trận tủi nhục, đất nước điêu tàn. Phật-Giáo Nhật với chủ trương phản - chiến cũng như khuynh - hướng phụng-sự xã hội, nuôi dưỡng từ thời tiền chiến đã lao mình vào băng bó vết thương dân tộc và đã trở dậy như một nguồn sinh-lực mới của xã hội Nhật. Chính vì lớn mạnh trong một hoàn cảnh tủi nhục và tang tóc như vậy, mà Phật giáo phục-hưng Nhật đã mang nặng tinh chất xã-hội, và về phía cạnh chính-tự đã tự khoái cho mình cái sứ mạng phục hồi danh-dự cho xứ sở.

Thực vậy từ những năm sau cuộc thất trận, tông phái Phật giáo ở Nhật đã lưu tâm nhiều hơn tới các công-tác xã hội. Lý tưởng Phật-đà thường được diễn-tả dưới khía cạnh xã-hội. Tờ *Thanh Niên Đông phương* chẳng hạn, đã suy tôn Akira Noguchi, một sinh viên tại Y-khoa Đại-Học-đường Đông-Kinh, là Bồ tát của thời-đại mới. Sau khi chiến tranh chấm dứt, Akira Noguchi đã xả thân chăm sóc các trẻ mồ côi, nạn nhân chiến tranh. Anh đã đưa lũ trẻ đến một Cô Nhi Viên thuộc chùa Honguan tại Asakusa Không màng đến nguy hiểm bản thân, anh đã tận tụy chăm sóc các nạn nhân của bệnh dịch chấy rận, cho đến khi anh bị lây bệnh mà chết.

Giáo sư Shinko Sayaki của Đại Học Tohoku Đông-Kinh trong bản tham-luận về lý-tưởng Bồ tát đã kết luận rằng: «Giới thanh-niên Phật tử chúng ta hôm nay không phải chỉ thuộc kinh suông là đủ, không phải chỉ hiểu sâu biết rộng về triết-lý nhà Phật là đủ. Chúng ta phải nỗ lực, phải thiết tha thực-hiện cho được lý-tưởng của đấng Bồ tát. Bồ tát là gì, và ai là đấng Bồ tát chân chính? Bồ tát chẳng phải là ai khác, đó là anh và tôi, những thanh niên Phật tử Nhật Bản.»

Chiều hướng xã hội còn thể-hiện trong việc xây dựng trường Đại-học xã hội tại Nagoya. Hiệu trưởng là Shugaku Suzuki một nhà sư thuộc phái Nhật liên-tôn (Nichiren), một nhân vật tham gia hết sức tích cực các công tác xã hội từ năm 1927. Năm 1953 ông lập Hội Hộ-Onjigakuen, vì ý thức được sự nhu-yếu của việc đào tạo các công-nhân xã-hội có huấn luyện. Hội này là cha đẻ của trường xã-hội Chubu. Vào năm 1957 trường này đã phát triển mạnh, lo chuẩn-bị cho các công-nhân xã hội về các công-tác liên quan đến kỹ nghệ và các tổ chức tôn giáo khác nhau.

Các chi-phái Phật giáo truyền-thống ở Nhật thường chỉ lưu tâm đến các vấn đề đạo đức xã hội, như trợ giúp các tổ chức từ thiện — ấu trĩ viện, viện người mù, bệnh viện.. Nhưng các chi phái Nhật-liên mới bắt nguồn từ Nhật-liên-tôn của ngài Nhật-Liên Thánh-Nhân (Nichiren) thì lại lưu tâm đến chính-trị nhiều hơn (1)

Chi phái đầu tiên mà ta phải kể tới là SokaGakkai tức «Hội thiết lập giá trị», lấy kinh Pháp Hoa và thông-điệp của ngài Nhật-Liên Thánh Nhân làm căn bản lý thuyết. Toda, sáng lập viên của hội, đã nhấn mạnh rằng tất cả mọi người thuộc các quốc gia cũng như các tầng lớp xã hội đều có hồ-tương liên hệ. Vì vậy mà tất cả mọi người cùng có một nhiệm vụ phải hoàn thành trong xã hội : trở thành một đấng bồ tát để cứu vớt đồng bào, cứu vớt thế giới. Toda đã rút từ chủ nghĩa của ông ra một vài kết luận nhuộm màu sắc chính trị : «Nhật Bản đã thất trận, nhưng sẽ phải đoạt cho được chiến thắng tinh thần; nhiệm vụ của nước Nhật là chiến đấu cho hòa bình và hạnh phúc thế giới; và thắng lợi này chỉ có thể đoạt được bằng cách thực hiện «chân-lý Diệu-pháp Liên-Hoa Kinh» (2)

Hội Soka - Gakkai đã bành trướng thành một phong trào chính-trị vô cùng

(1) Ngài Nhật Liên Thánh Nhân đã lập tôn Nhật Liên (Pháp Hoa) trong thời Kamakura, lấy kinh Pháp Hoa làm giáo lý căn bản. Kinh này còn được gọi là Đại trực đạo vì thường chủ trương «tức thân thành Phật» nghĩa là ngay trong kiếp này ta có thể đạt đến quả-vị giác ngộ như Phật (lời chú của người đọc sách).

(2) Ngài Nhật Liên Thánh Nhân đã dạy : «Nếu chí tâm tụng niệm câu «Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh» thì tất cả pháp thân của Như-lai trong 3 đời đều tụ hợp vào trong thân ta. Vì thế những kẻ hành giả chuyên cần đọc câu danh hiệu ấy thì tức trong thân này có thể thành Phật». (Lời chú của người đọc sách)

quan-trọng. Năm 1940, tổ chức đầu tiên của họ, do Makiguchi lập, chỉ có 500 hội viên, tới năm 1960 con số này đã lên tới năm triệu. Mỗi hội viên có bốn phần phải chiêu mộ thêm các hội-viên khác, và tổ chức này mỗi tháng có thêm chừng 10.000 hội viên. Tháng Năm 1955, Soka Gakkai đoạt được tổng cộng 62.000 phiếu trong cuộc bầu cử địa-phương tại Tokyo, đoạt 32 ghế trong Hội-đồng đô-thành. Tháng Bảy năm 1956 hội này đoạt bốn ghế tại Thượng-Nghị-Viện. Năm 1959, cả sáu ứng-cử-viên của Hội này đều đắc cử vào Thượng-Nghị-Viện, tất cả đều trúng cử với một đa số lớn lao, mỗi người được hơn 400.000 phiếu. Tới nay (1) Soka-Gakkai đoạt được cả thảy 9 ghế tại Thượng-Nghị-Viện Nhật.

Viễn-ảnh một xã hội mới do ngài Nhật Liên vị sáng lập Nhật liên tôn, diễn tả là một xã hội mang màu sắc quốc-gia : một khu vực Phật giáo dưới quyền cai trị của Đất Mặt Trời Mọc, trên núi Minobu, nơi đó có thể trở thành trung tâm của một nền hòa-bình hạnh phúc mới bành trướng trên toàn thế-giới. Chi phái Soka-Gakkai đã sửa đổi viễn ảnh ấy lại cho am-hợp với điều kiện xã hội và chính trị của nước Nhật hiện đại, và phối hợp với các trào lưu triết học mới của Âu châu. Thành thử, lý tưởng tôn giáo của phái này đã là sự hòa hợp giữa giáo lý nhà Nhật và tân triết thuyết của Wilhelm Windelband và Heinrich Rickert.

Mỗi hội viên Soka Gakkai được coi như một nhà truyền giáo. Mục tiêu của Soka Gakkai là làm cho mỗi người Nhật trở thành một đệ tử của chân-lý, một môn đồ của đức Phật. Và dĩ nhiên ai cũng trở thành Phật được cả,

Ngài Nhật Liên đã chịu nhiều sự đàn áp đày đọa, Soka Gakkai đã thừa hưởng từ đấng sáng lập một mên thần-

học về đọa đày (theology of persecution): ai chịu cảnh đọa đày của một người truyền-giáo hết mức của Soka Gakkai làm phái này khác biệt hẳn với các trường phái Phật-giáo khác.

Một chi-phái Nhật-Liên nữa là phái ReiyōKai, trong năm 1960 phái này đã có ba triệu hội-viên hoạt động. Hội này được lập vào năm 1925 giữa cảnh sáo trộn sau vụ động đất kinh khủng ở Nhật Reiyō-Kai có nghĩa là «Hội bạn các vong linh» Vong linh ở đây chỉ vong linh của tổ tiên. Hội này lấy việc thờ phụng tổ tiên làm chủ yếu. Nhưng hội còn phối hợp cả với các hoạt động xã hội và tôn giáo. Nguyên tắc chính của hội này là : «Kính cần tuân-hành giáo lý của Pháp-Hoa Kinh ; thờ phụng tổ tiên ; sáng suốt hướng dẫn dư luận quần chúng và khai ngộ thế gian. »

Đặc điểm của Reiyō Kai là sự quảng đại bao dung đối với xã hội. Mỗi người phải coi kẻ đồng loại như một bậc Đại giác tương lai, và phải cư xử sao cho phải phép. Các hội viên phụ nữ cũng như thanh niên đều làm các công việc xã-hội không lương. Hội cố ý không cất bệnh-viện hoặc viện dưỡng lão cho hội viên. Họ bỏ tiền ra xây cất nhà cửa để rồi đem tặng cho các hội khác. Trong năm 1958, Bà Kotanikimi vị đồng sáng lập và là đương kim chủ tịch của Hội, đã biếu một building mới trị giá 200 triệu yen cho Trường xã-hội Đông-Kinh.

Chi phái thứ ba của Nhật liên-tôn là RisshōKōsei-Kai, cũng đã bành trướng mạnh trong vòng hai chục năm nay kể từ ngày thành lập, từ 30 người Hội này đã lên tới 2 triệu rưỡi hội-viên, mỗi tháng gia tăng chừng 10.000 hoạt động hội viên. Cá nhân được quan niệm

(1) Cuốn sách này viết xong năm 1963.

như một mắt xích trong một dây xích. Phong trào nhằm thực hiện một xã-hội công-bằng và huynh đệ. Tên Hội có nghĩa là Thăng-tiến, sự Thăng-thăng và mối Liên hệ lâm lý (láng giềng).

Ngược với Reiyō-Kai, Hội sau này nhấn mạnh vào việc thực-hiện nhân cách toàn diện. Hội này còn coi sự đạt thành trạng thái Bồ tát là mục-tiêu của sự phát-triển tôn giáo. Các hội viên được coi như những vị Bồ tát; « trạng thái Bồ tát » được dịch là « nhân cách toàn diện ».

Ngay từ hồi đầu năm 1950, Hội này đã dựng một ngôi trường lớn tại Tokyo, hàng ngày trong đó có hàng trăm nhóm hội họp để học tập và thảo luận. Hai năm sau Hội hoàn thành một bệnh viện tối tân, một tòa nhà hành chánh và một trung tâm huấn luyện. Năm kế tiếp, một thính đường lớn được mở rộng, một tờ tạp-san được phát hành mỗi kỳ 200.000 số. Đài phát thanh, phim trường, các gian nhà dùng để tổ chức lễ cưới, thư viện và phòng hội được lần lượt xây cất. Năm 1954 ba trường Tiểu học, Trung Học Độ I cấp và Trung Học Độ II cấp được xây cất; và tới năm 1957 một kiến trúc lớn gồm một thính phòng có thể chứa được 50.000 người.

Chừng 10.000 Phật tử đến hội họp mỗi ngày để học tập cũng như thảo luận các vấn đề tinh thần dưới sự bảo trợ của Hội. Điều đáng ngạc nhiên là Hội này đã được thành lập bởi một cô gái ốm yếu, xuất thân từ một gia đình hạ tiện, tình duyên trắc trở, làm thợ công xưởng.

Tinh thần căn bản của Hội được gói ghém trong lời lẽ sau đây của cô Nagamura Myoko: « Chừng nào một người còn bị cái ta vị-kỷ chi phối, chừng ấy

người đó còn chưa khá được. Chúng ta vì thế chẳng phải là nhân vật quan trọng gì, và tất cả vốn học hỏi của ta chẳng có nghĩa lý gì trước mắt Đức Phật. Tất cả chúng ta chẳng là cái gì hết. » Cô đã lấy sự khiêm tốn làm nền tảng cho chủ nghĩa của mình. Chỉ có những kẻ khiêm tốn mới giải thoát được họ khỏi cái vô vị-kỷ. Chính vì cái tinh thần bất vị-kỷ này mà Hội Risshō Kōsei-Kai đã tạo một ảnh hưởng lớn lao trong sinh hoạt xã hội và chính-trị của Nhật Bản hiện đại.

Như vậy các « tôn giáo mới » phát khởi từ những hình thức cổ-kính nhất của Phật giáo đã làm hồi-sinh nguồn động lực đạo đức xã hội Phật-giáo đã bị phai mờ trong bao thế kỷ.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN

Kỳ tới Phật-giáo với Cộng-Sản

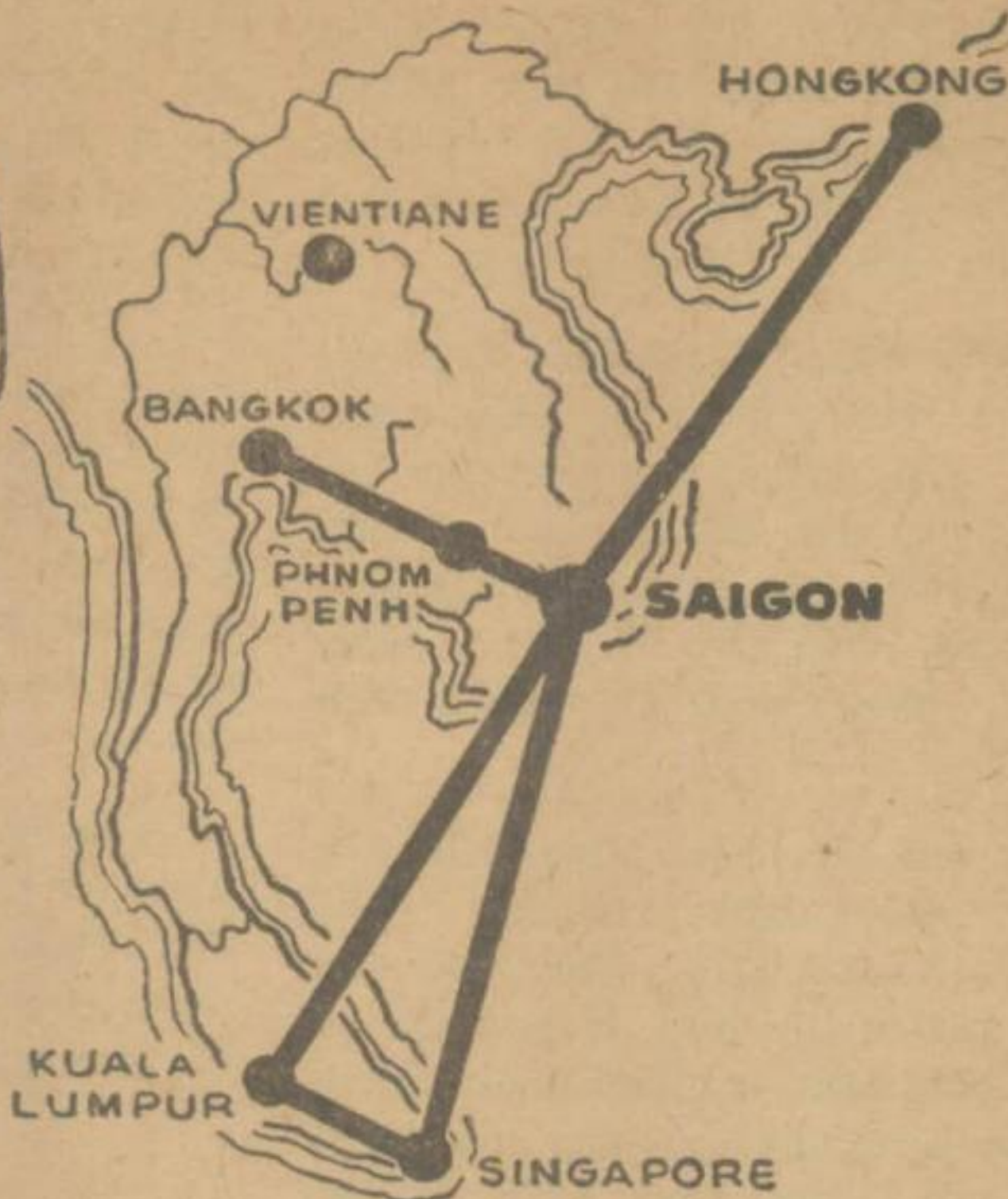
SÁCH MỚI

— **Nền tảng tranh chấp Nga-sô — Trung-cộng của Nguyễn-Thùy**, do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 382 trang, gồm 9 chương, có một chương về « vấn đề Việt nam » giá 100đ.

— **Tình đất tập truyện Bình-Nguyên-Lộc**, do Thời-Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 156 trang gồm 1 bài thơ và 10 truyện ngắn—Bản đặc biệt không đề giá.

— **Truyện tình nhỏ tập truyện của Trần Văn Sơn** do tác giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang gồm 9 truyện ngắn, giá 25đ.

**ĐÔNG-NAM
Á**



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng

Caravelle

PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI

của

ĐƯỜNG BAY

Hoasen



VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÉM-ÁI, MÁT-MẺ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỎI-TÂN, ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116, NGUYỄN-HUỆ, SAIGON. 21.624-625 Đ&Đ

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN (9)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Chị nghiêng đầu lắng nghe. Không gian đã trở lại bình thường, có tiếng lao xao trong khu vườn bên kia nhà: Yên rồi... Lên đi. Đốm lửa đỏ đầu thuốc loé lên soi rõ chiếc mũi bóng loáng mồ hôi của Ba, mùi khói ấm tỏa ra nồng nặc. «Lên thôi, anh! Hết súng rồi» Chị giơ đũa con vào hai cánh tay chồng lơ mờ trong miệng hầm, đũa bé mê ngủ quấy mạnh.

— Nhà có bị sao không mình?

Tiếng Ba từ một góc tối vắng lại:

— Không có sao hết.

— Sao tối nay mấy ông đánh nhau sớm như vậy há? Trăng mới lên mà.

Ba không trả lời, có tiếng ly va chạm vào nhau và tiếng nước chảy ở bàn, trăng đã bắt đầu làm rõ các cây cối ngoài vườn. Chị khẽ đẩy đũa bé vào phía trong, ngồi dựa vách nhìn ra ngoài khe cửa. Có tiếng heo ỉn ỉn tại gần, chị ghé sát khe nhìn ra, gọi khẽ:

— Hai con heo hồng chịu vô chuồng ngủ!

— Biết sao. Ra bây giờ dám đụng mấy ông bắt tử...

Một bàn tay cứng ngắc lẫn mùi thuốc quàng quanh người, kéo chị ngã xuống ván, rồi một sức nặng nóng cứng thoảng hơi rượu phà vào mặt. Chị hoàn toàn buông thả, hài lòng nhưng vẫn thì thào:

— Thôi đi. Đợi chút đi, giờ này dám mấy ảnh tới gõ cửa bắt đi đắp mô.

— Mô nè!

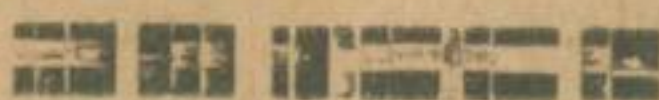
Bàn tay Ba làm một bên ngực chị đau tê dại.

— Nhẹ chút, thằng nhỏ dậy bây giờ!

.... Tiếng Ba còn thở mạnh, chị ngồi dậy khua tay tìm quần. Ba co chân đặt lên chặn lại. Chị cười khẽ:

— Nhậu say, ham dữ hôn!

Cánh tay lại vòng quanh lưng kéo xuống, chị ngã người theo chiều kéo, mở rộng thân thể chiều đón. Đột nhiên chị nghiêng người, hai tay vút vai Ba bất động, lắng nghe tiếng loa vắng vắng qua vách.

— Thôi xuống đi mình. Máy ảnh về rồi đó. 
Ba úp chụp xuống giữ nguyên chị ở vị trí cũ:

— Máy ảnh về cứ về. Tui cứ lo việc của tui!

— Dữ hôn. Một lần rồi chứ nào phải... Nhậu lắm vô rồi lộn xộn hoài với tui!

Ba thở mạnh nín thình, nhưng chị không còn hứng thú. Tiếng loa đã nghe rõ hơn giữa tiếng chó sủa, nhắc máy ảnh đã về đến nhà bà Sáu. Chị dướn người chiều ý chồng, tiếng loa cắt đứt từng tiếng lọt qua vách làm thân thể trở cứng, và khi Ba run rẩy hối hả rồi ngã người lặn sang bên cạnh, chị vội vã ngồi dậy nhìn qua khe. Ba bóng đen đang băng qua vườn, tiến vào sâu. Chị quờ tay lay chồng:

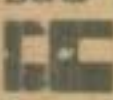
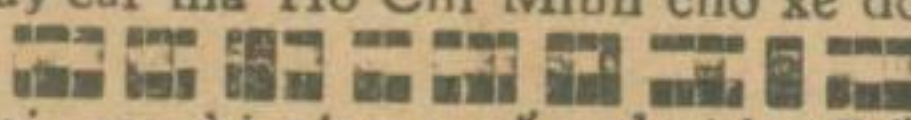
— Máy ảnh iới kia!

Ba ngồi dậy, bước xuống đất lom khom mặc quần. Tiếng gõ cửa nhẹ, một giọng nói như cổ làm ra vui vẻ và thân mật:

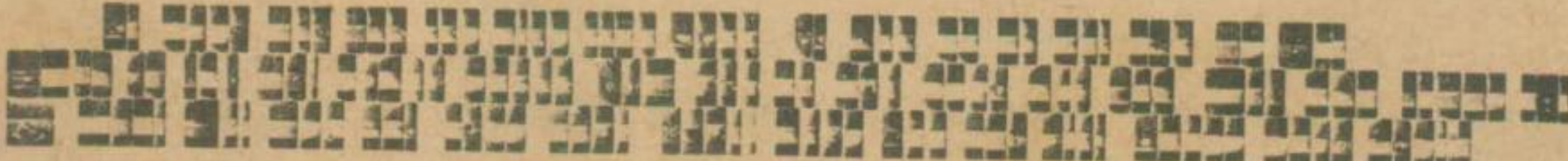
— Mở cửa cô bác! Chưa 9 giờ đã đi ngủ dữ đa...

Tiếng then va lạch cách, ánh trắng vụt hiện một khung vuông trên nền nhà. Chị nhìn qua vai chồng, cố nhận diện ba hình đen thẫm đứng xoay lưng lại ánh trắng, một tiếng ho nhẹ gần như quen thuộc. Giọng nói cũ tiếp tục:

— Phiền anh chị ra mần mấy cái mô... 


Một tiếng cười nhỏ chấm dứt câu nói, tro troi lạc lõng — Ba nín thình đứng im, chị nín thình nghĩ tới nỗi mệt mỏi từng nhát cước bồ xuống đất cứng ê dại cánh tay trong bóng đêm, mồ hôi chảy ra ướt đầm vai lẫn sương đêm và sáng hôm sau từng toán quân vào xã 
 «Phiền cô bác ra phá dùm mấy cái mả Hồ Chí Minh cho xe đồ lưu thông, đồng bào buôn bán làm ăn chút chứ...  Cứ như thế bao lần rồi, chị mỗi một nhắm mắt lại, người như muốn rã rời. Tiếng chân Ba bước nhanh lại góc nhà, ánh trắng mất vật cản ủa vào mặt và vẫn một tiếng ho quen thuộc ấy làm chị mở bừng mắt cố nhận rõ mặt người đàn ông từ lúc đầu vẫn đứng im dưới bức thềm, bất động. Ba lại gần cửa, tiếng thuồng va vào cột vang động chúng như một nỗi bức tức không dám thò lộ. Chị nói:

— Thôi mấy anh cho tui ở nhà bữa nay. Tui đang đau, cả đứa nhỏ nữa.



Tiếng nói từ bóng đen đứng ngoài thềm cất lên, thật quen thuộc làm chị sững sờ:

— Thôi, để chị ở nhà bữa nay. Đứa nhỏ đau mà.

Xúc động đột ngột dâng lên làm chị nghẹn ngào, bàng hoàng. Đúng Hải, đúng

Hải rồi, Hải chưa chết và đêm nay trở về đứng ngoài thềm trong ánh trăng với những tiếng ho dè dặt. Chị hơi dướn người về phía trước như để nhìn rõ hơn khuôn mặt chìm trong bóng tối, tiếng loa gọi theo chiều gió lan tới, những người đàn ông im lìm khoảng khắc như ngủ thiếp. Không ai nói gì thêm và chị đứng đó người cứng rã, thân thể Ba bệnh cạnh chị còn như một cái cột một vách tường, những bóng đen ngoài hiên như cây cỏ trong vườn. Ba thở dài thật khẽ bước qua bậc cửa, lẫn vào những bóng đen, lưới thường loang loáng hắt ánh trăng. Chị mơ hồ thấy đất lạnh thấm vào gót chân, cơ thể thôi dướn căng về trước, Hải đã trở thành bóng đen mờ mịt tan lẫn vào khu vườn khoảng hiên trắng dưới ánh trăng yên tĩnh. Chị bước ra ngoài ngồi xuống bậc thềm, hơi đất thấm vào mông vào đùi, ánh sáng trăng tứ bề, trên tóc, trên bàn tay, trên nỗi xao xuyến mong ước và tuyệt vọng. Hải đó, chưa chết và trở về như một bóng đen trên thềm đất như một lời cuốn tàn bạo làm người chị rũ rội như khi tiếng súng uy quyền bắt chị lết xuống căn hầm nồng mùi đất ẩm, mùi thuốc lá của chồng. Hải đã trở lại, Hải của buổi trưa ven sông lao vào Tía chửi rửa dấm đá túi bụi và chị đứng sững sợ hãi, muốn can hai kẻ, muốn chạy, muốn kêu. Hải của đồn bốc cháy ngùn ngụt, Hải chạy băng qua ruộng mía, sờ soạng vội vã và lục lạo, co quắp sức mạnh trên thân thể chị trên lớp lá cây xào xạc trong bóng đêm. Tiếng loa, tiếng ồn ồn rầm rì từ phía trụ sở hội đồng xã vẳng lại, chị ngồi im trên thềm, ánh trăng rải đầy trên sân, trên lá cây, lắng nghe tim đập khắc khoải. Chị ngồi im trên thềm, chờ đợi. Chờ đợi Hải sẽ trở lại, chị biết thế, hẳn sẽ phải trở lại để sờ soạng, co quắp sức mạnh trên thân thể chịu đựng chiều đón. Không thể tuyệt vọng hơn được, mọi sự sẽ phải đến như thế. Tiếng loa, tiếng ồn ào rầm rì, tiếng chân người lan đồn về quốc lộ. Da thịt khe khẽ ướt át nhờn nhờn, mông bắt đầu ê ẩm, chị muốn đứng dậy ra vại nước tắm, chị muốn đổi thế ngồi, ánh trăng làm lo âu tăng cao dần, chị muốn lùi vào nhà, ẩn dưới mái hiên, trong bóng đêm. Nhưng cơ thể vẫn bất động, ánh trăng trên đất trên lá cây, tràn đầy trên tóc trên tay, trên nỗi chờ đợi đến tuyệt vọng một bóng đen sẽ từ bụi rậm, bờ cây xuất hiện như một sức mạnh co quắp phải đón nhận trên thân thể đang tê bại, rũ rội, nhơn nhơn.

oOo

Một bóng đen bật diêm châm thuốc, ánh nắng bùng ra soi sáng khoảng khắc nồng súng dài lớn ngóc lên cao. Yên lại gần, một tiếng nói từ dưới hố sau một tiếng ho khan :

— Hết bảo động chưa thiếu úy ?

— Anh em có thể lên được rồi. Ông Mạnh cho thêm 300 nữa, kiểm soát lại bọ nước cho kỹ...

Chiếc đèn bấm mở trong tiếng tách ngán. Định thoáng nhận ra khuôn mặt viên thượng-sĩ già áp sát bộ máy ngấm và đôi giầy cao cổ đi vội chưa cột giây của Yên trên thành hố.

— Xong rồi thiếu úy. Sẵn sàng bắn.

Vùng ánh sáng vụt tắt, hố súng cối trở thành một khoảng trống đen. Viên thượng sĩ vươn vai một cái, hỏi Yên :

— Đêm nay chắc chuẩn úy Vũ đi kích hướng đó ?

— Đúng ông.

Yên đặt tay lên vai Định kéo lại sát vách đồn, chỉ ra đồng trống và cây cầu đúc lò mờ trắng dưới ánh trăng :

— Anh chàng Vũ chắc đêm nay đóng xa lắm. Mỗi khi đi kích bị lộ như vừa rồi, hẳn hay kéo quân đi xa lắc để lừa địch.

Định hỏi :

— Tôi tưởng đó là một chiến thuật hay chứ ?

— Hay là cái chắc. Trung đội hẳn đụng địch nhiều nhất nhưng thiệt hại ít nhất từ hồi tiểu đoàn về đây giữ khúc đường máu lửa này.

Một bóng người lại gần Yên :

— Có công điện hỏa tốc của tiểu khu, thiếu úy !

Định theo Yên rời vũng trũng đen chập chờn những đốm lửa đỏ đầu thuốc. Ánh đèn măng-xông sáng xanh chói mắt. Một binh sĩ cởi trần đứng trên ghế đầu đang cố gắng giữ chiếc đèn khỏi trao đi trong khi bơm. Định dừng lại, quay ra sân ngồi chỗ cũ, đưa mắt kiến ly rượu. Chàng đưa lên miệng uống, đá tan hết làm loãng rượu, nhạt nhẽo. Tiểu đoàn phó cầm chai giơ lên, viên cổ vẩn lắt đầu, tiểu đoàn trưởng im lặng đặt tay úp lên ly. Định dướn người đưa ly tới, ánh sáng xanh từ phía trong rọi ra làm rượu như có màu nước lã, chàng hỏi :

Không biết còn đá không nhỉ ?

Vận đầy chiếc ly ra mép bàn :

— Hết rồi. Anh lấy đá của tôi cũng được...

Định uống một ngụm lớn. Người lính trong nhà bơm xoay đèn, cúi xuống bê cái ghế đặt trả sát bàn. Định ngửa đầu ra phía sau lắng nghe hơi rượu bốc nóng trong cơ thể, vẫn vờ tự hỏi hình ảnh vừa ghi nhận có nguồn gốc quen thuộc từ thời nào. Có tiếng đá va thành ly khẽ và thanh cùng một tiếng ho, chàng đã tìm ra và nhớ lại hình ảnh người thanh niên con chủ quán ven bãi cát Nước Ngọt nơi Nha Cao đẳng Quân sự lập trại thực tập cho sinh viên. Cũng thứ ánh sáng xanh và tiếng bơm dầu ngắt và khô khan. Người đàn bà thường gánh những chai nước ngọt ướp đá theo các đại đội ra bãi tập đang ngồi ở bàn gần quầy cười đùa gần các sinh viên áo trận bỏ ngoài quần. Chàng chăm chú nhìn bộ ngực căng dưới lớp vải mỏng, ngó cặp mắt long lanh ướt của người đàn bà đang cười với những lời bông đùa đã bắt đầu tục tĩu của những thanh niên ngồi quanh. Một bàn chân đàn ông rời chiếc dép khe khẽ di chuyển dưới gầm bàn làm

chàng chú ý theo rồi, bàn chân đã đến sát ghế người đàn bà, cọ vào bắp chân trắng, thiếu phụ vẫn cười cầm một nhánh tỏi khô ném đưa về phía chủ quán. Bàn chân đưa dần lên phía trên, hai ngón mở rộng, chàng chột nín thở, các ngón vụt quặp vào đùi, thiếu phụ la lên một tiếng ngắn, cầm nắm lá vỏ nem ném vào kẻ ngồi đối diện. Tiếng cười ra ồn ào, chàng cúi xuống nhìn ly cà-phê với một nửa nguội lạnh. Cổ trấn áp sự thèm muốn giao hợp đang biểu lộ mãnh liệt từ khi chàng đoán biết thiếu phụ đang cười nói phía bên kia đang ở trong cùng tình trạng : đôi mắt ướt nước dưới ánh đèn, tiếng cười, phản ứng trước những câu bôm xôm nửa kín nửa hở của những gã con trai đã xa nơi có đàn bà hơn mười hôm. Còn chàng, nổi thèm muốn đã khởi đầu và day dứt từ khi ngắm thiếu nữ con chỉ huy trưởng trại từ dưới nước chạy lên, vải áo tắm quá mỏng, nước chảy dọc ngực xuống giữa hai chân, giò từng vết nâu cách nhau không đều khi nàng đi qua gần nơi chàng nằm dài phơi nắng. Tiếng đồ bồng nghe rõ hơn sau quán lẫn tiếng ầm ì đều đều của máy phát điện trong trại bên kia lộ, đám sinh viên gọi chủ quán tính tiền đề có thể thu xếp đi ngủ trước giờ tắt điện. Thiếu phụ đứng dậy vươn vai ngáp không lấy tay che miệng khẽ cười khi thấy chàng nhìn. Khi người đàn bà ra khỏi quán đi về phía sau, chàng đặt vội ba đồng xuống bàn cạnh ly, đứng dậy đi theo, không toan tính không dự mưu một cử chỉ tự nhiên của một vật được đang thềm cái. Bóng đen tiến xuống một vũng sâu dưới chân đung cát, ngồi thụp xuống trong tư thế bài tiết.

Chàng đón đến gần và phá lên cười khi nghe tiếng nước va mạnh trên cát khô. Không một lời trao đổi, người đàn bà theo chàng lên sườn đụn cát, im lặng ưng thuận nằm xuống sườn dốc thoải thoải sau một bụi cây cần cỗi. Khi chàng nằm lên thân thể nóng ẩm, một sinh viên chơi một bản tình ca Tây Phương trên đụn cát, tiếng phong cầm lẫn tiếng ca phụ họa không đều của những sinh viên thức khuya vang xuống phía dưới làm chàng ngưng cử động lắng nghe và chột nhớ ra rằng buổi sáng gác phiên chót, chàng đã ngồi nhìn ra bãi biển giấy kê trên gạch viết thư cho người yêu : *... gió rừng buổi sớm từ núi làm anh cảm thấy lạnh, ngừng đầu lên thấy trời còn sao anh yêu em vô cùng ..*

Chàng ngừng đầu theo chiếc ăng-ten siêu tần nhìn vào bầu trời trước khi cầm ly rượu lên uống một ngụm dài : trời ít sao và trắng quá sáng, Chàng cố gắng nhớ lại người yêu ở thời kỳ ấy nhưng không tìm ra, chàng chỉ hồi tưởng được, khi đã thỏa mãn nằm lẫn sang bên cạnh người đàn bà trên sườn dốc thoải thoải, tiếng phong cầm nhỏ dần về phía trại và trên đỉnh đụn cát có một kẻ nào đó, nước va xối xả nghe rõ trong nền âm thanh ầm ì của sóng đồ vào bờ cát.

(Còn tiếp)

THẾ UYÊN

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO

CÁNH TAY NỔI DÀI

DỌC ĐƯỜNG

ĐỐT BIÊN GIỚI

ĐIỆP KHÚC TÌNH YÊU VÀ TRÁI PHÁ

tập truyện của Doãn Quốc Sỹ

tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

thơ của Kiệt Tấn



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



Thí-nghiệm tình-dục



Bác sĩ William H. Masters và
bà Virginia E. Johnson

Một cuốn sách xuất bản vào trung tuần tháng 4-66 tại Mỹ đang là đề tài tranh luận sôi nổi cho khắp các giới, từ giới thường dân cho tới những nhà khoa học. Hai tháng sau khi xuất bản cuốn sách khảo cứu khoa học, với những danh từ chuyên môn khó hiểu, với những lối hành văn kiêu cách và những bản thống kê khô khan kèm theo những hình ảnh táo bạo, đã nhảy vọt vào trong số những loại sách bán chạy nhất ngang hàng với các tác phẩm được nhiều người nói tới như *In cold Blood* của Truman Capote và *Papa Hemingway* của A.E. Hotchner. Đó là cuốn *Human*

Sexual Response (1) (phản ứng tình dục của con người) do bác sĩ chuyên về sản khoa và bệnh phụ nữ William H. Masters và bà Virginia E. Johnson, tâm-lý gia, soạn thảo.

Từ phòng ngủ đến phòng thí nghiệm

Đề tài thiên khảo cứu của hai nhà khoa học này là một đề tài cổ như lịch sử nhân loại, đã được bàn đến rất nhiều, thực hành rất nhiều, nhưng lại được nghiên cứu rất ít và hiểu biết rất ít. Trước đây, vào năm 1948, một thiên khảo cứu về cuộc sống tình dục của con người đã được hoàn tất bởi bác sĩ Alfred C. Kinsey. Kinsey và các cộng sự viên đã phỏng vấn hàng trăm ngàn người đàn ông và đàn bà Mỹ về cuộc sống tình dục thầm kín của họ và đưa ra ánh sáng những chi tiết táo bạo về hoạt động sinh lý của con người. Từ đó đến nay bản điều trình của Kinsey là tác phẩm khoa học độc nhất về tình dục.

Bác sĩ Masters và bà Johnson còn muốn đi xa hơn nữa. Hai người không muốn chỉ nghe người ta nói về đời sống tình dục như thế nào mà còn muốn xem cơ thể chịu những thay đổi tâm lý cũng như sinh lý nào khi hoạt động tình dục. Do đó Masters và Johnson đã kiếm cách đưa các hoạt động tình dục từ phòng ngủ vào phòng thí nghiệm !

(1) Dầy 366 trang, do nhà xuất bản Little Brown and Coi phát hành, giá US\$10.

Với sự bảo trợ của trường Đại - học Y khoa Washington họ thiết lập phòng thí nghiệm Reproductive Biology Research Foundation of St. Louis (Cơ-quan Nghiên-cứu về khoa sinh-sản, sinh-vật tại St. Louis). Phòng thí nghiệm được trang bị tối tân từ những máy điện-tâm-kế (électrocar diographe) máy điện-não-kế (électro encéphalographie), các dụng cụ thí nghiệm sinh-hóa - học, máy chụp hình và quay phim cho đến những dụng cụ khác thường như dương vật bằng nhựa plastic có gắn đèn và máy chụp hình và cả dụng cụ không có gì khác thường là cái giường !

Phản ứng mạnh

Trong phòng thí nghiệm này, suốt trong 11 năm trời, hai bác sĩ đã quan sát, thí nghiệm, quay phim chụp hình tất cả 10.000 trạng thái ngây ngất cực độ của 694 người thí nghiệm (382 đàn bà 312 đàn ông). Những trạng thái này đã được tạo ra hoặc bằng giao hợp tự nhiên hoặc bằng phương pháp kích thích nhân tạo.

Những điều trình bày trong thiên khảo cứu về kết quả của các cuộc thí-nghiệm đã gây ra một luồng phản nộ trong các giới lãnh đạo tinh thần tại Mỹ. Người ta đã kết tội quyền sách là dâm thư trá hình thành thiên khảo cứu khoa học. Sở dĩ cuốn sách bán chạy vì nó là kết tinh của khuynh hướng đồi bại tôn thờ tình dục của xã hội Mỹ đang xuống dốc. Có người lãng mạn hơn chê trách hai bác sĩ đã làm một việc «phạm thánh» là đem cuộc sống tình dục thiêng liêng, tế nhị ra rêu rao giữa chỗ công chúng như một món hàng lạc xoong. Ngay cả đến những con người cấp tiến nhất, độc giả trung thành của các tác phẩm như Tropic of cancer của Henry Miller, Lady Chatterley's Lover của D.H. Lawrence cũng phải dè dặt không dám bày tỏ lập trường ủng hộ triệt để phương pháp làm

việc của hai người. Người ta tự hỏi những người tự nguyện tham gia thí nghiệm là những hạng người nào. Họ làm việc cho khoa học hay chỉ là những kẻ phở dâm đến độ trơ trẽn ? Với các cuộc khảo cứu quá trớn như vậy, khoa học có lẽ đã đi quá xa rồi chẳng ? Giá-trị khoa học của cuộc khảo cứu đó như thế nào ? Có người lại nghi ngờ luôn cả đời sống đạo đức của cá nhân hai nhà khảo cứu. Họ có phải là hai nhà khoa học thuần túy không ? Hay chỉ là hai kẻ cuồng dâm nấp dưới danh nghĩa khoa học để thỏa mãn thú-tính bệnh-hoạn của họ. Người có óc hài hước lại cho rằng hai người đã cố ý đùa dai, khai thác thị-hiếu cố-hữu của con người để hốt bạc.

Khoa học tả chân.

Điều làm cho người đọc kinh ngạc, đổ mắt, ghê tởm hoặc thích thú (tùy theo quan niệm đạo đức của mỗi người) là những đoạn mô tả táo bạo và tỉ mỉ về các hiện tượng sinh lý và tâm lý trong khi giao hợp. Bác sĩ Masters và bà Johnson đã tìm ra rằng hoạt động giao hợp của con người có bốn thời kỳ : thời kỳ kích thích, thời kỳ cao độ, thời kỳ ngây ngất cùng cực và thời kỳ thanh thoát.

Với phái nữ, những thời kỳ đó diễn tiến như sau :

Trong thời kỳ kích thích, các thớ thịt ngực co lại khiến cho nhũ hoa trở nên cứng. Hiện tượng này xảy ra ở cả hai bên ngực nhưng không hẳn là vào cùng một lúc. Sau đó các mạch máu trên da ngực hiện lên rõ rệt. Máu dồn vào ngực khiến cho ngực lớn hơn. Các vành tiểu âm (labia minora) ở phía trong âm-hộ biến thành màu hồng tươi cùng với sự xuất hiện của một dung dịch nhờn. Vào cuối thời kỳ kích thích, vành nân bao quanh nhũ hoa căng lên và thề tích ngực tăng từ 20 đến 25 phần trăm.

Sang thời kỳ cao độ, da ngực mẩn đỏ lên như người bị lên sởi. Có khi mẩn

đỏ lan xuống cả bụng, vai và khuỷu tay. Cùng với trạng thái căng thẳng gia tăng, vành tiểu-âm lớn gấp đôi lúc bình thường và chuyển sang màu đỏ thẫm (những người đã sinh nở thì có màu đỏ tím). Phản ứng tình dục càng mạnh bao nhiêu thì màu lại càng đỏ thẫm bấy nhiêu. Hiện tượng này cùng với sự căng nở của phần ngoài âm đạo dẫn tới cao điểm ngây ngất cùng cực.

Trong giai đoạn này phản ứng và cảm giác của phái nữ thường mãnh liệt hơn phái nam và được biểu hiện bằng những sự co rút của toàn thể cơ cấu xương chậu (pelvis). Sự co rút xảy ra từng chu kỳ lâu một giây và kéo dài từ ba cho tới mười hai giây trong khi đó cơ thể quần quai vật vờ. Nhịp tim đập từ mức bình thường là từ 60 đến 70 nhịp vọt lên đến 100 — 180 nhịp trong một phút (ngang với nhịp tim của các phi hành gia Gemini khi bước ra ngoài không gian và khi trở về trái đất).

Sau khi trải qua giai đoạn ngây ngất cùng cực người đàn bà ngủ thiếp đi trong vòng hai phút. Những vết mẩn đỏ biến dần, mạch máu ở vùng xương chậu và ở ngực lặn xuống, máu lại lưu thông điều hòa và âm đạo lại trở lại trạng thái bình thường khiến cho tình trùng có thể dễ dàng gặp trứng để thụ thai.

Ngoài những khám phá mới ra, thiên khảo cứu cũng giúp tìm hiểu thêm về những bí ẩn chưa tìm hiểu hết, một trong những hiện tượng sinh lý chưa giải thích nổi là nguồn gốc của chất nhờn trong âm đạo. Từ trước đến nay có người đã cho là chất nhờn đó phát sinh từ cổ tử-cung hoặc do các tuyến Bartholin ở hai bên thành âm đạo tiết ra. Bác sĩ Masters thấy rằng cổ tử-cung không tiết ra chất nhờn nào cả. Còn

tuyến Bartholin tiết ra rất ít mà chính các thành âm đạo đã tiết ra phần lớn các chất nhờn. Bác sĩ đang tiếp tục nghiên cứu để xem thành âm đạo hoạt động ra sao để phát sinh chất nhờn.

Âm đạo của một số người lại tiết ra chất nhờn có tính cách khử tinh trùng rất mạnh, có thể giết chết tinh trùng trong vòng mười giây. Những người như vậy không bao giờ thụ thai được. Hiện nay vẫn chưa biết được cấu tạo hóa học của các chất nhờn này ra sao. Bác sĩ Masters cho rằng nghiên cứu về chất này có thể có ích lợi về phương diện ngừa thụ thai cũng như khuyến khích thụ thai.

Đánh đồ thành-kiến cũ.

Vài thành kiến sai lầm về tình dục cũng bị phá vỡ. Theo bác sĩ Masters và bà Johnson, không có một sự liên hệ mật thiết nào giữa kích thước của bộ phận sinh dục và khả năng hoạt động tình dục cả. Người ta lại vẫn thường cho rằng người già mất hết khả năng tình dục. Masters và Johnson cho điều đó không đúng. Thí nghiệm với các cụ già, có người đến 89 tuổi, hai nhà khảo cứu thấy rằng dù đã quá bát tuần các cụ vẫn còn có thể sống như người chưa quá 35 mùa xuân!

Vài sách hôn-nhân bảo giám lại nhấn mạnh sự cần cần thiết phải kích thích một phần nhạy cảm gọi là âm-hạch (clitoris) trong bộ phận sinh dục của phái nữ để cho sự giao hợp được thành công. Nhưng bác sĩ Masters cho rằng làm như vậy có thể gây ra nhiều khó khăn vì trong giai đoạn kích thích, âm hạch lặn vào phía trong, khó thấy. Masters nhận thấy chỉ cần kích thích những vùng chung quanh vùng nhạy cảm cũng đủ để âm hạch được kích thích rồi.

Lợi-ích khoa-học.

Việc làm của hai người có thể bị coi là dâm ô tục tĩu, cuốn sách của hai người có thể bị coi là dâm thư, và chính hai người có thể bị coi là hai kẻ cuồng dâm, nhưng có một điều không chối cãi được là những khám phá của bác sĩ Masters và Johnson đã vén bức màn bí mật bao quanh một trong vài hoạt động quan trọng chi phối cuộc sống tâm lý cũng như sinh lý của con người. Những điều tìm thấy đã được áp dụng để giúp các cặp vợ chồng hiếm hoi, hoặc gặp phải khó khăn trong cuộc sống chăn gối và đã có những kết quả mỹ mãn. Bác sĩ Masters cho rằng 75% các vụ ly dị ở Mỹ bắt nguồn từ sự thiếu sót tình dục. Sự thiếu sót này có thể tránh được một khi y học đã hiểu rõ ràng về cơ năng tình dục của con người. Sau khi sách xuất bản một hãng truyền thanh ở Mỹ đã nhờ hai người phụ trách chương-trình giải đáp thắc mắc trên đài phát-thanh. Chương trình này đã được nhiều người hưởng ứng. Những bức thư trình bày các khó khăn và thắc mắc về tình dục cũng được tới tấp gửi đến hai người. Điều đó chứng tỏ công cuộc khảo cứu của họ đã bước vào một lãnh vực trong đó nhiều người đang gặp khó khăn mà không ai dám nói lên hoặc có đủ thâm quyền để nói.

Trước những lời chỉ trích về hành động "phản đạo đức" của mình, bác sĩ Masters đã trả lời và biện hộ cho cuốn sách của ông như sau: "...Khoa học tự nó không có chiều hướng đạo đức, nhưng khoa học luôn luôn hướng về sự thật. Trên căn bản sự thật, đạo đức có thể được xây dựng. Từ trước đến nay, ta chưa hề có một kiến thức đầy đủ về tình dục. Chính vì vậy mà các bậc làm cha mẹ đã gặp nhiều

khó khăn trong việc giáo dục con cái về tình dục. Họ không biết nói gì, nói như thế nào, và lúc nào nên nói lúc nào không nên nói. Công việc của chúng tôi làm không có mục đích nào khác ngoài việc giữ một vai trò xúc-tác giúp ta có thể nói trắng ra những điều cần nói. Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên thấy công chúng sẵn sàng đón nhận tác phẩm của chúng tôi. Tôi cho rằng chúng tôi đã định lại giới hạn của một vùng cấm địa. Từ nay trở đi tôi chắc nói về tình dục sẽ không còn là một điều cấm kỵ nữa.»

NGOC-VÂN

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được

Đốt biên giới truyền dài của Doãn-quốc-Sĩ do Sáng Tạo xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 140 trang, bản quý không đề giá.

— **Chân dung Nhất-Linh, tập hồi-ký của 7 nhà văn, do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 150 trang phác họa những nét của một người bạn, người anh, người cha, bác, chú và người dẫu đường cho thế-hệ đi sau. Giá 20\$**

— **Hoàng tử bé nguyên tác "Le petit Prince" của A. de St. Exupéry, bản dịch Việt-ngữ của Bùi-Giang, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách in và trình bày rất mỹ thật gồm nhiều hình ảnh, dày 96 trang, bản đặc biệt không đề giá.**

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm - Nghi — SAIGON
Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LẼM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT.

1, Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

đôi
giây
đỉnh

Ly cà phê từ buổi tối hình như chạy lan trong cơ thể, thấm sâu vào từng tế bào thần kinh. Văn cứ ở trong trạng thái lơ mơ từ lúc đặt mình xuống giường. Anh tắt đèn, bóng tối mênh mông tràn trong căn phòng. Văn nghĩ có lẽ anh chưa ngủ được. Tiếng gió vù vù thổi bên ngoài như những ngày mùa đông ở ngoài Bắc. Đêm yên tĩnh : Màu trắng của màn dần dần rõ trước mắt, Văn bắt đầu quen bóng tối. Văn nhắm mắt lại và anh lơ mơ theo tiếng gió ở bên ngoài. Một lúc tiếng gió mất đi. Văn cảm thấy mình hãy còn thức. Ý nghĩ chạy lan man trong đầu. Sáng mai ra phố gặp Phương. Sáng mai... Ý nghĩ lập đi lập lại. Ý nghĩ tắt và Văn giật mình dậy. Có tiếng động nặng nề của một vật gì rơi ở ngoài sân, vẫn tiếng gió thổi vù vù. Có lẽ anh đã chớp mắt, nhưng không biết được bao lâu. Rồi Văn lại lơ mơ với tiếng gió đều đều buồn bã đó. Văn vẫn cảm thấy còn thức. Nhưng anh thấy anh đứng trước mắt Phương. Phương làm một cử chỉ nào đó, Văn không nhớ rõ, tâm hồn anh tê tái. Đồng thời trong óc anh, anh biết mình đang mơ. Văn lại giật mình dậy. Tim anh đập mạnh, dồn dập tới độ làm Văn tức thở. Anh hít mạnh không khí của đêm, Một tiếng động mạnh thứ hai. Lần này Văn đã rõ tiếng động làm anh thoát khỏi cơn chập chờn là tiếng cửa đập. Tiếng gió bây giờ rít mạnh làm cửa đập liên hồi. Tiếng cửa im, Văn lại chập chờn.

Cứ thế Văn ngủ, rồi thức liên miên, Anh nhắm mắt lại và Phương hiện ra. Mỗi lần ở một chỗ khác nhau. Phương ở bến xe, Phương ở cửa hàng của nàng, Phương ở trong đám cưới, Phương ở nơi nữ sinh viên nội trú. Phương ở công trường H.B, Có lần có nhiều người quen thuộc khác nhưng Văn chỉ nhớ có Phương. Cái hình ảnh đó không ăn nhập với nhau, lộn xộn. Nhưng ý nghĩ và câu chuyện đối thoại giữa Văn và nàng liên tục. Các tiếng động của đêm ngăn cách hình ảnh của Phương ra từng khoảng khác nhau : tiếng đập cửa, tiếng chó tru lên trong đêm vắng, tiếng chuột chạy.

Văn cứ ở trong trạng thái như vậy, cho tới lúc anh thức giấc lần chót. Chiếc áo len và chiếc chăn bông làm thân thể Văn hừng hừng. Nhưng trán Văn phát lạnh, những giọt mồ hôi lấm tấm.

Văn cựa mình, anh xoay người thò tay trên đầu bàn học, bật đèn, Ánh sáng chói lòa, và tới đây giường soi vào hai mắt Văn. Văn xem đồng hồ : bốn giờ rưỡi sáng. Như thế anh lơ mơ đã được hơn năm tiếng đồng hồ. Văn chui đầu khỏi áo len. Anh vén màn nhòai người ra ngoài và vắt áo trên thành ghế. Văn tắt đèn đi kéo chăn định ngủ tiếp.

Nhưng Văn không thể nào dỗ thân thể tinh thần nằm yên được. Cử động mạnh, ánh sáng của ngọn đèn điện vừa rồi làm Văn tỉnh táo hẳn. Văn đổi vị trí nằm nhiều lần. Anh co người lại, những ngón chân được đặt êm ái trên khoảng chăn ở dưới, hai bàn tay ôm lấy đầu, hơi thở đều đều từng nhịp, thể nằm dễ ngủ nhất của Văn. Mọi lần trong thể nằm đó tim, anh đập dịu dần rồi Văn thiếp đi mau chóng ngon lành. Nhưng lần này, hình như thể nằm chỉ khiến anh nghe rõ tiếng đập của tim hơn. Tiếng đập trong lồng ngực, mỗi lúc càng mạnh mẽ.

Những tiếng động bên ngoài cũng trở nên tỉnh tể. Tiếng cửa đập. Văn đã nhận ra là chiếc cửa ngăn phòng tắm và cầu tiêu. Có tất cả ba con chó tru lên. Con thứ tư sao không thấy ? tiếng gió ào. Cây anh-đào chịu nặng vật vờ. Gió băng trên cả hàng rào trước mặt, gió trên đỉnh thông, gió vọng nơi dưới thung lũng dưới hồ. Chuột chạy từ phía cống lên máng. Có hai con tiu tíu gọi nhau. Những tiếng động xâm nhập tai Văn, thản nhiên vào óc. Văn trở thành kẻ nằm im để lắng nghe những tiếng động đó. Anh không thể nào lấy lại được giấc ngủ, dù chỉ là nửa thức nửa ngủ.

Những hình ảnh lộn xộn, chập chờn trong giấc mơ từ nãy trở lại. Nhưng lần này anh nghĩ tới nó, chứ không phải nó tự đứng hiện hiện trong óc anh như lúc nãy. Anh nhớ lại từng hình ảnh, không còn thấy rõ vị trí nữa. Hình như trong giấc mơ anh rất buồn và xa cách với Phương.

Cái bóng dáng nhỏ bé của nàng, thân hình gầy guộc của nàng, đứng trong đám đông của đám cưới lơ mờ trước mặt Văn. Lúc đó Văn đứng ở phía dưới. Anh là người dự thính và Phương ở trên cao. Hai vị trí. Phương đứng bên cạnh một người bạn của Văn. Nàng đàm đạo với mọi người. Nét mặt nghiêm trang của một người lớn. Chỉ có thỉnh thoảng nàng lại lồng các ngón tay trắng nuốt vào nhau lật lật ngược ra phía sau để bẻ, theo một thói quen. Cứ chỉ duy nhất anh thấy Phương bé bỏng và thân thuộc với anh.

Đám cưới Phương, Văn không dự. Anh nhận được tin Phương lấy chồng và tin Trình, bạn thân anh chết cùng một ngày.

Cả hai tin vui, buồn cùng đăng trên một tờ báo. Sự trùng hợp kỳ lạ nhưng cả hai tin đó đối với Văn là một tin buồn. Trong chuyến xe hôm ở Saigon lên trên này, Văn chỉ cho Minh, người bạn đồng hành mục «Tin mừng» của Phương. Hẳn biết Phương vì cùng học ở văn-khoa Saigon. Nhưng sự liên hệ giữa anh và Phương hẳn không rõ. Hẳn tùm tùm cười đọc một câu định nghĩa trong cuốn «Tân Tục Điền của một nhóm sinh viên văn-khoa» :

— Hôn nhân là một cuộc đồ máu êm đềm mà trong đó thủ phạm được hoan nghênh nhiệt liệt và được yêu cầu tái diễn.

Tiểu lâm tục không đứng lúc. Văn không cười và cũng không nói một lời nào suốt con đường di chuyển. Nhưng câu hỏi của hắn ám ảnh Văn. Nửa ngày dựa lưng trong chiếc xe, mảnh vải trắng lấm tẩm máu đỏ đẫm trên người Trình lần nó bị thương hiện ra trước mắt anh. Cùng lúc anh nghĩ tới drap giường trong đêm tân hôn. Hai hình ảnh xáo trộn nhau. Một xúc phạm lớn lao nhưng Văn không dờ, được ý nghĩ...

Văn biết mình không ngủ được nữa. Anh tung chăn ngồi dậy.

Pha nước trà uống để đợi sáng. Văn mở cửa phòng. Ngoài trời sương mù xuống tràn đầy. Văn co ro không áo lạnh. Những cành cây khe khẽ rung động. Hình như trong đêm khuya thảo mộc thức dậy khi loài người đang yên nghỉ. Văn cầm ấm đi tới chỗ lấy nước...

Khi Văn giật mình dậy ngọn đèn điện còn sáng. Anh đã thiếp đi lúc nào không hay. Không hoàn toàn im lặng. Như thế có nghĩa là anh ngủ quá trể, chắc đã qua giờ học từ lâu. Nắng sưởi ấm căn phòng. Hơi nóng tràn trề trong chăn, hơi nóng hâm hấp như lúc 4 giờ sáng Văn trở dậy. Anh tung chăn mà không thấy rét. Anh xuống giường sắp sửa hành lý. Anh mặc quần áo, thắt cà-vạt, xong, anh vác chiếc bàn chải và khăn mặt đi đánh răng. Làm thề đỡ mất công, trở về phòng chỉ việc chải đầu và sách «khăn gói» lên đường.

Văn đi xuống phòng rửa mặt. Hai dãy hành lang của hai dãy nhà đối diện cửa đóng kín im lìm. Mọi người đã đi học. Mặt trời lên cao, sương tan cả, chỉ còn vài giọt bám giữa mắt lưới của những màng nhện trên lá cây lấp lánh. Ánh sáng mặt trời soi vào đó long lanh màu sắc.

Người lao công của viện đang quét rác ở sân giữa hai dãy nhà, tiếng chổi loẹt quét trên mặt đá nhựa. Thấy Văn, ông ngừng đầu lên cười:

— Cậu Văn không đi học à?

Văn lắc đầu.

— Ngủ muộn!

Ông ta lại cười. Ở đây lâu năm, ông đã quen những hành động «bất học» của những ông sinh viên lười biếng cũng như ông ta đã thuộc từng tên một của mọi người. Nhất là với Văn, Văn đã ghi một kỷ niệm sâu xa trong lòng ông! Lần Văn hút thuốc làm cháy chiếc nệm trong phòng, chính ông đã đẩy cửa vào cứu chữa.

Văn đánh răng xong, trở về phòng. Người lao công đã làm xong nhiệm vụ, biến đâu mất từ lúc nào. Văn đi trên dãy hành lang vắng, tiếng dép loẹt quét vang lên thay tiếng chổi.

Văn chải đầu. Anh nhét lược, bàn chải đánh răng và khăn mặt vào ngăn ngoài chiếc sắc. Trước khi ra khỏi phòng, anh nhìn quanh, nghĩ người ra suy nghĩ, xem

có quên gì không. Văn không quên gì cả, nhưng mắt anh bắt gặp căn phòng trống không. Bốn chiếc giường ở bốn góc. Nệm mềm mùng, quần áo, sách vở la liệt trên ba giường và ba bàn. Bàn của Văn, toàn là những đồ vật đã bỏ đi, những đồ dư thừa. Trên giường chỉ còn tấm drap hoa xanh. Gối chần, đã được cất trong tủ. Lát nữa mấy người bạn cùng phòng sẽ trở về khi Văn đã đi. Họ nhìn thấy quang cảnh ấy một cách đứng đưng. Chắc hẳn Anh không phải là một nhân vật quan trọng, và hơn nữa chiếc bàn bàn cùng sự bừa bãi của anh cũng chỉ đem lại cho họ sự khó chịu tới vệ sinh chung của căn phòng. Văn cũng không muốn mình là người quan trọng — trong cộng đồng sinh-viên cũng như trong cộng đồng của những người nông dân. — Quang cảnh ấy chỉ làm Văn thấy rõ mình cùng sự thay đổi. Cảm giác đôi lần bắt gặp được trong những đêm khuya thao thức anh nghe tiếng thác đồ ở xa, thấy ánh trăng mịn màng xuyên qua khe cửa, cảm giác nhìn thấy thật kỳ lạ và câu hỏi tới với anh những lần đó : Tại sao mình lại ở đây, trên chiếc giường này ? Cảm giác đó khiến hình ảnh Phương anh quên đi từ lúc thức giấc tới giờ đột nhiên trở lại. Văn lại thấy chiếc sắc chũi trên tay anh như hồi tối hôm qua, lúc anh nghe người báo tin Phương tới tìm anh. Văn đã thay đổi, Phương cũng vậy, sao nàng còn tới gặp anh ? Sự thao thức và băn khoăn lại xuất hiện trong tâm hồn Văn. Văn khóa cửa phòng. Một tiếng tách gọn gàng vang lên. Văn lại tự hỏi không biết có nên gặp lại Phương không ? Câu trả lời im lìm sau tiếng tách gọn gàng ấy.

oOo

Văn ra tới bến xe. Xe đã đông người, anh đặt chiếc sắc lên trên ghế đầu, chiếc ghế độc nhất thanh thoi, không bị chen lấn bởi những hành khách khác, trừ những hôm xe quá đông. Chỉ còn thời giờ để đi mua mấy thứ lặt vặt, không thể ngồi ở quán nhấm nháp ly cà phê như mỗi lần trước khi « lên đường ».

Văn ôm được mấy thứ vừa mua trở về, xe đã chật ních. Bà chủ xe và Ích, lơ xe, đang cố xếp chỗ cho mấy người. Mấy người hành khách trong xe đã bị nhét chặt cứng, quát vọng ra :

— Còn ngồi vào đâu nữa mà vào !

Bà chủ xe ôn tồn :

— Thôi mà, các ông bà thông cảm giùm, xe ra khỏi trạm kiểm soát, thanh niên họ ra ngoài bám ! Chịu khó một chút thôi !

— Hôm nào cũng vậy, chết bẹp chứ còn gì ?

Năm sáu lời kêu ca phàn nàn nữa, toàn những giọng danh đá khó chịu. Văn không trông thấy mặt chủ nhân các câu nói, vì cả một hàng rào đầu và lưng người lấp kín cửa sổ.

Ông tài lúc nào cũng có một cử chỉ thân nhiên duy nhất của một triết - gia. Tiếng quát tháo vọng vào tai ông có lẽ bị bật cả lại. Ông đang cười với một người bạn, thỉnh-thoảng ông cầm cái que vạch vạch xuống đất những đường nét vô nghĩa, tay kia vung vẩy, có vẻ thích trí lắm.

Chợt thấy Văn tần ngần đứng nhìn chiếc xe, ông reo lên :

— À ông giáo ! Ông lên xe đi, sắp chạy rồi đó !

Văn nhìn ông lúng túng. Trên chiếc ghế ở đầu xe, anh để chiếc sách giữ chỗ, đã có người ngồi. Nét mặt lầm lì của ông ta làm Văn chưa dám lên tiếng.

Ông tài nói xong câu đó, lại quay đi tiếp tục nói chuyện. Nhưng khi ông quay mặt về phía Văn thấy anh chưa lên, ông ngạc nhiên, ông quàng chiếc que nhỏ đang cầm ở tay, đứng dậy :

— Sao đó, ông giáo ?

Ông vừa hỏi vừa đi về phía anh. Văn ấp úng định nói thì ông đã hiểu, tầm mắt của ông vừa đặt đúng chỗ ngồi của anh. Ông lại sát chiếc xe, nói qua khung cửa :

— Này ông, chỗ này người ta giữ rồi mà !

Người khách quay nhìn ông tài, rồi lại quay đi như không có chuyện gì xảy ra

— Tôi nói ông có nghe thấy gì không ? Chỗ này để cho ông giáo !

Người kia thấy không thể làm ngơ được nữa, bộ mặt ông ta chợt hồng lên cùng lúc với tiếng nói phát ra nhăm nhắng :

— Tôi thấy có chỗ, tôi ngồi, không có nhường cho ai hết !

— Ông có xuống không thì bảo tôi ?

Tiếng cãi nhau làm hành khách đều đổ dồn mắt vào hai người. Cụ Trùm, ngồi sát cạnh ông ta, từ này giờ im lặng cũng vội lên tiếng :

— Chỗ của người ta giữ trước mà lại ngồi là thế nào ?

— Không có giữ hộ trước gì cả ! Tôi thấy có chỗ là tôi ngồi.

Một người khác xen vô :

— Thôi, nhường cho ông giáo, ngày nào ông ấy chẳng ngồi đó.

Mặt người khách càng đỏ gay lên, quả trong cuộc tranh luận, ông rất « cô đơn »

— Tôi chẳng nhường chỗ cho ai hết. Tôi chỉ nhường chỗ cho cha thôi. Giáo thì giáo chứ !

Trước cuộc đối thoại, Văn vẫn im lặng. Không khí quá gay go, để lâu thêm chắc anh sẽ bị lôi vào vòng chiến với những danh từ không được đẹp. Và chẳng Văn đã thấy khó chịu về những tia mắt của mọi người trên xe, trong đó có cả mấy đứa học trò của anh. Ông tài toan mở cửa xe « bạo động », Văn giữ tay ông lại, anh lên tiếng, thành thật :

— Thôi, để tôi đứng đằng sau cũng được. Để ông ấy ngồi đó !

Câu nói của anh tự nhiên làm ông khách mất thái độ cương quyết cổ thủ, ông cầm phất lấy hai chiếc bánh mì để trên giá xe, tự động mở cửa bước xuống, ông lầm lẫm :

— Khách ai chẳng là khách ! Lần sau tôi đi... vào đi xe này nữa, tưởng có xe là muốn chở ai cũng được hay sao ?

Nói xong ông đi thẳng ra bến xe T. N, như thế có nghĩa là ông chịu thất bại và phải dùng hai lượt xe để thỏa mãn sự tự ái.

Vấn lên xe. Cảnh tượng vừa rồi khiến anh khó chịu. Quả thật anh muốn nhường chỗ để tránh sự khó chịu ấy, mặc dầu Vấn cần một chỗ để có thể ngủ trên xe cho đỡ mệt. Chỗ ghế đó hầu như được dành riêng cho anh mỗi khi đi và về xã. Nhưng, cũng chẳng có lý luận nào vững chắc để anh thắng người đàn ông đó, nếu đấu khẩu tay đôi. Anh thành thật. Tại sao người kia lại chịu xuống. Hình như trong thâm tâm, hẳn mặc cảm và cũng có nề anh, tuy ngoài miệng nói cứng. Thế là thế nào ? Thà hẳn ngồi trên ghế còn làm Vấn thoải mái hơn. Sự bênh vực cho Vấn của mọi người chứng nhận anh được trọng-vọng. Vấn càng khó chịu hơn khi khám phá ra ý nghĩ ấy.

Vấn ngồi trên xe một lúc lâu cũng chưa thấy ông tài lên. Ông vừa được ông bạn mời một ly cà phê ở dãy quán đối diện với bến. Ông đã quên câu chuyện vừa rồi, giọng nói và cử chỉ của ông lại giữ nguyên vẻ thích thú lúc trước.

Cụ Trùm, chủ nhà trọ của Vấn, ngồi bên cạnh lên tiếng hỏi Vấn :

— Cậu giáo về một mình à ? Còn cậu giáo Tùng đâu ?

Ông cụ này khá buồn cười. Ở chung một nhà, giờ giấc dạy học, hai người đã đã kể cho ông nghe mà ông cứ quên hoài : mỗi sáng thứ hai chỉ có một mình Vấn xuống, còn Tùng, thứ ba. Đẳng, dạy Việt. ít khi về tỉnh, nhưng mấy hôm nay không hiểu hẳn bận việc gì, vắng mặt đã mấy hôm ở trường Vấn thêm một lần phải nhắc lại cho ông cụ rõ. Ông cụ vẫn thốt ra giọng của một kẻ lần đầu tiên mới biết đến điều ấy :

— Thế à ? Tôi cứ tưởng...

Vấn bắt đầu thấy nóng. Anh cởi áo Veste ra cầm ở tay. Kinh nghiệm cho anh biết, mỗi lần cởi chiếc áo veste ngoài là xe sắp sửa chạy, và trước khi xe chuyển bánh là Vấn phải cởi cà-vạt. Sự nóng bức của cơ thể Vấn như một chiếc hàn thử biểu mà cũng lại là chiếc máy đo thời giờ, thời giờ của riêng chiếc xe. Người càng đông chóng bao nhiêu, Vấn càng dễ nóng bấy nhiêu và xe càng chạy sớm. Lần này Vấn vừa lên mấy phút đã thấy nóng vì đông người quá.

Chiếc xe là một máy sưởi rất tốt trong những mùa lạnh như mùa sinh-nhật chẳng hạn.

Vấn toan bỏ thông lệ, anh dơ tay nói cà-vạt trên cổ, thì ông tài ở trong quán bước ra, ông lên xe. Nhiều tiếng ồn ào ở sau xe lại tái diễn. Bà chủ xe vẫn ngọt ngào như lúc nãy :

— Thôi mà, xe chạy rồi, các ông, bà chịu khó một chút, khỏi trạm kiểm soát thôi !

Vẫn có nhiều tiếng phản đối. Xe bắt đầu chuyển bánh, vòng quanh khu phố đông đúc, qua hồ. Mặt hồ trong veo. Những chiếc mái ngói đỏ, những hàng thông xanh cao vút. Mi mắt Văn trĩu lại. Văn buồn ngủ. Nhưng anh chưa dám nhắm mắt. Đợi qua trạm kiểm soát, nếu không, qua đó, đang ngủ bị đánh thức dậy đề hỏi giấy tờ, thật mệt vô cùng...

Chiếc xe vừa vượt khỏi hàng rào chắn ngăn giới hạn vào thành phố. Văn xếp chiếc áo veste lại, anh đưa qua phía sau đầu dựa cho êm ái. Những tiếng ồn ào ở sau xe, tiếng máy rì rầm, con đường đồ xuống đèo vòng vèo, bây giờ Văn có thể yên tĩnh đánh một giấc, bù cho sự thao thức đêm qua...

Văn thiếp đi được một lát tỉnh dậy. Tiếng nói chuyện của mấy người trong xe bỗng trở nên to một cách bất thường. Hình như có cả tiếng quát và tiếng quát đó khiến Văn giật mình thức giấc.

Một người đàn ông, dáng to lớn, ông đứng ở khoảng giữa xe, gay gắt :

— Mẹ cha nó chứ ! đường là đường chung, chứ của nó chó đâu mà nó giữ.

Một bà vừa giật tung chiếc khăn ở đầu xuống, tóc bay lòa xòa theo với chiều gió thổi ngược vào xe. Bà nhai trầu bồm bồm :

— Nó làm tôi phải gánh mấy lượt đề chở hàng về. Đồ ấy có chết đi thì xuống địa ngục sớm !

Bà vừa nói xong, vừa nhỏ toẹt miếng nước trầu qua cửa, khiến cho bà cụ già đương thiu thiu ngủ ở bên cạnh, giật bắn mình lên.

— Giê-Su ! Cái chị này ý tứ một chút chứ, bắn hết vào người ta rồi đây này.

— Tôi như ông tài cứ húc mẹ nó vào cái rào chắn, xem nó nói làm sao.

Một cô, chừng hai mươi tuổi, nước da trắng trẻo, cô ngồi im từ lâu, hỏi :

— Cái gì mà các ông bà tức vậy ?

Người đàn ông dáng to lớn được dịp hùng biện :

— À cái thằng trưởng-khóm ấy mà ! Mấy hôm nay đường hư không vô xă được, xe phải vòng qua con đường khóm nó đề vào xă. Nó kêu là xe đi hổng đường khóm, nó không cho, rồi nó vác cây ra làm hàng rào chặn.

Ông quay lại phân bua :

— Xe đi như vậy thì lợi chung cho bà con. Cái xă dài chứ ngăn ngồng cái gì Thế mà nó chơi ức thế đấy. Thử hỏi nó có đi xe không cơ chứ ?

Văn nhớ ra ông đó làm ở hội-đồng-xă, và nhà ở tận cuối làng của đoạn đường.

Xe đã tới vùng B. H, bắt đầu vào con đường khó đi. Con đường này quả có sức phá hoại ghê gớm với các loại xe Trời nắng, đường bụi mù, trời mưa đường lầy, bùn lên tới tận nửa bánh.

Hai bên đường nắng gay gắt đổ trên những hàng cây xanh. Màu nắng vàng óng lấp lánh trên lá, những căn nhà bằng gạch khô xác xơ.

Chiếc xe đang đi nhanh bỗng hạ bớt tốc độ lại. Ông tài chặc chặc lưỡi:

— Chết cha ! Làm sao đi đây ?

Phía trước mặt xe cả một bãi lầy rộng hơn mười mét. Quãng đường không khác gì vũng bùn bị trâu đầm. Chỉ có hai bên mép là còn khô. Lối đi vừa bằng thiết diện của bánh xe tiếp xúc, rải rác mấy hòn đá chèn lên. Nếu không khéo chiếc xe sẽ trật bánh và đi vào con đường bùn ngay.

Xe tới đầu bãi lầy, dừng lại. Ông tài gọi người lơ :

— Ích, mày xuống xem, con đường chỗ nào tốt !

Anh lơ xe nhảy xuống. Bàn chân của hắn lội phăng phăng trên bùn. Hắn ngồi xồm xuống, lấy bàn tay ấn ấn trên hai vệt đường, vệt đường do một số ông tài xế khác đã hoàn thành để có thể vượt qua được. Anh ta chạy đi chạy lại, so sánh lẫn nhau, chăm chỉ như một người đang học hỏi, khảo cứu. Hắn ngàng đầu về phía ông tài-xế, tuyên bố :

— Bên này !

— Ê, nhìn cho kỹ nghe mày ! Sáng xe Vạn-Ninh vừa lợt xuống chỗ đó !

— Không sao ! Đợi tôi chèn đá thêm chút đã !

Hắn chạy ôm mấy hòn đá nằm chồng trơ ở giữa đường mang đặt lên vệt đường khô, dùng chân ấn ấn xuống. Hắn dơ tay ra hiệu :

— Rồi !

Ông tài-xế nắm chắc lấy vô-lăng. Một chân đặt trên phanh, một chân trên ga, tay sang số. Chiếc xe lừ đừ tiến lên. Ích ở dưới dơ tay chỉ huyền thuyên :

— Sang bên này một chút. Ê, không được trở lại chút.

Chiếc xe gầm gừ. Nhưng mắt ông tài mới chính là mắt của con hồ. Ông nhìn con đường lầy trên trên. Tay chân của ông hoạt động tới tấp; chiếc xe từ từ bò vào khu «đồng lầy». Nó khật khùng đảo đi đảo lại. Ích kêu lớn :

— Ê, qua tay mặt một chút, cẩn thận nghe ! Không được, chết cha rồi !

Tiếng rồi của hắn thốt ra tuyệt vọng cùng lúc chiếc xe lao một bánh sau xuống phía lầy. Ông tài tức tối nhả ga. Bánh xe xoay tròn bùn bắn lên tung toé. Bà chủ xe kêu lên :

— Thôi, bị rồi ! Đạp ga làm chi nữa ?

Ông tài dừng máy lại, ông nhảy xuống đóng cửa rầm một cái tức tối vẫn tràn đầy:

— Đ. mẹ ông đã bảo, chỉ như con c...đó !

Bà chủ xe quát :

— Lấy kích ra mà kích lên chứ mày đứng l ra đó làm gì hờ Ích.

Tất cả hành khách đều xuống xe.

Các ông không để phí thời giờ chút nào đã đi tìm những gốc cây vùo đủ kín đáo. Mấy bà mấy cô tùm lại từng đám một nói chuyện. Không khí ồn ào chìm hẳn xuống dưới bầu không gian rộng. Mấy bà dờ nón xuống kê lên đùi ngồi, cất giọng than:

— Thế này biết mấy giờ mới tới nhà. Khờ ơi là khờ !

— Em còn cháu bé mới chết chứ !

Cô gái trắng trẻo từ nãy ngồi trên xe gỡ chiếc khăn mỏng trên đầu ra. Cô là người độc nhất ăn mặc theo lối tỉnh ở trên xe. Cô chép miệng với một người khác

— Êm ở Sài Gòn mới về bác ạ. Trước đường đâu có hư như thế này !

— Ấy mới có mấy tháng mưa mà tệ thế đấy !

Xem chừng cô gái lúng túng, chiếc quần trắng là một trở ngại lớn. Cô loay hoay kiếm chỗ ngồi. Sau cùng cô tới một gốc cây đổ ở bên đường, giải tờ báo lên cần thận rồi mới ngồi xuống.

Ích đã dỡ chiếc kích ra kê vào trục xe, anh ta đang loay hoay xoáy mạnh chiếc cần dài bằng sắt. Ông tài xế đứng cạnh anh ta phụ giúp. Ông kêu lên :

— Chà, không được, lún quá, để lấy đá kê cái đã.

Chiếc cần sắt xoáy nhiều vòng, chưa thấy bánh xe nâng lên nhưng chỉ thấy chiếc kích sụt sâu dưới đám lầy.

Chiếc kích được tháo ra. Ông tài ngàng đầu lên :

— Ê bà con lấy giùm mấy hòn đá, nhiều nhiều một chút !

Bà chủ xe phụ họa :

— Bà con cô bác ơi, khiêng giùm mấy hòn đá đi, cho chóng rồi còn về sớm.

Thế là đám đông và Văn biến thành đám dân công. Văn khệ nệ khiêng một hòn đá bự ở bên kia đường sang. Anh khiêng gần tới đích, bà chủ xe vội chạy lại đỡ :

— Thôi ông giáo ngồi nghỉ cho đỡ mệt !

Văn cười :

— Bác cứ đề mặc cháu !

Những hòn đá lớn nhỏ, mọi người kiểm được, chèn vào hai bánh xe, một số còn dư đề dùng sau. Hòn đá Văn kiểm được bằng phẳng, dùng làm chỗ tựa đề đặt chiếc kích.

Ích lại, bắt đầu xoay tròn cán kích, hấn xoay bằng bằng chiếc cần sắt, không cần lấy sức. Chiếc xe vẫn chưa nâng lên được, chỉ thấy hòn đá lún xuống dần dần, sau cùng ngập hấn. Ông tài cất tiếng :

— Chà, sâu quá.

Ông quay lại chỉ trích Ích, giọng hết câu giận :

— Đ. mẹ, tao đã bảo mày mà. Thế mà cứ kêu ông đi bên này ! Sâu thấy cha, đi sao nổi.

Chiếc kích lại được tháo ra. Ông tài lựa một hòn đá khác, nhỏ hơn, nhưng cũng phẳng phiu không kém hòn trước. Hòn đá đề lên trên chỗ hòn kia đã mất dạng dưới bùn. Được ba hòn, không thấy đá lún xuống nữa trục xe bắt đầu cựa cựa nâng lên.

Ông tài với một người cùng buột miệng, sung sướng :

— Được rồi !

Trục xe nâng lên dần dần, sức xoáy của Ích cũng bắt đầu chậm lại, ông tài giằng lấy cán kích trong tay anh ta :

— Đề tao !

Nhưng ông xoáy độ vài chục vòng, nét mặt nổi gân lên, và mồ hôi trên trán lấm tấm. Ông ngừng tay lại, thở hắt hần :

— Mệt quá, xoay giúp tao cái mày !

Ích đang hút thuốc. Con nghỉ mệt của hấn chưa dứt, hấn cúi kính :

— Làm có một tí đã kêu mệt, đề người ta nghỉ một chút cái nào !

Ông tài nổi câu :

— Đ. mẹ, tại mày chứ tại ai !

Con câu giận của ông làm Ích phải vút điếu thuốc đề tiếp tục làm nhiệm vụ. Hấn khỏe hơn ông tài rõ rệt. Chiếc xe nâng lên dần dần. Nhưng ngày càng khó khăn hơn. Sau cùng hấn thở phào một cái :

— Nghỉ một chút đã !

Văn tiến lại gần, đỡ chiếc kích trên tay hấn. Anh cũng muốn thử một chút. Hấn ngần ngại đôi chút trước khi trao cho anh. Văn mỉm môi, anh xoay chiếc kích chừng hai chục vòng, hiệu xuất thua kém trông thấy. Anh không mệt,

nhưng hai cánh tay anh mỏi rã rời. Anh cố lết sức thêm vài vòng nữa, chiếc cần xoay đi lừ đừ, ngất ngư như người xử dụng. Không ngờ có mấy tháng bỏ làm công tác xã hội và tập thể thao, Văn đã yếu đi quá như thế.

Không cần phải thông minh lắm, Ích cũng biết cần phải thay thế cho « ông giáo ». Nhưng hắn chưa kịp cầm lấy kích xe, người đàn ông cao lớn to tiếng từ nãy khất khởng lại. Hắn cười :

— À đề tớ mần một chút xem sao.

Kết quả trông thấy : bánh xe nâng lên nhanh hơn trước. Ông tài cầm những hòn đá nhỏ tích tụ từ nãy, quăng vào phía dưới bánh xe. Những người ngồi ở ngoài cũng giúp sức ông.

Bánh xe đã nâng lên cao hẵn. Người cao lớn bỏ cán kích xuống. Những cục đá được chèn chặt.

Ông tài kêu Ích :

— Mày giữ cho tao cái cán này nghe !

Ích cầm lấy cán kích, ông tài thò một tay xuống dưới bánh xe ấn mạnh xuống những hòn đá được nén chặt. Ông rút tay ra ngoài tuyên bố :

— Được rồi !

Trước khi lên xe ông tài cười :

— Chắc ăn rồi, bà con đừng lên xe vội đề tôi lái ra quãng đường khô đã.

Mọi người đều đứng cả dậy. Một số đã đi bộ lên khoảng đường khô phía đầu mũi xe, chờ đợi.

Ích vẫn giữ nhiệm vụ chỉ huy cho đường đi của chiếc xe, mặc dầu hắn đã một lần phạm phải lầm lỡ lớn. Nhưng lần này, không cần phải hét lên nhiều nữa, chiếc xe gầm lên một tiếng, bánh xe bật khỏi chỗ vừa được đệm lót, bà chủ xe vừa hét lên hai tiếng « coi chừng », khi thấy bánh xe xoáy tung mấy hòn gạch vụn, chiếc xe đã chồm lên, rồi lao thẳng ra giữa quãng lầy, rồi nằm im ở đó mặc cho ông tài rú ga kêu ầm ĩ. Hai bánh xe chỉ cựa quậy đôi chút. Bùn ngập tới tận trục.

Cái công hì hục từ nãy tới giờ chỉ đề mọi người chứng kiến «thảm cảnh» chưa đầy vài giây. Mọi người đều thộn mặt ra. Bà chủ xe buông thõng hai tay xuống ; rồi bà hết sức thản nhiên :

— Thôi bà con đợi xe sau tới «tăng bo» vậy. Xe này chỉ có nước đợi kéo.

Sự tuyệt vọng rõ rệt trên mặt mọi người. Lời tuyên bố của bà chủ xe có sức thu hút của một lãnh tụ, mọi người không hỏi han gì thêm. Họ kéo nhau tới tìm những bóng mát tụm lại từng đám, nói chuyện gẫu.

Văn ngồi ra một góc hút thuốc. Anh dơ tay coi đồng hồ. Còn đúng một tiếng nữa bắt đầu giờ học. Văn không lo lắng gì cả. Chuyện trễ xe là chuyện thường. Cả ông hiệu trưởng cũng đã nhiều lần nhảy phóc xuống từ một chiếc xe hàng, xích đồ trước cửa trường, để vào dạy học không kịp ăn uống. Nhưng Văn mệt quá sức, cả một đêm thao thức, anh muốn có chút thì giờ để ngả lưng trên chiếc nệm êm. Con ngủ thiếp trên xe chưa đủ thỏa mãn.

Ông tài tiếp tục chửi thẳng Ích Ông ta lại gần chỗ Văn ngồi, mặt hầy còn tức giận. Văn mời ông ta một điếu thuốc. Anh hỏi chuyện :

— Sao đường hư như thế này, công-chánh họ không sửa ?

Ông tài vẫn còn tức giận, ông văng tục :

— Sửa cái chi ? Đ. mẹ hôm nọ xe máy ông công-chánh đi qua trông thấy tụi tôi đang hí hục kích xe, mấy ông nhăn răng ra cười.

Văn không thấy giận gì cả, anh thấy vui vui vì cái ông tài nóng tính nhưng tốt bụng này. Ngày đầu tiên xuống đây, ông ấy đã đậu xe và chỉ tận nơi nhà ông hiệu trưởng.

Văn im lặng, anh hít một hơi dài khói, thở ra. Những sợi khói mảnh cong biến mất ngay trong bầu không gian tràn ngập nắng vàng. Xế bên kia đường là một vũng nước lênh với một bảng chữ lớn nền vàng đậm « Trung Tâm Thí Nghiệm Nuôi Cá ». Người ta mới kịp dựng biển, chưa kịp xây thành hồ vũng nước đó. Anh nắng trưa chói chan phản chiếu vào mắt Văn, khó chịu. Anh quay mặt về hướng khác.

Cô gái có khuôn mặt trắng trẻo bây giờ cũng đã nhập bọn với một số người đàn bà khác. Họ đang nói chuyện huyên thuyên. Chắc cô đang kể chuyện ở Sài Gòn.

Văn ngả người ra, anh dựa hẳn vào gốc cây. Mắt anh đặt trên nền trời. Mây trắng bay lững lờ. Khuôn mặt cô gái làm Văn nhớ đến Yến. Yến cũng có khuôn mặt trắng như vậy. Giờ này chắc cô bé vừa ăn cơm xong, chắc cô bé đang tụ tập với đám người bạn nữa tán gẫu, hay có thể nàng ngả dài trên giường để đọc tiểu thuyết, hay Yến đang đứng trước cửa rạp ciné, chờ mua vé vào xem xuất trưà.

Mấy người bạn của Văn có lẽ cũng thế. Lòng Văn rung động nhẹ nhàng. Mỗi lần anh nghĩ tới những người bạn ở trong thành phố, tới đời sống sinh viên, Văn vẫn bắt gặp tình cảm như vậy, dù đang chờ xe giữa khoảng không gian đầy nắng này và đợi một buổi dạy học mệt mỏi, Văn không hề thấy ghen tức. Những buổi sáng trong lành, từng cặp sinh viên trai gái lũ lượt kéo lên trường. Jupe, quần Jean, áo choàng măng-tô, veston, cứ nghĩ tới những cảnh tượng như vậy cũng đủ thấy đẹp. Nhưng không hiểu sao khi trở về với họ, Văn lại thấy xa cách.

Nhưng giữa những người dân xã này, Văn cũng không thể gần gũi. Khoảng cách hiểu biết ngăn cách giữa Văn và họ, dù ở gần họ Văn vẫn khâm phục

và sững sờ trước những cử chỉ, thái độ của họ. Giữa đám dân xã, Văn cũng như đám giáo sư, được coi trọng. Anh không thích điều đó. Sự lễ phép của học trò ở trong phạm vi học đường rất có lợi cho sự giáo dục, nó cũng gây sự phiền phức khi lan tới phía phụ-huynh. Dưới mắt một số đông phụ huynh, đám giáo sư trở thành một số kim chỉ nam. Mà Văn, anh hiểu anh không là thần tượng, là kim chỉ nam cho bất cứ một người nào. Văn nghi tới cử chỉ của người khách ngồi chỗ của anh lúc nãy, thái độ những người bên anh, Văn lại khó chịu.

Bà chủ xe đang nói chuyện với Ích, chợt nhìn thấy Văn, bà lại gần tươi cười :

— Gặp xe hàng ông giáo cứ sang, tôi sẽ trả tiền lại, không có lỗ mất giờ học.

Văn cảm ơn bà chủ xe thật tâm, nhưng giờ này chắc chẳng còn chiếc xe nào.

Văn nằm yên một lát, tư tưởng đã bắt đầu lơ mơ. Giá có chiếc bat, giải rộng ra, đánh thẳng một giấc thì phải biết...

Có tiếng ầm ì ở xa. Xắn và mọi người quay nhìn Chưa phải chiếc xe thứ hai của xã. Chiếc xe nhà binh đang tiến lại. Bà chủ xe gọi Văn :

— Này ông giáo, có xe này rồi đó, ông xin quá giang chắc được.

Văn uể oải, đứng dậy, anh không muốn về ngay, nhưng Văn vẫn ra đón xe, chưa chắc chắc gì đã được đi nhờ. Anh nói với cụ Trùm :

— Chiếc sắc cháu gửi nhờ. Lát cụ mang về giùm.

— Cậu về nói với nhà tôi là xe bị kẹt nghe !

Chiếc " đốt-cát " lại gần. Chiếc xe lao thẳng vào quãng đường bùn. Bùn bắn lên tung toé, nhưng chiếc xe không dừng lại phăng tiến dễ dàng. Nó lắc lư lảo đảo một lát rồi ra khỏi " đồng lầy. "

Khi tới trước mặt Văn, Văn vừa dơ tay' nó đã lao qua. Một người ngồi ở bên cạnh người tài xế chỉ kịp hét lại.

— Xe đám ma mà. Không đi được !

Hắn không nói dóc. Trong thùng xe một chiếc quan tài đỏ chói nằm trơ trọi mấy ngọn nến cắm trên đó đã tắt từ lúc nào. Chiếc quan tài khá nặng không đủ sức nảy lên nảy xuống được. Nhưng cũng xô lệch phát ra những tiếng động mạnh. Chiếc xe vút qua rồi mất hút ở quãng đường vòng trước tầm mắt. Một người chép miệng :

— Chở thế kia còn gì là người chết nữa.

Văn trở lại vị trí cũ. Anh đốt thêm điều thuốc tiếp tục ý nghĩ đang bỏ đi. Lần này thì Văn nghĩ tới Phương. Văn cũng không hiểu lại sao cho tới giờ phút này anh mới nghĩ tới nàng. Có lẽ đó là điều tự ý thức anh đã từ chối. Bây giờ hình ảnh của Phương đã chợt hiện về. Cả đêm qua cũng vậy, suốt giấc ngủ anh chấp

chờn thấy nàng. Nhưng khi tỉnh dậy hình ảnh của nàng vào lúc anh sắp rời khỏi phòng cũng chỉ hiện ra mờ nhạt trong giây lát. Thực ra đêm qua anh không ngủ được là vì chất cà phê. Còn hình dáng Phương đậm đà trong giấc ngủ đó chỉ vì sự xúc động của buổi tối, xúc động bất ngờ khi Văn nghe tin nàng lên đây. Suốt đêm qua tư tưởng lập đi, lập lại trong tiềm thức: Sáng mai sẽ gặp Phương. Nhưng quả thực buổi sáng, hay lúc này, chuyện gặp Phương hay không, quả không là quan trọng. Gặp nàng nói dăm câu chuyện bâng quơ, nếu có dịp. Anh không gặp Phương không phải vì anh muốn trốn tránh, không phải sợ bị ràng buộc vào kỷ niệm tới độ như vậy, mà vì không muốn những phiền phức gì xảy ra cho nàng. Văn dụi dụi mắt thuốc xuống cổ, anh ném ra giữa đám lầy, mắt thuốc bị nhuộm bùn ngay lập tức. Dãy núi cao đối diện xanh biếc, chỉ chít cây cối. Mùa này cỏ khô, cây cũng xơ xác theo, nắng chập chờn ẩn hiện thành từng lằn ở phía xa xa. Những dãy cây trước mặt Văn thỉnh thoảng rung động. Ở xứ lạnh, còn nắng đến thế này, không biết ở Sài-gòn tới mức nào. Giờ này chắc gia đình đang ngủ trưa. Chiếc quạt trần sè-sè quay tít trên đầu mọi người, trong phòng khách. Mùa này là mùa thi, mấy đứa em Văn làm sao chịu nổi. Cứ nghĩ tới cái nóng làm chảy từng lớp nhựa trên mặt đường, vào những buổi trưa anh chờ trên Solex, đứa em gái tới thư viện. Văn cũng đã cảm thấy sự khó chịu của mồ hôi đang nhỏ giọt trong lưng.

Một đoàn người Thượng đang kéo từ phía xa lại, họ đi lấy nước ở khe suối gần đó trở về làng. Trên vai người nào cũng đeo một chiếc gù, trong gù đầy những dụng cụ có thể chứa nước được: Bình thay hũ nước mắm v.v... Mỗi người một cái lớn nhỏ tùy theo kích thước của người mang. Một bà cụ già, tóc đã lấm tấm bạc, mặt mũi nhăn nheo, lưng còng xuống, vẫn khỏe mạnh bước vững chãi không kể tới sức nặng trên vai. Tay bà giắt một đứa nhỏ chừng năm tuổi. Đứa bé đang khóc. Trên vai nó cũng đeo một gù nhỏ đựng nước. Bà cụ nói một tràng tiếng thượng đồ đứa nhỏ, nhưng đứa nhỏ không nín. Tới khi bà chỉ vào đám người ngồi ở đó dọa, nó mới thôi. Trên khuôn mặt đen đui ngây thơ của đứa bé thoáng những nét sợ sệt, nhưng cũng như bà cụ già, nó rất thản nhiên không để ý gì tới chiếc gù nặng. Hình như chiếc gù là một bộ-phận dính liền vào thân thể những người Thượng, từ khi họ biết đi cho tới khi nằm yên nghỉ giữa núi rừng.

Đám người Thượng ăn mặc quần áo sắc sỡ, những quần áo của người Mỹ cho. Có cả một người đàn ông mặc chiếc Pardessus ngắn, đóng khố. Chiếc dây khố lòng thông dưới đít không khác gì chiếc đuôi. Họ di chuyển về ngôi làng mới thành lập ở trước mặt đường xe vừa vượt qua.

Văn nhìn theo họ. Ngôi làng gần đó mới dựng lên, họ di cư từ Phan-Rang về ngôi làng do nhóm sinh viên công tác xã hội hệ xây dựng, Văn cũng có tay vào đó. Buổi chiều hôm xuống đây nhận đây, Văn ở lại một đêm với bạn hữu, trước khi về tỉnh.

Những mái tôn lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời như bật lửa. Mái tôn hỗn độn không hàng lối. Những thửa thửa ruộng bao la xung quanh bắt đầu lên mạnh. Những thân bắp cũng vô tổ chức như ngôi làng, lay động, ve vầy.

Văn đưa mắt nhìn quanh. Trừ phía trước mặt, sau lưng anh là một khoảng bao la, mướt xanh chạy tới tận chân trời. Có thể lập tới cả trăm ngôi làng định cư nữa

cũng vẫn đủ diện tích. Cỏ hoang mịn màng lượn lên, lượn xuống, nắng đậu trên những ngọn cỏ óng mượt.

Văn lấy một miếng thuốc nữa cho lên môi. Anh quay mặt lại phía gốc cây vừa khum hai tay đánh diêm. Tới que thứ tư thuốc mới cháy. Gió đồng không, thối lộng. Văn đặt lưng dựa vào gốc cây như cũ, lặng thờ khỏi. Anh nghĩ tới hồi nghỉ hè vừa qua khi hướng dẫn mấy người nữa lên Pleiku dự trại. Một thanh niên kỹ sư canh nông trong " thanh niên chí nguyện quốc tế " gặp bọn anh, chuyện trò. Trong câu chuyện, người thanh-niên Mỹ phát biểu :

— Tôi thấy nước các anh không phải là một nước nghèo. Những cánh đồng phì nhiêu có thể có năng suất rất lớn. Người Việt Nam lại cần cù, chăm chỉ. Nhưng không hiểu sao dân các anh lại nghèo khổ. Chiến tranh chỉ là một phần.,.

Tại sao dân các anh lại nghèo khổ. Câu hỏi đó Văn và bạn bè khi ở Pleiku đã không trả lời được. Bây giờ ngồi dựa lưng bình thản và mỗi một vào một gốc cây ở giữa đường, nhìn nắng chập chờn bay trên cánh đồng cỏ hoang, non một giờ trước khi vào lớp học, với công việc của một người giáo dục. Văn cũng không trả lời được.

« Tại sao chúng em lại nghèo khổ ? » không cứ gì người Mỹ, lát nữa nếu xúm quanh lại chất-vấn. Văn biết anh cũng sẽ im lặng, như trong giây phút này, hồn anh chợt mên mang khi nghĩ tới những người thân yêu trong thành phố...

oOo

Chiếc xe đỗ ở đầu xã. Văn vội vã xách sách đi về nhà trọ. Mọi lần xe đậu ngay trước cổng. Hôm nay thật mệt.

Tới cửa nhà, anh dừng lại, dậm mạnh chân xuống nền đất. Bùn bám ở hay chiếc giày văng ra. Bà chủ trọ niềm nở :

— A cậu giáo.

— Cụ Trùm nhắn cụ và chị Hoa ra khiêng đồ ở đầu xã. Đường hư, xe không vào được !

— Cậu giáo ăn cơm để tôi dọn ?

— Cám ơn cụ, chắc không kịp giờ. Cháu uống ly sữa được rồi !

Văn nói xong, đi thẳng lên gác. Chiếc đồng hồ treo dưới nhà thông thả gieo hai tiếng.

Văn uống cạn ly sữa pha lẫn với nước trà. Không đủ thì giờ lấy nước sôi dưới bếp nữa. Anh soi gương vuốt lại tóc, hấp tấp lên trường ngay.

Văn tới cổng trường. Học trò đã ngồi yên trong lớp. Mấy đứa đệ lục lảng vảng ngoài cửa, thấy anh lần vội. Văn vào lớp. Lũ học trò nhỏ cất tiếng cười. Nhiều tiếng lao xao ở dưới :

— Thầy nghỉ ở tỉnh kỹ quá!

— Trễ mười phút rồi thầy!

Những lời nói đó không làm Văn cười. Anh nghiêm mặt đưa mắt nhìn một lượt quanh lớp. Tia mắt của anh làm vài đứa chưa kịp đứng lên bật dậy. Giọng Văn đang thét:

— Đọc kinh chưa?

— Rồi ạ!

Tiếng trả lời ngoan ngoãn của lớp không làm Văn đổi thái độ. Tự nhiên Văn tức giận vô cớ. Anh vẫy tay cho tụi nó ngồi xuống và bắt đầu hỏi bài. Giọng của anh trở nên đáng ghét như mấy giáo sư nổi tiếng là hách dịch, trong những kỳ thi vấn đáp ở Trung học. Nhiều đứa bị roi và ba đứa quỳ dưới bảng.

Khi đóng cuốn sổ điềm lại Văn không nghe thấy tiếng ồ thở ra như mọi khi. Văn giảng bài. Bọn chúng im thin thít Văn đọc bài cho chúng chép, tiếng giấy sột xoạt nghe rõ. Một vài đứa nổi tiếng nói chuyện vừa định nhắm nháy với đứa bên cạnh. Anh lừ mắt, chúng vội giả vờ trở về thế ngồi ngay ngắn nghiêm trang.

Cơn giận cũng đã lắng xuống, chỉ còn ăm ức đôi chút trong óc. Văn cầm phấn vẽ bảng quơ lên bàn. Mặt anh quay về phía cửa sổ hướng tới phía chân núi. Những cây thông nhỏ trơ trọi. Càng lên phía núi cao, thông càng lớn hơn. Giờ ra chơi tụi nhỏ thường uà nhau lên đây kiểm quả ké ném nhau và chơi đuổi bắt.

Trên đỉnh núi một đám mây xám lững lờ. Nhưng cây thông lắc mạnh. Một lát đám mây tỏa ra dần dần xuống chân núi. Những khoảng nắng chợt biến mất. Trời dịu lại và trở nên âm u. Gió mát thổi vào trong lớp học làm bật mấy trang sổ điềm. Văn đóng sổ lại. Mấy đứa viết xong câu thầy đọc đang thơ thần thả hồn theo anh, vội cúi mặt xuống. Văn quay lên bảng mუმ mუმ. Cơn tức giận biến cả. Làm cái nghề này, lắm lúc phải diễn những vở kịch thật tức cười.

Giữa lúc đó mưa rơi lộp bộp trên mái tôn, rồi sau đó xuống rào rào. Văn hí hoáy vẽ hình trên bảng bỗng tiếng vỗ tay sau lưng anh nổi lên rầm rầm tiếng cười cũng to không kém.

Văn quay lại nhìn, ngơ ngác. Cơn nóng giận sắp sửa lại ngún lên. Anh quát:

— Làm cái gì thế?

Lũ học trò im lặng trở lại. Sự im lặng ấy tăng thêm phần thuyết giảng của Văn.

— Các cô các cậu định phá kỷ luật trong lớp hay sao? Muốn phá thì bảo tôi.

Anh ngừng một lúc, đưa mắt nhìn quanh chậm rãi:

— Mưa thì mưa vẫn học như thường. Không phải mưa rơi trên tôn, ồn rồi ngồi nói chuyện đâu.

Cả lớp lại ở trong bầu nín thở. Một bữa học trò gái rụt rè, giơ tay lên.

— Thưa thầy không phải đâu ạ. Các anh ấy vỗ tay, vì mưa, mai khỏi phải đi tưới.

Văn hơi sững người một phút, không hiểu vì cơn mưa làm sự nóng giận của anh không đủ tăng, hay vì câu trả lời của đứa học trò. Thốt nhiên Văn chợt mỉm cười. Cả bọn học trò, từ nãy tới giờ đang ở trong bầu không khí ngột ngạt, được dịp ồ theo. Lần này và những phút sau, Văn không tiếp tục gay gắt nữa. Hai giờ sau cho tụi đệ Thất, chắc anh sẽ dễ dãi hơn ..

Lớp đệ Thất đọc kinh xong. Anh gõ chiếc thước kẻ lên bàn lớp bộp. Tiếng ồn ào chưa dứt. Nhưng cơn gió mạnh thổi bây giờ, mang không khí ẩm ướt ở ngoài vào lạnh cóng. Văn đưa mắt tìm một thằng đang nói chuyện gọi lên đọc bài cho tụi kia im. Mắt anh bắt gặp một đám khói ở sát cửa sổ cuối lớp. Chiếc bàn kê ở đó đã được nhích lùi ra ngoài, nhô khỏi các hàng bàn khác. Dù không tức giận, Văn cũng phải xách roi xuống.

Giữa chỗ trống đó, ba bốn thanh củi được xếp lên, cháy hồng. Anh lập nghiêm — Ai nghịch thế này đây ?

Lũ trẻ im lặng, Anh quay lại thằng Nhân đưa hiệu động vào bậc nhất trong lớp, ngồi ngay chỗ đó.

— Cậu phải không ?

Nó đứng dậy gãi đầu:

— Thưa thầy vâng ạ !

— Tại sao cậu lại nghịch như vậy ? Đưa tay đây !

Văn toan vút cho nó một roi rồi bắt nó quăng những thanh củi đó ra cửa.

Nhưng Nhân không chia tay ra, nó khai:

— Thưa thầy tại rét quá ạ !

Câu khai của nó không phải là không hợp lý. Trên mình nó có mỗi một chiếc áo mỏng manh, nó lại ngồi sát chiếc sò, bị hư không thể đóng lại được. Bao nhiêu ngọn gió đều hướng vào nó cả. Mặc dầu Văn biết có thể nó đốt củi từ lúc ra chơi để nghịch một phần. Nhưng cũng không thể duy trì đám củi ở trong lớp được. Những lần sau hoặc các giờ của các giáo sư khác tụi nó lại lấy cớ để nghịch và khai ầm lên là «thầy Văn cho phép». Văn ngừng lại một giây, anh cởi áo veste :

— Lạnh cũng không được đốt lửa trong lớp. Cậu vút củi đi rồi mặc tạm chiếc áo này !

Nhân vút củi đi, nhưng áo veste nó không dám mặc. Văn đặt chiếc áo cạnh nó rồi đi lên, trong khi tụi học trò reo lên và khuyến khích thằng Nhân «đừng sợ».

Văn đề kệ nó. Anh gõ thước lên bàn giữ trật tự, dở sò ra diêm danh. Văn tưởng trong giờ này anh sẽ giữ được vui vẻ như thường lệ. Anh gọi tới tên con

bé Huyền. Con bé chăm chỉ văng mắt. Đôi mắt anh đưa về phía Ngọc bạn thân nhất của Huyền anh chưa kịp hỏi Ngọc đã thừa:

— Thừa thầy chị ấy xin phép nghỉ ạ. Thầy chị ấy chết ạ!

Nó bậm môi lại nói tiếp theo:

— Thầy chị ấy đi lính, chết, vừa chở xác về trưa nay ạ! Và chị ấy nhờ con xin phép thầy cho chị ấy nghỉ ạ.

Ngồi bút Văn chăm mạnh lên cạnh chữ Huyền. Anh nghĩ tới chuyến xe nhà binh vượt qua anh khi xe bị lún hồi trưa. Anh hỏi thêm:

— Xe nhà binh chở phải không.

Ngọc cúi gằm xuống, khe khẽ gật đầu. Tội nghiệp con bé! Con bé Huyền ngoan ngoãn, anh thường trêu nó luôn. Nó ngồi ở bàn hai, nhỏ người, tính hay khóc. Mỗi lần nói chuyện với anh nó lại nũng nịu kêu lên một tiếng «Thầy» trước khi diễn tả ý tưởng ở các câu tiếp theo. Một hôm nó mặc cái áo len mới, màu tím thẫm, thay cho chiếc áo len đen sờn tay độc nhất từ đầu năm tới giờ vẫn mang trên người. Văn giảng một bài toán cho học trò. Tụi nó chưa hiểu. Con bé Huyền đứng lên hỏi. Anh cắt nghĩa cho nó xong, quay xuống bọn học trò, đùa:

— Học thì phải hỏi. Ai không hiểu cũng có quyền hỏi. Chứ không phải chỉ có áo len mới như cô Huyền mới hỏi đâu nhé!

Cả lớp cười ồ lên. Con bé, xịu mặt, chum môi một tiếng: Thầy! Lát sau anh quay xuống, nó đang khóc. Anh không hiểu tại sao. Khi hỏi Ngọc ngoài giờ học, nó nói:

— Thầy nói thế ai mà chẳng khóc được. Chị ấy có mỗi chiếc áo len mặc từ năm ngoái tới giờ.

Văn ân hận thật sự. Trong lớp có những đứa nhà khá giả, có đứa nhà nghèo. Nhưng khó mà nhận ra được điều ấy, nếu không thăm dò. Cách ăn mặc của chúng sần sần giống nhau.

Bây giờ Văn biết thêm là ba nó đi lính và bị chết. Văn đóng cuốn sò. Anh không gọi đọc bài. Anh giảng bài luôn. Chăm chỉ và lặng lẽ, anh không đùa với học trò câu nào. Ngoài trời mưa rả rích. Trong lớp bắt đầu hơi tối. Văn nhìn chỗ con Huyền. Chỗ của nó trống, anh lại nghĩ tới lần nó gục đầu trên bàn khóc, trong lòng Văn tự nhiên hiu hắt. Một cơn gió thổi vào, Văn thấy lạnh. Anh quay xuống chỗ thằng Nhân. Một tay nó thu lên ngực, tay kia cầm bút, co ro, sửa soạn viết bài. Chiếc áo veston của anh vẫn nằm nguyên ở đó, lơ lửng trong bầu không gian thiếu ánh sáng buồn nản mỗi lúc một xạm thêm..

oOo

Quan tài đặt ở, trên một chiếc sập bằng gỗ mộc chiếc sập độc nhất trong căn nhà vách đất. Màu đỏ chói lập lòe dưới ánh nến. Phía đầu, liền ngay vách là tượng Đức-chúa Giê-su chịu nạn trên cây thánh giá. Một bó hoa huệ

trắng dựng dưới chân quan tài. Hình của người chết ngay ngắn ở chính giữa tấm ván. Với những nghi lễ đó, chiếc quan tài có một vẻ linh nghiêm, khác hẳn với buổi sáng xô lệch trên xe.

Bên phải quan tài, một đôi giày đinh và chiếc áo mưa được xếp gọn ghẽ. Văn ngạc nhiên. Hẳn là những kỷ niệm thân mật của người quá cố. Cả hai thứ tuy vậy đều còn mới.

Mẹ Huyền đứng cạnh quan tài dơ chiếc khăn vải trắng lên thấm nước mắt. Bà mặc áo đại tang. Có lẽ bà đã khóc từ chiều tới giờ mệt sức, nên không còn hơi để kêu gào. Nét mặt mếu máo thỉnh thoảng lại xuất hiện. Dáng chịu đựng của bà làm Văn thương cảm. Huyền cùng ba đứa em đứng ở một góc nhà. Nó sụt sịt khóc. Ba đứa em còn nhỏ mắt đỏ hoe, ngơ ngác lạc lõng. Chúng đều chít khăn trắng.

Xung quanh nhà, mọi người ngồi trên chiếu giải dọc mặt đất đọc kinh. Giọng kinh đều đều buồn thảm. Một người đàn ông, nhỏ thó, đang đứng tiếp khách hộ cho gia đình người chết. Trên đầu ông ta cũng chít một chiếc khăn trắng. Có lẽ là em hay anh của chủ nhà.

Chợt thấy Văn, ông niềm nở :

— Chết, đề thầy giáo đứng từ nãy tới giờ. Mời thầy ra ngoài này soi nước.

Văn cũng không muốn đứng lâu. Anh đi ra ngoài hiên. Một chiếc bàn gỗ mộc và mấy chiếc ghế bầy ở đó. Hai người lính chõ xác về ban trưa cũng có mặt. Văn ngồi xuống chiếc ghế.

Người đàn ông quay ra giới thiệu :

— Đây là ông giáo dạy Trung học.

Văn bắt tay họ. Người đàn ông rót nước. Không đợi cho Văn cất lời hỏi thăm ông nhanh nhẩu :

— Chúng em cảm ơn thầy giáo đã có lòng tới thăm. Gia đình cũng bối rối mong thầy giáo thông cảm.

Cách xưng hô như vậy đã quen thuộc với Văn, lúc đầu Văn hơi khó chịu nhưng làm sao khó chịu hoài được với những tập quán. Văn hỏi thăm về người cha của Huyền. Ông chưa trả lời, một người lính đã đỡ hộ :

— Ông ấy chết ở Biên-Hòa, khi qua chiếc cầu khỉ, bị bắn,

— Bị phục kích ?

— Không, chúng tôi phải qua cầu bắc ngang suối. Tụi nó phục sau hốc đá, đặt trung-liên bắn ra chặn đường. Trung đội chúng tôi biết nhưng phải liều vì không còn lối nào qua cả. Cầu khỉ đặt giữa ngay tầm súng, ông ấy là người thứ ba vượt qua cầu. Chúng tôi phải vớt xác ông ấy ở dưới suối.

Văn tưởng tượng ra cảnh từng người lính vượt qua cầu để sang bên kia và bị bắn rụng xuống như từng con chim một.

— Làm sao các ông qua được ?

Ông ta chỉ người bên cạnh. Ông này vẫn ngồi trầm ngâm, nét mặt khắc khổ trên làn da nâu sạm.

— Ông ấy chạy sang và may bắn trúng ngay đúng ổ trung liên. Không có thì còn khướt.

Văn nhìn người lính khâm phục. Nhưng ông ta vẫn không nói gì, ông cúi xuống, lấy móng tay cạy cạy vào ngón tay, băng quơ,

Người lính chép miệng, nói về bố Huyền :

— Tội nghiệp, ông ấy hiền lành, tử tế, đại đội ai cũng thương. Lúc nào cũng nghĩ tới vợ con chứ không bận mạng như tụi tôi.

Ông ta quay vào trong nhà chỉ chiếc áo mưa và đôi giày.

— Trước khi qua cầu, ông ấy còn tụt giày, đưa cho thiếu-úy dặn : Nếu ông chết đem về cho vợ ông ấy ở nhà, bán đi lấy chút tiền xài ! Nhưng bà ấy định chôn chứ không bán.

Người lính nói câu ấy thản nhiên. Nhưng chính sự thản nhiên đó càng khiến Văn xúc động. Anh thốt nghĩ tới Huyền, tới lần anh đưa nó ở lớp vì chiếc áo len mới. Nhà nó nghèo đến thế sao ? Anh quay nhìn nó, nó vẫn đang sụt sịt khóc. Cạnh chiếc quan tài, đôi giày đinh và chiếc áo mưa chập chờn dưới ánh lửa nền bập bùng. Không hiểu khi tháo giày như thế trước khi vào cũi chết bố Huyền đã nghĩ gì. Văn quay nhìn hai người lính. Một người vẫn tiếp tục cạy móng tay, người kia cầm ly nước lên uống, bình tâm như khi lâm trận, và có lẽ như hành động mà bố Huyền trước khi băng mình qua chiếc cầu cheo leo. Ngoài trời mưa vẫn rơi sấm sục.

Giọng đọc kinh trong nhà đều đều rót vào óc :

— Mẹ Maria, Đức Mẹ Chúa Trời, cầu cho chúng tôi là kẻ có tội, khi này và trong giờ lâm-tử. Amen. »

Văn trở về nhà trọ. Cầu thang gỗ dưới chân anh kêu bật như giọng kinh nản buồn. Văn xòe diêm thắp chiếc đèn dầu. Ánh sáng vàng vọt soi rõ căn gác, ba chiếc giường nằm trơ trọi. Đêm nay có một mình Văn. Chắc chẳng học hành gì được. Văn kéo ghế ra lan can ngồi. Anh hút thuốc nhìn qua dãy núi trước mặt. Trời mưa, bóng đêm mịt mù một khoảng đen, không thấy gì cả. Nơi những căn nhà đối diện, ánh sáng thoi thóp lách qua khe cửa. Mưa đều đều trên căn nhà.

Văn lại nghĩ tới đôi giày đinh, tới con bé Huyền. Đôi giày đinh chập chờn bên chiếc quan-tài, con bé Huyền sụt sịt khóc.

Tại sao lại có một sự sắp đặt trùng-hợp nào đó ? Căn gác có một mình anh. Phương lên thăm. Bố con bé Huyền chết. Tất cả dồn Văn vào những nỗi hiu hắt vô cùng. Cuộc đời chảy từ từ qua con người êm đềm nhưng đau đớn. Tối nay Yến đang ngồi học bài. Ngọc, Minh, Hiền cũng vậy. Nhưng Phương. Phương làm gì tối nay ? Trình có lẽ thịt xương đã tan nát. Một năm trời trôi qua. Sự trùng-hợp kỳ lạ như lần Phương lấy chồng và Trình chết. Anh nhận được cả hai tin buồn cùng trên một tờ báo,

Văn nhớ tới buổi tối ngồi trong quán cà-phê, tới câu nói đùa của Minh khi nghe Phương lấy chồng : « Hôn nhân là một cuộc đổ máu êm đềm, mà trong đó thủ phạm được hoan hô nhiệt liệt và được yêu cầu tái diễn », tới mảnh khăn thấm máu đỏ trên người Trình, lần nó bị thương. Những điều đó Văn quên đi, nhưng hôm nay bỗng trở lại ám ảnh dữ dội.

Trình chết, bố con bé Huyền cũng vậy, thật êm đềm. Những người ở lại ? Huyền chắc chắn sẽ thôi học. Văn lay lắt ở xã hội nhỏ này. Những chuyện chết chóc và thay đổi đó chẳng ảnh hưởng mấy may chi tới chiến tranh, lại càng không ảnh hưởng chi tới những kẻ chủ trương làm đổ máu loài người. Những người đó sẽ được hoan hô nhiệt liệt « Chiến tranh mới chính là một vụ án mạng đổ máu êm đềm, trong đó thủ phạm được hoan hô nhiệt liệt và được yêu cầu tái diễn ». Câu nói không mấy may có một ý nghĩa khôi hài. Mà đó là sự thật, sự thật mọi người đang đón nhận.

Văn vút điệu thuốc vào không gian, đốt lửa đỏ vẽ thành một đường cong rồi tắt ngấm. Văn đứng dậy, trở vào. Ba chiếc giường nằm trơ trọi. Ánh đèn tuy vàng vọt cũng đủ làm quáng mắt Văn. Anh mệt mỏi nhắm mắt lại, và anh thấy hiện trước mặt anh cánh đồng hoang mướt xanh óng vàng và đôi giày đinh cô đơn trên khoảng không gian bao la ấy...

TRẦN-ĐẠI

(trích « Giữa hai vùng đất »)

A. PARAÎTRE

LE CRÉPUSCULE DE LA VIOLENCE

Poèmes, nouvelles, témoignages d'une guerre
par

ĐẶNG THÂN MIÊN — DIÊM CHÂU — DU TU LÊ — LÊ TẮT HƯU
NGUYỄN QUỐC THÁI — TẠ QUANG TRUNG — THÁI LANG
THAO TRƯỜNG — THỂ NGUYÊN — THỂ PHONG

Traduit du Vietnamien par Nguyễn Ngọc Lan et Lê Hào. Prix 80\$

LES ÉDITIONS TRINH BẦY

dirigées par THỂ NGUYÊN et DIÊM CHÂU

Pour toute correspondance : Mr. Trần-gia-Thoại

80/80, rue Trần-quang-Diệu — SAIGON

Hôn nhân dị chủng

Nguyên nhân đi tới ly dị

(Xin xem từ BK.TĐ. số 220)

Anh Ng., cử nhân văn chương và là một thi sĩ trẻ tuổi yêu đời. Cha mẹ Anh nghèo nên chỉ gởi cho anh hằng tháng một món tiền nhỏ vừa đủ ăn học và thuê một cái «Chambre de bonne» (phòng cho con sen ở) ở tầng thứ 7 không sưởi, cũng không nước, không «gaz». Nếp sống thanh đạm của anh Ng. làm cho anh chỉ có thể loanh quanh «thơ thần» ở nhà nên anh có nhiều dịp gặp gỡ và làm quen với một cô «bonne» trẻ tuổi ở phòng bên cạnh.

Tánh nết và sắc đẹp cô L. không có gì gọi cảm được anh Ng. nhưng «chơi dao có ngày đứt tay», và ở đây nguy hiểm hơn nhiều là anh Ng. đã hư hỏng làm tan mất tất cả hạnh phúc mà đáng lý anh cũng được hưởng phần nào trong đời anh. Vì một hôm nọ, cô L. thấy mình khó ở và sau khi đi khám bác sĩ về nhà, cô L. kéo áo anh Ng. Thế là «bỗng nhiên» anh Ng. thành chồng chánh thức của cô L. !

Bắt đầu từ đó, anh Ng. chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ tâm về tư cách của vợ. Chị L. ăn nói ồn ào, múa tay múa chân, mắt trừng mày nhướng, nhất là khi có mặt bạn bè người Việt, anh Ng. thường thở dài chịu trận.

Là cử nhân văn chương mà có vợ như thế nên anh Ng. mắc chứng ghiền bạn. Anh hay mời bạn bè người Việt đến nhà để luận đàm về văn thơ, và mỗi lần anh Ng. được thoả thích về tinh thần như vậy là anh phải chịu một trận mưa men gây gổ của vợ. Chị L. bực chồng nói chuyện hằng giờ với bạn bằng thứ ngôn ngữ mà chị không hiểu mảy may !

Anh Ng. bị dẫn vật không kém khi muốn ăn một bữa cơm Việt với bạn đồng chủng. Chị L. không biết nấu cơm Việt, chị lại không thích thấy chồng đi chợ mua thức ăn Việt, lại hội nấu ăn món canh món mặn món xào, mà cá chiên với tỏi và mùi nước mắm ớt — món ăn chồng chị ưa nhất — là mùi chị ghét nhất. Trong bữa ăn, chị rất trái mắt khi thấy đĩa chén lu bù và mọi người cùng ăn chung một món trong đĩa hoặc trong tô.

Cứ mỗi lần đãi bạn để có người nghe văn thơ của mình là anh Ng. không tránh khỏi giận hờn gây gổ liên tiếp với vợ trong một hai ngày.

Vì thương con và muốn giữ êm ấm gia đình nên anh Ng. cố chiều vợ, ít mời bạn về nhà. Tuy vậy anh rất khổ tâm vì nỗi cô độc trong hồn mình, hơn nữa anh cũng muốn cho vợ làm quen với những cảm nghĩ của mình để vợ chồng có thể ở lâu dài. Nhưng khổ nỗi, vợ anh không thuộc hạng người có thể len vào những chỗ sâu kín nhất trong hồn anh. Nếu anh có nói đến văn chương thì vợ anh bảo điều đó không cần thiết bằng có đồng lương cao để có đời sống sung sướng đủ tiện nghi. Anh có nhắc đến cảnh chiều êm ả thuở anh còn ở quê nhà, anh thường bơi xuồng trong rạch đi câu cá, lội ruộng đuổi chim hay ra bờ sông ngắm mây khi mặt trời lặn thì vợ anh bâu môi bảo không thể chịu nổi nước sông, muỗi mòng, nắng cháy, mưa dầy ở xứ anh. Anh có nhắc đến mẹ già em đại thương yêu anh và mong đợi anh thì vợ anh rùn vai nguội lạnh : « Ai có cuộc đời nầy. Còn vợ anh đây chi ? Tôi không thể sống chung đụng với mấy người đó, vả lại tôi chưa quen biết nên không có cảm tình gì với họ hết, anh đừng nhắc mãi tôi bức ». Mấy lúc đó là những phút hồn thơ anh Ng. bay mất, anh moi óc nghĩ kà xem trong hai vợ chồng anh, người nào có lý !

Bạn cũng biết, không dễ mà gột rửa được những gì đã có trong tiềm thức người ta. Có những buổi chiều hè nhlin mây hồng nương gió, anh Ng. nhớ quê xúc cảnh đặt thơ và khi sáng tác được thơ hay anh chỉ tới lui ngâm nga một mình. Vợ anh không hiểu cũng không ưa, làm cho anh thấy cô độc lạ lùng. Nhiều khi anh không dẫn được nao nức trong lòng nên gọi vợ lại dịch thơ anh ra tiếng Pháp cho vợ nghe rồi anh thích chí ngâm to lên thì vợ anh khoát tay và bảo anh hãy đi rửa chén ! Chị không hiểu được lời thơ, không cảm được ý thơ thì nghe giọng ngâm rền rĩ tiếng nói líu lằng của anh chỉ làm cho chị khó chịu thôi. Chị chỉ nói đi xem hát bóng, ăn cơm tiệm hay đi dạo phố còn thú vị và có ích hơn ở nhà nghe anh ngâm thơ !

Anh Ng. không muốn cho con anh chứng kiến sự bất hòa cãi vã giữa cha mẹ nên thường khi anh phải nuốt bực mà chiều vợ đi xem hát, dạo phố hay ăn cơm tiệm.

Chỉ vì vô ý, đại dột mà anh Ng. thấy mình đã tự giam hãm cuộc đời mình vào một thứ gông cùm tuy vô hình nhưng chẳng những nó làm thương tổn tâm hồn, tự ái, danh dự mà còn là một cái hố sâu ngăn cách giữa anh và quê hương thân quyến của anh đến suốt đời.

Nhiều đêm, thành phố ngủ yên, trên lầu cao, anh Ng. buồn thao thức nhìn trăng và khe khẽ ngâm thơ rồi không biết chia cùng ai những xao động trong lòng anh lại kêu vợ bảo rằng trăng ở quê anh sáng đẹp, màu trời xanh trong và sao mọc nhiều hơn ở Pháp. Rồi anh cao hứng kể tên những văn nhân, thi sĩ danh tiếng cổ kim của quê anh đề ca ngợi trăng như thế nào thì vợ anh phui tay tru tréo rằng chị mặc kệ trăng đẹp và văn thơ của thi sĩ quê anh. Đối với chị, các thứ đó không nghĩa lý gì cả. Đời sống vợ chồng anh chưa dư dả và sang trọng như thiên hạ mà anh không lo cứ lần thân với những trăng thơ, ruột thịt, làng nước của anh mãi thì chị sẽ đi chơi một mình.

Bạn có lạ gì, với cái thiếu thốn khao khát của một người đã sống đời con sen khi được thăng làm bà cử. Trong trường hợp chị L., những thức ăn tinh thần chỉ là vô dụng không giá trị, mà nó phải được thay vào bằng miếng ăn thức uống, các thứ dùng trang hoàng nhà cửa cho đến tất cả vật

dụng sang đẹp dùng đi ra ngoài để được bằng thiên hạ. Rồi lần lần, tuy chị L. không còn kể gì đến anh Ng. nhưng chị vẫn tựa vào cặp bằng cử nhơn của anh để làm nấc thang giao thiệp đó đây, tự cời lột con sen cho mình và tìm đường đi lên.

Anh Ng. không thể mang suốt đời một người vợ quá hàm hồ trơ trẽn, và lại rút kinh nghiệm ở những hạnh phúc tan vỡ của bạn bè, anh thấy quyết định càng sớm càng hay nên mặc dầu anh rất thương con, anh cũng xin ly dị. Cố nhiên, vợ anh giữ con và anh cấp dưỡng.

Anh Ng. tưởng mình từ đó đã thoát khỏi gông khóa nợ, không ngờ thứ tình cảm mù quáng không được lý trí hướng dẫn của anh lại đưa anh vào một thứ gông cùm khác! Trống chơn, anh Ng. đến nhà một người bạn Việt. Cô Y, người Hòa-Lan, vợ anh này cho biết cô và bạn của anh đang ly thân, nhưng khổ nỗi, cô đang có mang lệt bệt gần ngày sinh không có tiền cũng không ai giúp đỡ. Anh Ng buồn phận mình, nhớ con, thương thân lang thang, lại gặp có người cần đến mình nên anh cũng tới lui giúp đỡ vợ bạn.

Sanh nở xong, cô Y còn yếu không tiền sống và nuôi con. Anh Ng. dù muốn dù không trong trường hợp này phải tiếp tục cái vai trò « ân nhân » cho đến ngày cô Y. thấy không thể thiếu anh trong cuộc đời cô được. Anh Ng. không nỡ từ chối, và lại con của vợ bạn cũng an ủi anh nhiều trong những lúc anh nhớ con. Nhưng khi ở với nhau rồi, tâm hồn mỗi bên mới bắt đầu « thoát y »!

Anh Ng. nhận thấy cô Y không khác cô L. bao nhiêu nên anh cất kín hồn thơ vào một chỗ và tránh việc đem bạn đồng chủng về nhà để khỏi gặp cảnh rầy rà. Mỗi lần anh đến chơi và ăn cơm nhà các bạn Việt, thì anh phải dắt con của vợ theo để vợ có thì giờ nghỉ ngơi hoặc mua sắm. Trước khi về nhà, anh Ng. thường xin bạn ít hột cà phê nhai cho miệng không còn mùi mắm, mùi tỏi! Không vậy thì sẽ có cãi vã lời thôi.

Có vợ, có con mà anh Ng. luôn luôn cảm thấy mình cô độc. Đứa con gái ruột của anh chịu giáo dục của mẹ cũng xài phí và trơ trẽn như mẹ. Nó xem anh như một cái máy sản xuất nhu cầu vật chất cho nó mà không có chút kính nể và tình thương, nó đến anh chỉ khi nào nó cần có tiền mua sắm! Còn về cô Y thì cũng may là anh chịu đựng với cô trong 3 năm, nhưng không cưới hỏi. Chán ngấy với nếp sống trần truồng ích kỷ của những người này và lo sợ cho tương lai mình, anh Ng. âm thầm lo giã từ và một hôm nọ, anh từ giã bạn bè rồi rời khỏi nước Pháp.

Có lẽ Ng. mang hồn thơ đi tìm người lý tưởng chăng?

Trong trường hợp này bạn thấy rõ: Chẳng những vì sự cách biệt nhau trong nếp sống hằng ngày mà trong đời sống tinh thần, một đôi vợ chồng dị chủng cũng không thể có cùng một nhận thức về mọi sự việc để có một thưởng thức, một nhịp điệu rung cảm tương tự hoặc giống nhau trong tâm hồn, cho nên họ không thể cảm thông với nhau để có thể ăn ở với nhau được lâu dài.

Clinique de Passy, Balê, 10-7-1966

MỘNG-TRUNG.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9è

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Dạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmûon Sâr

Téléphone : 24.37 et 24 38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 25 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc)*

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Một mùa hè ở Mạc-Tư-Khoa

M. Mihajlov, văn sĩ kiêm giáo sư đại học ở Nam tư, sau một chuyến đi Nga về, viết bài đăng báo nói về Nga xô. (1) Bài « Một mùa hè ở Mạc-Tư-Khoa » đã bị kết án hồi tháng 7-1965. Năm nay, tòa án Zadar lại chánh thức quyết định tống giam Mihajlov, hôm 8.8-1966. Theo luật lệ ở Nam Tư, Mihajlov có thể bị 1 năm tù : Một mùa hè ở Nga, một năm tù ở Nam Tư.

Shakespeare và Tolstoi lâm nạn ở Bắc-Kinh.

Shakespeare và Tolstoi vẫn được giới văn-hóa Âu Mỹ gần như đồng thanh coi là hai thiên tài văn học lớn lao vào bậc nhất của nhân-loại. Vừa rồi cả hai đều bị cuộc cách-mạng văn-hóa (với pháo nổ vang lừng ở Bắc-Kinh) của Trung-Cộng lên án nặng nề. Tolstoi bị kết tội có « quan điểm xét lại », Shakespeare có tư tưởng phong kiến, tư sản : Các tác phẩm bị chú ý nhiều nhất là *Anna Karénine*, *Othello*, *Roméo Juliette*, *Vua Lear*.

Mới ngày nào trên bìa bản Việt-dịch bộ *Chiến tranh và hòa bình* của Tolstoi xuất bản ở Hà Nội, có in một câu của Hồ Chí Minh tự xưng mình là học trò bé nhỏ của Tolstoi. Cậu học trò này sẽ chia buồn ra sao với thầy trong cơn hoạn nạn ?

Một già một trẻ.

G. Steinbeck là văn sĩ lão thành của Hoa Kỳ. Còn nhớ hồi ông được giải Nobel, có người tới phỏng vấn, ông tỏ ý rất ngại ngùng : từ đây ông viết lách cái gì, có tuyên bố điều gì không phải chỉ mình ông chịu trách nhiệm, mà ông sẽ không khỏi ngăn cấm người ta liên tưởng đến danh nghĩa giải Nobel.

Như vậy chắc chắn từ đó J. Steinbeck rất thận trọng, giữ gìn từng lời vàng tiếng ngọc. Bởi vậy mỗi khi ông mở miệng tất là việc quan trọng.

Thế rồi, mới đây ông hươ bút cãi nhau với E. Evtchenko, một thi sĩ lớp « hôm nay » của Nga-xô. Lý do quan trọng khiến ông già nổi giận lần này là : Việt Nam.

Vì Việt Nam, J. P. Sartre tuyên bố lung tung, hung hăng ra trò. Vì Việt Nam, A. Miller vùng vằng không dự tiệc của tổng thống Jonhson. Xin cứ « dẫn thân » nữa vào. Hân hạnh cho Việt Nam quá ! Trên mặt trận quân sự, chiến tranh VN chưa leo thang tới mức quốc tế, nhưng trên mặt trận văn hóa thì ngọn bút đã xĩa từ Hoa-Thịnh-Đốn tới Mạc-Tư-Khoa rồi đấy. Và đây là thứ « bút liên-lục-địa. »

(1) Xin xem Bách Khoa số 260 ngày 1-8-1965

Một chuyên viên trước Thượng Nghị Viện.

Năm 1959, một vụ án mạng xảy ra ở miền Kansas. Nhà văn Truman Capote vội vã bỏ bộ đồ sang trọng lại Nữ Ước, mặc ka-ki, đội chiếc mũ lưỡi trai của lính, xách va ly đi thẳng tới chỗ xảy ra án mạng. Ông ở đây 6 năm, trò chuyện với mọi người, lân la kết thân với hai tên hung thủ, biểu mỗi tên 50 ngàn đô-la để được kể cặn kẽ về cuộc đời của hắn. Ông ghi chép độ 6 nghìn trang giấy. Rồi trong ba năm sau cùng ông dọn 6 nghìn trang tài liệu ấy thành một cuốn truyện.

Cuốn *In cold Blood* vừa in ra cứ mỗi ngày bán được chừng vài chục nghìn cuốn. Thành công như cuốn *Cuốn theo chiều gió* ngày xưa. Tới nay ước chừng tác giả thu được độ hai triệu đô-la tiền tác quyền.

Không còn hồ nghi gì nữa; Truman Capote hiện là 1 nhà văn thượng thặng, hốt bạc nhiều nhất và nổi danh nhất ở Hoa Kỳ trong lúc này.

Nhưng điều không ai ngờ đến là ông lại càng nổi danh thêm như một người am hiểu về tâm lý kẻ sát-nhân. Tác phẩm của ông vừa rồi chẳng phải là một một cuộc phanh phui hết sức tỉ mỉ, xác thực và sáng suốt về một vụ ám sát đó sao ?

Nhân vừa rồi có một thanh niên giết luôn một loạt tám cô y tá làm xôn xao cả dư luận tận bên Phi-iuật-Tân, thượng nghị viện Mỹ này ra ý kiến mời Truman Capote tới phát-biểu ý-kiến trước vụ này. Nhà văn tha hồ nhận định. Nghe đâu giới chuyên môn không mấy khen ngợi.

Ông J. P. Sartre yêu hòa bình

Sartre đã từ chối giải Nobel trong khi Pasternak và Cholakhov vui vẻ nhận giải. Sartre lại vừa đòi « oánh » Mỹ bằng chết mới nghe, ông ta xúi Nga vác bom nguyên-tử quăng đại xuống nước Mỹ cho chết bỏ đời quân xâm-lăng đã dám động tới Bắc-Việt.

Người bảo hoàng hăng quá xá đến « Vua » cũng phải ngượng mặt. Tạp chí *Humanité* nói J. P. Sartre là « chiến lược gia sử dụng hỏa tiễn nguyên tử trong phòng ở Saint Germain des Prés » và mắng cho chiến-lược-gia mấy câu thân ái.

Lại được biết rằng nếu không có gì trở ngại thì Sartre với Simone de Beauvoir cùng sẽ được ngồi xử án Hoa Kỳ tại Paris (do lời mời của ông cụ B. Russel từ Anh vừa qua). Ông nọ mà gặp bà kia, các « chiến lược gia trong phòng » tha hồ đánh bằng thích nhá !

Các bà khoái món gì ?

Giorgio Bocca, trong cuốn *Nước Ý hôm nay* (bản tiếng Pháp : *Italie d'aujourd'hui*) phơi bày nhiều điểm thật ngộ của nước Ý mới, nước Ý sau cuộc tiến vọt như phép lạ.

Sau đệ-nhi thế-chiến, từ một nước nghèo nàn, Ý phát đạt nhanh chóng, « lớn như thổi », cuộc sống của hầu hết mọi người bỗng thay đổi không ngờ. Người Ý trở nên giàu có, đâm ra có những tật chứng mới : tật xài tiền, xài vô kể, xài bậy xài bạ, xài như điên, làm cho vật giá vọt lên phi lý. Tật mê xe hơi : xe vừa mua vừa làm ra được khi kịp làm đường cho nên kẹt xe dữ dội. Xe mua về xài mà dân Ý mới làm quen với máy móc, chưa thông thạo như

người Mỹ, như dọc đường thường gặp cái cảnh xe hỏng, chủ xe đứng trơ mắt ếch, nhìn vào bộ máy kinh hãi như nhìn vào một huyền nhiệm đáng kính. Tật mê nhà: nhà cất nhiều quá, gấp quá, chuyên viên không có đủ, cho nên tay ngang xoay ra làm thợ, thợ làm cai, cai đứng ra vỗ ngực làm nhà thầu, kiêm luôn kiến trúc sư; kết quả là nhà xây lên đã xiên xẹo, sụp xuống, làm chết có lần hàng 58 người một lúc. Chủ nhà kiện nhà thầu, tòa đem ra xử, nhưng tòa nhà họp để xử án cũng dọ sụp đổ nữa!

Nước Việt đang lớn mạnh có nhiều điều để học hỏi ở nước Ý.

Riêng về mặt văn hóa, Đông Tây cũng tìm thấy vài chỗ gặp gỡ thân ái. Báo hàng ngày ở Ý thường có nạn cho thuê: cứ mỗi vị độc giả đọc hai giờ, bỏ ra mấy đồng lire; cuối cùng sập báo góp hết mấy tờ báo xấu số nhàu nát ấy lại, trả cho tòa soạn cùng với loại báo ế. Một cuốn sách nghiên cứu vỡ đầu vừa in xong đã được loan tin: bán đến nghìn thứ 14, thứ 15.

Tạp chí thì sau nhiều dò dẫm đã nhận thấy rằng chính trị với nghệ thuật cao siêu đến đâu cũng không bằng gãi đúng chỗ ngứa của các bà các cô. Bởi vì phụ nữ là khách hàng đông đảo nhất của tạp chí. Vậy phụ nữ thích gì nào? Hồi 1937, tờ *Confidences* ở Pháp thành công với công thức này:

- 40 % bài vở dành cho « truyện lòng »,
- 30 % cho thời trang,
- 15 % cho những lời mách giúp lật vạt,
- 10 % để mở mang kiến thức phổ thông,
- 5 % chuyện gia chánh.

Đến 1965, thì tạp chí phụ nữ ở Ý có thay đổi công thức đôi chút.

- 40 % dành cho thời trang,
- 25 % cho những bài có tí ti tình cảm cộng với tí ti... dâm dục,
- 25 % mách giúp,
- 5 % mở mang kiến thức phổ thông
- 5 % gia chánh.

Hai điểm thay đổi đáng nêu: thời kỳ này kiến thức bắt cần mở mang, còn tình cảm « thuần túy » thành ra nhạt nhẽo quá, không dùng được nữa.

8-1966

TRÀNG-THIÊN

đón đọc:

NHỮNG MÙA KHÔNG NẮNG

- tiếng thơ tuổi trẻ — quê hương chiến tranh của nhóm bạn trẻ: ĐỖ QUẾ LÂM, HỒ TRƯỜNG AN, ĐOÀN YẾN LINH, HOÀNG TƯỜNG LONG, TRẦN NHƯ LINH THUẬN

Bìa: HỒ NGỌC THU

Trình bày: NGUYỄN THỊ THỤY VŨ

tháng chín 1966

mời đọc

những đường lối bình định nông thôn

khảo luận của KIÊM THÊM

TRỊNH - KIM

MONG - ĐƠN

Bác-sĩ chuyên-khoa — Bệnh ngoài da
Tốt nghiệp Đại-học Y Khoa PARIS

78 Cao-Thắng Saigon

Sáng: 7g30 đến 8g30

Chiều: 5g30 đến 7g

2 đêm nhạc thanh niên

1. đêm nhạc hoàng quý

Hoàng-Quý người nhạc sĩ trẻ, có tài đã im tiếng từ hai mươi năm nay. Anh đã mất đi nhưng tiếng hát của anh vẫn còn. Những bài hát thật tươi trẻ như "Nước Non Lam Sơn" như "Chùa Hương", như "Ngày Xưa"... mà mọi người từ thành thị đến thôn quê đều hát.

Chúng ta, ai là người không ấp ủ bằng những bài hát Hoàng Quý?

Nhưng Hoàng Quý đã mất, ngôi sao đã tắt từ những ngày còn xuân. Nhân dịp kỷ niệm 20 năm Hoàng Quý, một số thanh niên đã tổ chức đêm Hoàng Quý tại Bộ Thanh Niên ngày 31-7-66.

Tham dự đêm Hoàng Quý có ban nhạc Thanh Niên và một số nghệ sĩ đàn anh đã từng sống với Hoàng Quý như Lê Thương, Phạm Duy...

Trong đêm Hoàng Quý, ngoài những ca khúc cũ được hát lên tập thể, một anh trong ban Trầm Ca đã cất công lên tận Đà Lạt tìm tài liệu để trình bày về tiểu sử Hoàng Quý. Nhạc sĩ Lê Thương, người có những ngày tươi trẻ với Hoàng Quý cũng nhắc lại đời sống tình cảm của Hoàng Quý, nhắc lại lòng yêu mến bạn bè và sự sốt sắng giúp đỡ anh em của người nhạc sĩ trẻ đầy tình cảm ngày xưa.

Đêm Hoàng Quý đã tạo được ảnh hưởng Hoàng Quý trong gần ba trăm thanh niên có mặt hôm ấy.

2. đêm sinh hoạt nhạc trẻ

Đêm nhạc Hoàng Quý đã tạo được cái âm hưởng mệnh mông trong ký ức người thanh niên thì đêm sinh hoạt nhạc trẻ 5-8-66 đã tạo được không

khí vui tươi nơi những người trẻ tuổi.

Đó là một đêm nhạc Thanh Niên với những bài Trầm Ca, Tâm Ca và Dân Ca.

Với mục đích tạo cho sinh hoạt văn nghệ trong giới trẻ, Chương trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường đã tổ chức đêm sinh hoạt văn nghệ đầu tiên mang tên là Đêm Nhạc Trẻ tại trụ sở 69 bis Gia Long.

Tham dự đêm Nhạc Trẻ có ban nhạc Thanh Niên như ban Trầm Ca, ban Nguồn Sống, ban Trùng Dương, ban Phù Sa... và trên 500 nam nữ thanh niên.

Các thanh niên ngồi trên ghế, ngồi dưới chiếu chật cả một căn nhà năm gian. Những người đến sau đứng tràn cả ra ngoài hiên. Cái đặc biệt của Đêm Nhạc Trẻ là tất cả các thanh niên vừa là người trình diễn, vừa là người thưởng thức: Tiếng hát cùng chung, nhịp tay cùng vỗ. Chung một niềm vui.

Bên cạnh những khuôn mặt trẻ, người ta còn thấy có nhạc sĩ lớn tuổi Phạm Duy và danh ca Hoa Kỳ Steve Addis đến góp tiếng hát.

Đêm nhạc trẻ kéo dài suốt 2 tiếng rưỡi đồng hồ và khi chia tay, những bài Dân Ca cũng như Trầm Ca và Tâm Ca còn gây xao xuyến cho mọi người.

VŨ DZŨNG

đã phát hành:

DỊCH - HẠCH

Truyện của A. Camus bản dịch của Hoàng-Văn-Đức. Một trong những tác phẩm lớn lao nhất của thế kỷ 20. Tác phẩm bán chạy bậc nhì sau 15 năm hoạt động của nhà xuất bản Gallimard

THỜI MỚI xuất bản — giá 140\$

Nhà giáo và văn-hóa dân-tộc

Sau « Đại Hội bảo vệ văn-hóa dân-tộc » được tổ chức tại Tòa Đô-Chánh sáng chủ nhật 7-8-66, thì tuần kế tiếp, sáng chủ nhật 14-8-66, Nghiệp đoàn giáo học tư thực lại tổ chức tại trường Quốc-gia Âm-nhạc một cuộc hội thảo về đề tài : « Vai trò của một nhà giáo trong công cuộc phát huy tinh-thần văn-hóa dân-tộc ». Thính giả tới dự cuộc hội thảo thực đông đảo, gồm các thành phần : nhà giáo tư và công, sinh viên, học sinh, các nhà văn, ký giả... không còn một ghế nào trống.

Mở đầu, ông Lương-Lê-Đồng, Chủ tịch nghiệp đoàn giáo học tư thực, nói về mục đích cuộc hội thảo, giới thiệu chủ tọa, thư ký đoàn và thuyết trình viên của cuộc hội thảo : nhà giáo và cũng là nhà văn Lữ Phương (1), mà bạn đọc Bách-Khoa đã quen biết qua một số bài phê-bình văn-học trên Bách-Khoa Thời-Đại trong mấy tháng vừa qua.

Trước hết nhà văn Lữ Phương đặt câu hỏi : Có thực có một nền văn-hóa dân tộc hay không ? Sau khi phân tích để thấy sự khác biệt của con người Việt Nam ở từng lớp xã hội khác nhau, ông cho rằng : « Có một thực tại gọi được là dân tộc VN thì thực tại ấy chắc chắn không thể chỉ bao hàm một số người bé mọn, nhưng phải xây nền đắp móng trên cơ-sở đông đảo những con người VN trước những vấn đề chung của họ ». Do đó « không thể lấy chuyện của một nhóm người đề cao đàm chuyện dân tộc » và không thể quên được đông đảo lớp người « cần lao chân tay hoặc trí thức » « những con người chịu bao nỗi thiệt thòi do bất công cùng ly loạn từ bấy lâu nay »

Từ nhận định này nhìn vào văn hóa của chúng ta, ta thấy chỉ là sinh hoạt văn-hóa của một số quý - tộc ngày xưa và của một thiểu số trí-thức ngày nay. Có gì là dân-tộc khi Đinh-Xuyên-Hầu đời Lê làm phú mừng bạn có vợ lẽ, khi chàng Trương trong « Bướm Trắng » phiến muộn với mối tình của mình, khi rêu rao « nổi ám-ảnh siêu hình thao thức về thân phận con người một cách mơ hồ giả tạo », khi phô bày những « trò kêu đòi nhục dục chẳng khác gì súc vật »... ? Một nền văn-hóa dân-tộc chỉ thành tựu được trong một chế-độ dân-chủ, một xã hội không phân hóa thành lớp thống trị, lớp bị trị, để văn hóa khỏi bị một nhóm người lợi dụng, xử liệu như « một phương tiện tinh thần để bảo vệ sự an toàn của mình ».

Một nền văn hóa dân tộc phải có một nội dung « đi đôi với điều kiện hướng về biểu hiện cho dân tộc cái bất bình, tỏ bày cho dân tộc những khát vọng trước những vấn đề chung có liên - hệ đến số phận của mọi người ». Đời Trần, đời Lý thì ta phá Tống bình Nguyên; đời nô-lệ vừa qua thì ta đánh đuổi quân xâm lược. Hết chiến đấu chống thực dân lại chiến đấu cải tạo xã hội. Ngày nay thì niềm ước mong của ta là xã hội được cải thiện theo hướng dân chủ để xóa mọi bất công.

Hai trở ngại quan trọng cho sự phát triển của nền văn hóa dân tộc là giòng văn hóa dâm-ô đồi-trụy và sự tiếp nạp bừa bãi những giá trị tiêu cực và đồi phế của nước ngoài, đặc biệt của Tây

(1) Bài thuyết trình được đăng trọn vẹn trên Tin Văn số 6 (12-8-66).

phương. Ngoài ra còn phim sexy, còn tiểu thuyết «đen», còn truyện «kiếm-hiệp».

Tóm lại « gắn liền với nhu cầu dân chủ là tiến bộ, một nền văn-hóa gọi được là dân tộc nếu một mặt vừa phát huy truyền thống anh dũng của giống nòi vừa quay ra nước ngoài tiếp thu những giá trị tích cực » mặt khác chống lại giòng văn hóa thác loạn, dâm ô, mất gốc tại các đô-thị.

Nhà giáo hăng ngày chứng kiến sự phá sản tinh thần dân tộc nơi học đường : học sinh có những thói tục lố lăng, ngôn ngữ, hành vi xem thường dân tộc, khinh rẻ quốc văn, viết sai chính tả, viết trật ngữ pháp. Tình trạng đó, trách nhiệm phải về phần các nhà giáo.

Do đó mà diễn giả kết luận : « Đã đến lúc các nhà giáo liên kết lại trong những tổ chức của mình, kết hợp với những hội đoàn tiến bộ khác để cùng chia xẻ trách nhiệm chung hầu làm cho lực

lượng duy trì và phát huy văn hóa dân tộc được vững mạnh hơn. »

Sau phần thuyết-trình, các thỉnh giả đã phát biểu ý kiến sôi nổi và ban chủ tọa đã biểu quyết, đề kết thúc cuộc hội thảo, trao quyền cho nghiệp-đoàn giáo học tư thực, xúc tiến việc thành lập một Liên-Hiệp giáo chức với nhiệm vụ phục hồi giá trị nền văn-hóa dân-tộc. Cũng nên ghi thêm rằng : Ban chấp-hành lâm thời Hiệp-hội Văn-học Nghệ-thuật, do nhà thơ Á-nam Trần-Tuấn-Khải và kịch-tác-gia Vi Huyền Đắc làm Chủ tịch và Phó-chủ-tịch, trong phiên họp ngày 6-8-66, đã ra một Tuyên-ngôn : Tán thành biện pháp cấm sách báo phim ảnh đồi-trụy của chính quyền mà Hiệp-hội sẽ nêu ra một tiêu chuẩn cấm lưu hành công bằng hợp lý, nhiệt liệt hưởng ứng Đại Hội văn hóa dân tộc và kêu gọi các văn nghệ sĩ đấu tranh cho một nền văn-học dân-tộc và lành mạnh.

THẾ NHÂN

Lễ truy-diệu Trương-Công Định

Hồi 9 giờ sáng chủ nhật 21-8-66, một số đông nhà giáo, nhà báo, nhà văn, sinh viên, học sinh, tề tựu tại thánh đường trường Quốc-gia âm-nhạc để dự lễ truy điệu một vị anh hùng miền Nam có công chống xâm-lăng, khởi xướng phong trào bình Tây sát tả. Vị anh hùng ấy là lãnh binh Trương-Công-Định, người anh hùng Đầm lá ở Gò Công mà cái chết liệt oanh của ông đã làm cho nhà thơ Nguyễn-dinh-Chiều phải rơi lụy bỏ ăn bỏ ngủ. Buổi lễ do Ban quản trị tập san Sử địa phối hợp với Nhóm Sử địa trường Đại Học Sư Phạm Saigon tổ chức. Tuy đơn giản mà long trọng với khói hương nghi ngút cuộn tròn trên lá quốc kỳ.

Sau khi chào cờ và mặc niệm vị anh hùng dân tộc, ông Chủ-nhiệm tập san

Sử địa trong ban tổ chức lên nói về mục đích cuộc lễ là khơi dậy nếp sống truyền thống của dân tộc ta đã mấy ngàn năm tỏ ra bất khuất trước mọi cuộc xâm lăng. Gần ta nhất là cuộc xâm lăng của thực dân Pháp. Sau khi ba tỉnh miền Đông lọt vào tay thực dân, sĩ phu miền Nam nhứt trí đứng lên và trong nhóm sĩ phu ấy, Trương công Định chiêu mộ nghĩa quân, cuối cùng, chí sĩ Trương-Công Định bị bắn chết đêm 19 rạng ngày 20-8-1964, lúc ấy mới 44 tuổi. Đề buổi lễ ghi sâu vào tâm khảm mọi người, tập san Sử địa mời nhà văn Hồ-Hữu-Tường nói chuyện về « Hiện-tượng Trương-Công Định » (1).

(1) Bài diễn văn đăng trọn trong tuần báo Hòa-Đồng số 82.

Trước khi vào đề, diễn giả tỏ lòng tri-ân vị anh hùng Trương-Công-Định đã là tấm gương sáng cho diễn-giả và cũng nhờ lòng cảm mến đối với vị lãnh đạo kháng Pháp miền Nam này mà thính giả tới dự đông đảo.

Hồ quân thanh minh ngay rằng mình không phải là sử gia chuyên nghiệp nên « không dám dấn động đến cái thật tượng Trương-công-Định ». « Là người đọc sử, học sử, nghe nói, nghe đồn về những sự kiện lịch sử » nên diễn-giả « chỉ xin phép nói về cái hiện tượng Trương-công-Định mà thôi. »

Sau khi kể lại nguyên quán, dòng họ gia cảnh của Trương-Công-Định diễn-giả nói rằng : « nếu phải lấy một phạm trù mác xít nào đó dán nhãn cho Trương Công Định, thì một cách máy móc phải nói rằng : Trương Công Định vốn con nhà phong-kiến, bản thân là một đại-diễn-chủ, có thể nói là một vị phú hào ?

Nhưng : « Không phải con nhà phong kiến nào, đại diễn chủ nào, phú hào nào cũng là hạng bóc lột; áp bức dân đen và chỉ lo việc phản dân hại nước. Ví dầu việc đó là công lệ đi nữa thì Trương Công Định chắc chắn là ngoại lệ. Hiện tượng Trương công Định anh hùng dân tộc không phải một sớm một chiều mà có được. Trương Công Định đã từ lâu lập công, lập đức, đã chinh tâm, thì khi cất tiếng kêu gọi mới có muôn người nhứt tề đứng dậy mà hưởng ứng ».

Năm 1860, quân đội Pháp đánh chiếm Gia định. Binh đội triều đình tan rã. Các sĩ phu trong Nam cùng nhau đứng lên chống xâm lăng. Nhưng trong lớp người lãnh đạo gồm các cử nhơn, tú tài các ông phủ ông huyện, duy chỉ có mình Trương công Định là thường dân, là địa chủ.

Họ Hồ tiếp t « Đề so sánh kẻ anh hùng, từ muôn thuở, không ai đem khoa nghiệp, địa vị xã hội, chức tước tiền của, đề làm cây thước mà đo cả... Lịch sử đã ghi lại rằng chính là người ở bậc chót hơn hết của cây thang xã hội, một thường dân không khoa nghiệp là Trương công Định lại mặc nhiên được tất cả nhìn nhận là người lãnh đạo Cho hay, nếu bảo rằng lịch sử không bao giờ lập lại, âu cũng đành nhìn nhận như vậy đi. »

Vấn đề mấu chốt hôm nay cần rút tĩa một kinh nghiệm lịch sử trong công cuộc chống xâm lăng là tìm những yếu tố nào đã cấu kết cái mà Hồ quân mạo muội gọi là hiện tượng Trương Công Định. Xét về khoa cử, chức tước, địa vị xã hội, nhiều tiền, lắm của, thì người anh hùng đất Gò Công chỉ có một cái thể lợi duy nhất là làm quản cơ của một tổ chức dân quân khá to, lo khai khẩn ruộng đất. Thời bình, đội ngũ binh làm ruộng phá rừng, thời chiến, họ gia nhập vào công cuộc chống xâm lăng.

Còn điểm thứ hai cấu tạo hiện tượng Trương Công Định mà Hồ quân muốn nhấn mạnh là : « Trong mấy năm khăn hoang, lập ấp, Trương Công Định đã có lập công, lập đức gì đó mà sử liệu không ghi, nhưng mà những công đức đó ví như những hạt giống, gieo sẵn trong lòng của dân, nên đến lúc hữu sự, Trương Công Định gặt được phong dinh thành mẫu hơn những vị quản cơ khác. »

Giữa lúc nước nhà đảo điên, bọn phản dân hại nước mọc lên như nấm, chúng ta thấy song song với hiện tượng Trương Công Định còn xuất hiện hiện tượng Phan-Thanh-Giản. Một bên chủ trương «thà thua xuống lạng xuống bưng, kéo ra đầu giặc lồi churen quân thần»; một bên chủ trương cắt đất cầu hòa để

cứng cổ lại hàng ngũ, cốt mong một ngày mai huy hoàng hơn của dân tộc.

Sau đó, họ Hồ xét qua chữ trung của Trương Công Định. Khi tự xưng mình là Trung thiên tướng quân, người anh hùng đất Gò công muốn cho người đời biết Người chỉ hành cái chánh đạo. Mà cái chánh đạo. Mà cái chánh đạo theo Trương Công Định hiểu là kháng Pháp cho đến kỳ cùng mặc dầu triều đình Huế có thái độ nào với thực dân Pháp.

Ngừng trong chốc lát để lấy giọng, diễn giả tiếp: "Sở dĩ tôi phân biệt sự kiện và huyền thoại, ấy bởi tôi dựa vào thành kiến cho rằng cái thật tượng không bao giờ có thể biết được và cái mà người ta cảm bằng là thật tượng chỉ là huyền thoại mà thôi. Huyền thoại ví như cụm rừng mênh mông đầy bí mật ấy mà rất hấp dẫn. Còn hiện tượng chỉ là một góc của rừng đã khai phá, phóng đường vạch lối hằn hoi. Trách nhiệm của sử gia là lần thêm vào rừng, tìm thêm những

bí ẩn mà chưa ai biết được để trình ra ánh sáng."

Sau hết, diễn giả cho biết như nói về hiện tượng Trương Công Định, ngành sử học cũng là một khoa học. Mà khi nói tới khoa học, chúng ta không thể đứng yên một chỗ xem cái hiểu biết của mình là bất di bất dịch, phải tiến mãi, tiến mãi.

Buổi nói chuyện kết thúc bằng sự trao đổi ý kiến giữa thính giả và diễn giả. Nhất là các bạn trẻ hăng hái lên phát biểu ý kiến. Rất tiếc vì thời giờ eo hẹp, nên ban tổ chức đành hẹn lại khi khác. Một giáo sư trong ban tổ chức cho biết thêm, sau buổi nói chuyện hôm nay, tập san Sử Địa lần lượt tổ chức lễ truy điệu cái chết của chí sĩ Trần cao Vân và vào dịp lễ Giáng Sinh nhiều đoàn thể văn hóa sẽ hợp tác lại để tổ chức một tuần lễ kỷ niệm 50 năm ca-kịch miền Nam.

PHẠM LONG ĐIỀN

Nhà Xuất-Bản TRINH BẦY

Chủ trương : THẾ - NGUYỄN và ĐIỂM - CHÂU

ĐÃ XUẤT-BẢN

CÂU CHUYỆN NĂM MỚI

Truyện VLADIMIR DUDINTSEV

Bản Việt-văn của ĐIỂM-CHÂU

Giá 45\$

NGƯỜI ĐỂ Ý ĐẾN THỜI CUỘC KHÔNG THỂ KHÔNG ĐỌC :

NỀN TẢNG TRANH CHẤP NGASÔ - TRUNG CỘNG

Của NGUYỄN-THÙY

Một biên-thảo công-phu về diễn tiến trong khối Cộng-Sản ; Sự bế-tắc của Lý-thuyết Mác-Xít về kinh-tế, chính-trị, thái-độ khối Cộng-Sản với Việt-Nam ; Người Việt-Nam phải làm gì cho Việt-Nam.— Sách dày 392 trang, bìa Offset hai màu. Đã có bán nơi các hiệu sách.